

BÁCH KHOA

4

I THÁNG BA 1957

Trong số này

HUỖNH-VĂN-LANG — *Tìm hiểu giá-trị đồng bạc.*

Cha RIQUET S. J.
HOÀNG - MINH - TUYNH dịch — *Trách-nhiệm người Công-giáo đối với anh em Vô-thần.*

PHẠM-NGỌC-THẢO — *Một ý-kiến về vấn-đề lãnh-đạo tinh-thần một đơn-vị quân-đội.*

NGUYỄN - HIẾN - LÊ — *Edgar Poe đã sáng-tác bài thơ bất-hủ THE RAVEN (Con Quạ) ra sao?*

TÀNG-VĂN-CHỈ — *Thử tìm biện-pháp thích-ứng đề-nâng đỡ xuất-cảng sản-phẩm V.N.*

NGUYỄN-DIỆM-SƠN — *Gỗ đũa tre.*

AN-CHÂU — *Xuân-ý. (thơ)*

HOÀNG-CÔNG-LIÊN — *Trở về.*

BÌNH - NGUYỄN - LỘC — *Hồn ma cũ. (Truyện ngắn)*

YÃ-HẠC + TRINH-NGUYỄN — *Hoàng-tử sung-sướng. (Truyện dịch)*

TỪ VU
(Bản-dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC) — *Nhất-gia. (Truyện dài)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

HUỲNH - VĂN - LANG : *Một chính-sách thuế-vụ
(quan-niệm cũ, quan-niệm mới).*

Cha RIQUET S. J. { *Đức ái-nhân trong Thiên-Chúa*
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch { *Giáo.*

PHẠM - NGỌC - THẢO : *Vấn-đề kinh-tế tự-túc trong
quân-đội.*

TĂNG - VĂN - CHÍ : *Quản-bình Giá-vật.*

Maurice QUÉGUINER { *Người nổi-chí thánh Cam-Điạ.*
NGUYỄN - ĐỨC - AN dịch {

MINH-PHONG : *Tiếp-tục "Tuần-lễ nội-hoá"
để kiện-toàn nền kinh-tế độc-lập.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 55 Bà Huyện THANH-QUAN
Phòng 42 — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boîte Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-Thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon.

Toutes Opérations de Banque et de Change.

TÌM HIỂU GIÁ-TRỊ CỦA ĐỒNG-BẠC

HUỲNH-VĂN-LANG

LÚC đồng-bạc Việt-Nam mạnh, nhất là khoảng 1930-1940, thì vấn-đề giá-trị của nó người dân Việt không quan-tâm đến. Ngày nó khởi-sự mất giá, từ lúc Nhật chiếm-đóng và nhất là từ ngày phá giá với đồng phát-lãng năm 1953 liên tiếp đến cuộc chia xẻ đất nước, người dân Việt dù biết nhiều biết ít cũng băn-khoăn cho đồng bạc của mình, vì cũng như người ta nói : đồng tiền là huyết-mạch. Phải, nó là huyết-mạch không phải riêng cho một ai, song là chung cho cả dân-tộc cùng có một thứ tiền lưu-thông trong nước. Phần đông chúng ta, nói được là 99% biết áy-náy lo âu cho nước nhà và nhất là cho mình nhưng không biết sao tìm cho được một giải-pháp để đối-phó với việc biến-chuyển giá-trị của đồng-bạc, mà nói đến việc biến-chuyển giá-trị của đồng bạc là nói đến sự thay-đổi giàu hay nghèo. Trừ ra, một số ít người Việt học được cái mảnh-khóc để đối-phó với sự biến-chuyển giá-trị tiền, có người chỉ đề tự bảo-vệ, giữ vững cái tình-cảnh tài-chánh của mình bằng cách chuyển-vốn, mua vàng bạc, mua hàng-hóa v.v... Còn có một loại người biết lợi-dụng sự biến-chuyển giá-trị đồng bạc ấy không những là đề tự bảo-vệ tình-cảnh của cái của họ mà còn biết làm tiền, làm giàu mau chóng. Bọn người sau này là bọn người « đầu-cơ ». Tóm lại, đứng trước sự biến-chuyển giá-trị của đồng-bạc, có 3 thái-độ hay 3 hạng người :

Hạng người chon-chắt biết lo sợ mà không biết sao đối-phó, hạng người « khôn-ngoa » biết cách tự bảo-vệ tình-cảnh tài-chánh của mình, hạng người gian-lận lợi-dụng tình-trạng tiền-tệ và nhất là sự « không biết » của hai hạng người trên để làm giàu chớp-nhoáng.

Xét về mặt phong-hóa thì hạng thứ nhất đáng thương-hại như một bầy cừu thấy sư-tử đến hốt-hoảng chạy lẫn-quần hay đâm đầu cả xuống giếng, hạng thứ hai đáng khen vì họ biết tự bảo-vệ tình-cảnh xã-hội của họ, hạng thứ ba đáng lên án vì lạm-dụng tâm-lý sợ-sệt và trốn-tránh của hai hạng trên. Nhưng xét về mặt kinh-tế thì cả ba hạng người đều có tội, vì thái-độ và nhất là tâm-lý của họ thêm hại cho đồng tiền chung.

Bài này không có tham-vọng « dạy bảo » hạng thứ nhất cũng như không ra mặt « làm khôn » thừa cho hai hạng sau, song chỉ có ý tìm hiểu một khía-cạnh tạm

gọi là khoa-học của một vấn-đề hết sức linh-động mà chúng ta cùng sống với nhau hằng ngày, hy-vọng giúp sao cho ba thái-độ trên tránh được phần nào cái tâm-lý bất hợp-lý thường xảy ra, là cái tâm-lý sợ-sệt nhiều khi vô căn-cớ.

CHỨC-VỤ CỦA ĐỒNG-BẠC

Thiết nghĩ khi nói đến giá-trị của đồng-bạc thì cũng nên nhắc lại ít tiếng về chức-vụ của đồng-bạc. Chức-vụ căn-bản của đồng-bạc là làm cho các cuộc trao-đổi hàng-hóa và dịch-vụ được dễ-dàng. Trong một xã-hội càng chuyên-môn thì chức-vụ của đồng-bạc càng thấy cần-thiết. Đã hay trong việc thương-mại hằng ngày giữa người ta, giữa công-ty, giữa xứ sở... ta có thể trao-đổi hàng-hóa với nhau không cần đồng-bạc, nhưng khi ấy ta thấy ngay bao nhiêu trở-ngại mọc lên làm cho sự giao-dịch thương-mại hết sức khó-khăn và chậm-chạp, nhất là những trở ngại sau này : (1) — thiếu một đơn-vị chung để đo và định giá cả các hàng-hóa và dịch-vụ, như muốn đổi con heo với vải thì làm sao biết heo bao nhiêu vải, hay vải bao nhiêu heo ; (2) — thiếu sự gặp-gỡ giữa nhu-cầu của người mua và người bán, như người có heo cần vải làm sao để gặp người có vải và ngược lại ; (3) — thiếu một đơn-vị gián-tiền để tính số nợ cho vay mượn sẽ phải trả ; (4) — thiếu phương-tiện để tích-trữ sức mua hay tư-bản.

Đó là 4 trở-ngại hết sức to lớn mà sách kinh-tế-học thường nêu ra, nhưng thực ra thì chung-quí chỉ có (1) và (2) là chánh, còn (3) (4) là do (1) và (2) mà ra. Bốn cái trở ngại trên tức-nhiên định-đoạt 4 cái chức-vụ của đồng bạc, 2 cái-chính và 2 cái phụ : 1. — đồng bạc là đơn-vị giá-trị ; 2. — là phương-tiện đổi-chác ; 3. — là đơn-vị để tính nợ-nần ; 4. — là phương-tiện tích-trữ giá-trị.

Tình-trạng kinh-tế ngày nay hết sức phức-tạp và chuyên-môn từ người ta, kẻ thợ người cày, kẻ chăn tằm, người dệt vải v.v... đến xí-nghiệp, đến cả xứ : miền chăn nuôi, miền trồng lúa, miền dệt vải, miền cày cấy v.v... cả các loại tư-bản : vốn đề kinh-doanh, vốn đề buôn-bán, vốn đề tiêu-thụ... Vì thế mà sự quan-trọng của đồng-bạc là một điều không cần chứng-minh cũng rõ. Sự quan-trọng ấy vì lý-do đồng-bạc là phương-tiện của sự giao-dịch thương-mại đã đành, đồng tiền còn là quan-trọng và nó là một mục-đích của bao nhiêu người, nghĩa là một yếu-tố căn-bản của kinh-tế ngày nay. Từ vai tuồng một tên đầy tớ, đồng tiền nhẩy lên làm chủ-nhân ông trong kinh-tế ngày nay. Xét về mặt phong-hóa thì điều ấy tốt hay xấu không phải đem ra đây bàn-cãi, nhưng xét về mặt kinh-tế thì dù là chủ-nhân hay đầy-tớ và nhất là vừa là chủ-nhân vừa là đầy tớ, đồng-bạc trong kinh-tế hiện tại là một điều hết sức cần-thiết cho sự sinh-hoạt kinh-tế của một nước nói riêng và của thế-giới nói chung.

GIÁ-TRỊ CỦA ĐỒNG BẠC

Giá-trị của đồng-bạc không phải ở tại cái chỗ nó làm bằng bạc hay là bằng vàng, làm nhiều hay ít vàng bạc với một đồng, song chính ở tại cái chỗ « với một đồng ta mua được cái gì đó và mua được bao nhiêu », nói cách khác cái giá-trị đồng-bạc không phải là giá-trị trực-tiếp của nó bằng chất gì và bằng bao nhiêu, song là giá-trị

gián-tiếp của nó là với bao nhiêu vàng hay bạc của nó trong một đơn-vị ta mua được bao-nhiêu, giá-trị đồng bạc là mǎi lực hay sức mua của một đơn-vị của nó trên thị-trường hàng-hóa và dịch-vụ hằng ngày. Một đơn-vị của nó mà mua hàng-hóa hay dịch-vụ được nhiều thì là nó có giá, mua được ít là nó kém giá. Cho nên ta không lạ gì mà thấy giá-trị đồng bạc chặ-t-chế liên-đốt với giá cả hàng-hóa và dịch-vụ ở thị-trường, hay nói cách khác giá-trị đồng-bạc và cái mực giá-cả tổng-quát hay trung-bình chặ-t-chế liên-đốt nhau. Vì thực ra giá-cả không là gì khác hơn là bao nhiêu đơn-vị, hay bao nhiêu đồng bạc ta phải có để mua một món hàng-hóa hay một dịch-vụ. Giá-trị đồng bạc thay-đổi theo một chiều ngược với mực giá-cả tổng-quát hay trung-bình. Giá-cả lên thì là giá-trị đồng bạc xuống. Trái lại giá-cả xuống là giá-trị đồng bạc lên. Giá-trị đồng-bạc và mực giá-cả không phải hai sự khác nhau cũng không phải là như nguyên-do và hiệu-quả, song hoàn-toàn là một sự mà ta xét hai phương-diện khác nhau đó thôi.

Khi ta nói đến mực giá-cả thì đừng hiểu là mực giá-cả món hàng này hay dịch-vụ kia, song phải hiểu đó là mực giá-cả tổng-quát hay trung-bình, một mực giá-cả có thể hình-dung được cho giá-cả hàng-hóa và dịch-vụ trên thị-trường. Thành-thủ khi một hay năm ba món hàng thay đổi giá-cả thì không thiết gì mực giá-cả tổng-quát hay trung-bình và hơn nữa giá-trị đồng bạc thay đổi theo.

Nhưng khi dùng mực giá-cả trung-bình thì cũng có lợi, có hại như dùng một con số trung-bình khác. Lợi vì ta có thể tìm ra dễ-dàng một con số không đúng sự thực 100% nhưng có thể tượng-trưng sự thật được, vì ta không làm gì hơn được : hiện giờ nếu phải lấy một con số có thể hình-dung được mực giá-cả của tất cả hàng-hóa thì công việc quá phức-tạp mà con số ấy chưa chắc gì là đúng được nữa. Hại, vì số trung-bình không đúng được sự thật 100% và hơn nữa các giá-cả thay-đổi khác nhau, có thứ thay-đổi chậm, có thứ lẹ, có thứ nhiều thứ ít, thành-thủ mỗi lúc, có khi mỗi giờ mỗi ngày cái mực trung-bình ấy cũng phải thay-đổi luôn mới tượng-trưng được. Nếu các giá-cả cùng thay-đổi như nhau về mọi phương-diện thì giá-trị đồng-bạc thay-đổi theo, nhưng sự thay-đổi ấy không có hiệu-quả gì tai hại về mặt xã-hội bao nhiêu : người ta cùng giàu hay cùng nghèo thêm gần như nhau. Nhưng thực-tế không thế, giá-cả thay-đổi lung tung, mỗi giá một cách một thể khác nhau.

Vì lẽ ấy khi dùng đến mực giá-cả trung-bình thì phải cần-thận : người làm phải biết chọn những mẫu giá-cả tượng-trưng thực-sự và biết cho mỗi giá-cả một hệ-số đúng. Đó là ta bàn đến chỉ-số giá-cả.

CHỈ-SỐ GIÁ-CẢ

Chỉ-số là những con số phần trăm thường gọi là tương-đối, vì chính nó tự nó thì nó không chỉ được cái gì, nhưng nó cần phải so-sánh với một chỉ-số khác gọi chỉ-số căn-bản nhất-định, thường là 100 trong thời-gian nhất-định, ví-dụ năm 1936. Chỉ-số để đo-lường trọng-lượng yếu-tố để so-sánh những yếu-tố trong lúc nào đó với những yếu-tố trong một lúc nhất-định bằng một chỉ-số căn-bản. Ví-dụ ta thử tìm chỉ-số về trường-học ở xứ X mỗi năm :

NĂM	SỐ TRƯỞNG
1945	200
1946	400
1947	500
1948	600
1949	700
1950	1000
1955	1500

Ta muốn lấy năm nào làm căn-bản để so-sánh cũng được. Ví dụ ta lấy năm 1947, thì chỉ-số sẽ là : $100 \left(\frac{500}{500} \times 100 = 100 \right)$.

Chỉ-số năm 1945 sẽ là 40 $\left(\frac{200}{500} \times 100 = 40 \right)$.

Chỉ-số năm 1950 sẽ là 200 $\left(\frac{1000}{500} \times 100 = 200 \right)$.

Bản chỉ-số các trường ở xứ X như sau :

Trường ở xứ X.

Căn-bản 1947 = 100

NĂM	CHỈ-SỐ
1935	30
1940	35
1945	40
1947	100
1950	200
1955	300

Các chỉ-số trên đây là những số phần trăm các trường các năm sánh với năm 1947. Chỉ-số giá-cả cũng làm thế, nghĩa là lấy một chỉ số một năm làm căn-bản để các năm khác so-sánh bằng phần trăm. Nó chẳng qua là số-lượng tương-đối để giúp ta có ý-niệm một sự-vật mà ta chỉ ý-niệm được một cách so-sánh mà thôi. Nhưng ta đừng quan-trọng-hoá giá-trị của các chỉ-số, nhất là chỉ số giá-cả. Các nhà kinh-tế-học công-nhận rằng chỉ-số giá-cả có giá-trị, nhưng giá-trị của nó là một giá-trị nhỏ nhưng lợi-hại.

MỤC GIÁ-CẢ Ở VIỆT-NAM

Giá-trị đồng-bạc V.N. đã hẳn là không được vững-vàng lắm nhất là trong 10 năm nay. Cho được quan-niệm điều ấy một cách có căn-bản thì ta nên xem các chỉ-số giá-cả ở Việt-Nam.

Ở Việt-Nam ta ưa dùng hai thứ chỉ-số giá-cả : chỉ-số buôn bán và chỉ-số tiêu-thụ do Viện Thống-Kê Việt-Nam. Cách làm thì Viện Thống-Kê cũng theo cách nói trên, nghĩa là chọn một số 5,60 mẫu giá và cho mỗi giá một hệ-số. V.T.K. của ta thiếu

phương-liện nên chỉ-số giá-cả có giá-trị hết sức tương-đối : chọn mẫu giá đã ít ỏi qua mà cách chọn chưa chắc-chắn bao nhiêu và cho hệ-số cũng chưa được tính-ót lắm. Nhưng khi chờ-đợi những chỉ-số hoàn-bị hơn, ta cũng có thể tạm dùng những chỉ-số hiện có với tất cả sự dè-dặt cần phải có.

CHỈ SỐ

(từng tam-cá-nguyệt)

(Căn-bản 1949 = 100) (Theo Kinh-Tế Tập-San)

NĂM	CHỈ-SỐ BÁN - BUÔN	CHỈ-SỐ TIÊU-THỤ	
	Tổng-quát	Giai-cấp trung-đẳng	Giai-cấp thợ-thuyền
1950	90	102	97
	92	105	101
	109	106	105
	104	108	106
1951	111	110	108
	118	121	115
	122	123	119
	124	129	127
1952	126	133	135
	126	138	137
	133	142	147
	138	144	151
1953	130	148	155
	158	183	186
	171	208	202
	167	211	202
1954	154	206	200
	153	209	200
	167	214	205
	162	218	208
1955	163	211	202
	172	228	216
	187	241	232
		248	246

Nếu các chỉ-số trên đây đúng thì ta có thể kết-luận rằng trong 5 năm nay đồng bạc Việt-Nam ta đã mất giá hết phân nửa. Mãi-lực của một đồng bạc trước kia mua được một món hàng nay chỉ còn mua được phân nửa.

NGUYÊN-DO MỤC GIÁ-CẢ

Mức giá-cả khi lên khi xuống có khi trong một ngày, 1 tháng, 1 năm... Tại sao? Không cần ăn học người dân ta cũng biết là khi nào hàng nhiều thì giá xuống, khi nào hàng ít thì giá lên. Như thế không phải là không đúng, nhưng không đúng hẳn, vì có khi hàng ít mà ít người mua thì giá cũng thấp, hay hàng nhiều mà nhiều người mua giá vẫn cao. Như sau chiến-tranh, ta nhập-cảng hàng vãi vô nhiều gấp mấy lần trước thế mà vẫn đắt, vì một phần lớn dù vãi vẫn nhiều nhưng người mua lại nhiều hơn trước. Cho nên muốn nói cho đúng thì thiết-nghĩ nên đặt vấn-đề cho trọn-vẹn hơn là mức giá-cả định-đoạt do sự liên-đối giữa khối tiền-tệ đề tiêu ra và hàng-hóa cùng dịch-vụ đề bán ở thị-trường. Nếu khối tiền đề tiêu càng nhiều mà khối hàng-hóa dịch-vụ ít đi thì giá sẽ lên, trái lại khối tiền-tệ không thêm mà thêm hàng-hóa đề bán thì giá sẽ hạ. Tóm lại, chính cái phân-xuất giữa khối tiền đề tiêu và khối hàng-hóa đề bán ở thị-trường là yếu-tố quyết-định mức giá cả.

KHỐI TIỀN-TỆ Ở VIỆT-NAM — NĂM 1955 VÀ 1956

Từng tháng (Tài-liệu trích trong Kinh-tế Tập-san)

Kề từng triệu bạc V.N.

			1955		1956
Tháng	Giêng	:	16.453	:	17.079
—	Hai	:	16.431	:	17.548
—	Ba	:	16.939	:	16.625
—	Tư	:	16.514	:	16.681
—	Năm	:	16.337	:	16.978
—	Sáu	:	17.418	:	17.418
—	Bảy	:	18.565	:	17.587
—	Tám	:	18.643	:	17.391
—	Chín	:	17.811	:	17.220
—	Mười	:	17.763	:	17.208
—	Mười một	:	18.555	:	
—	Chạp	:	16.753	:	

Cái khối tiền-tệ đề tiêu ra lại do hai yếu-tố khác là (1) số tiền cung ở thị-trường hay là số bạc đưa ra thị-trường sẵn-sàng để mua hàng-hóa hay dịch-vụ và (2) sự lưu-hành nhanh hay chậm của đồng-bạc trên thị-trường (mỗi đơn-vị tiền-tệ tiêu ra trong một đơn-vị thời-gian bao nhiêu lần). Số tiền tiêu-pha trong một thời-gian nhất-định là kết-số của số-lượng tiền-tệ nhân cho số trung-bình mỗi đơn-vị tiền-tệ tiêu mấy lần. Ví-dụ : ta lấy đơn-vị thời-gian là ngày, đơn-vị tiền-tệ là đồng bạc ; nếu trong nước có 10 tỷ bạc mà mỗi ngày 1 đồng tiêu trung-bình 3 lần thì khối tiền-tệ đề tiêu-pha ở thị-trường là $10 \text{ tỷ} \times 3 = 30 \text{ tỷ}$.

Tựu-trung, 3 yếu-tố quyết-định mức giá-cả là (1) số-lượng tiền Cung,

(2) sự nhanh-chóng của việc lưu-hành đồng bạc (3) khối-lượng hàng-hóa hay dịch-vụ ở thị-trường. Sự thay-đổi 1 trong 3 yếu-tố sẽ ảnh-hưởng ngay đến mực giá-cả ở thị-trường. Nếu khối-tiền thêm hoặc sự lưu-hành nhanh hơn hay cả hai đều thêm lên một trật sẽ làm cho mực giá-cả lên cao ; trái lại, nếu khối-lượng hàng-hóa hay dịch-vụ thêm lên thì giá-cả sẽ hạ xuống.

Nhưng một điều đáng được chú-ý nhất là nhiều lúc số-lượng tiền-tệ thêm lên mà giá-cả không lên hơn, vì nhiều lúc thêm tiền tức là thêm nhu-cầu mà sự sản-xuất hàng-hóa hay dịch-vụ cũng lên theo liền đề làm cho giá-cả không lên được. Trái lại nhiều khi khối-tiền giảm-đi, mà giá-cả không xuống vì sản-xuất hàng-hóa hay dịch-vụ giảm bớt theo liền. Cho nên đừng dựa vào chỉ một sự thay-đổi về số-lượng tiền-tệ mà vội kết-luận về giá-cả hay dựa vào sự thay-đổi giá-cả mà kết-luận về số-lượng tiền-tệ hay nhu-cầu.

HIỆU-QUẢ CỦA SỰ THAY ĐỔI MỰC GIÁ CẢ

Những hiệu-quả ta kể ra sau đây thực-sự không phải do sự thay-đổi giá-cả như do một nguyên-do mà ra, vì chính sự thay-đổi giá-cả là hiệu-quả của 3 nguyên-do đã nói trên. Cho nên chính 3 nguyên-do đó mới sanh ra sự thay-đổi giá-cả và từ sự thay-đổi giá-cả sanh ra những hiệu-quả khác nữa. Thực ra, như đã nói trên, nếu 3 nguyên-do trên thay-đổi giá-cả, nhưng tất cả giá-cả đều thay-đổi một cách như nhau, nhiều ít như nhau thì 3 nguyên-do ấy chẳng sinh ra hiệu-quả gì nữa. Trái lại, trong thực-tế thì mỗi khi một hay cả 3 nguyên-do ấy thay-đổi thì ảnh-hưởng hẳn đến giá-cả và một cách « lộn-xộn » khác nhau, đề rồi sanh ra nhiều hiệu-quả khác nhau, nhất là những hiệu-quả sau đây:

SỰ SẢN-XUẤT VÀ THẤU-DỤNG NHÂN-CÔNG

Sự thay-đổi khối-tiền-tệ tiêu ra sẽ thể-hiện ngay trên thị-trường hàng-hóa và dịch-vụ bằng sự thay đổi về nhu-cầu và nếu nhu-cầu tiền-tệ thay đổi tức là thay đổi sự sản-xuất và sự thâu-dụng nhân-công. Một ví-dụ cụ-thể : nếu khối-tiền lưu-hành bớt đi, làm cho nhu-cầu vơi sụt xuống, tức là làm cho giá-cả vơi sụt xuống. Người sản-xuất vơi không phải nghĩ đến vấn-đề bớt sản-xuất và sa thải người, nếu tất cả những giá-cả tính vào tiền vốn vơi (như tiền lời, tiền chuyên-chở, tiền lương thợ, tiền nguyên-liệu, tiền thuê nhà...) cùng xuống một chiều. Trái lại như ta biết, các thứ tiền này không thể thay đổi một chiều và tức-khắc khi khối-tiền-tệ và giá vơi thay đổi. Cho nên khi giá-cả thay đổi tức-nhiên ảnh-hưởng ngay đến sự sản-xuất và thâu-dụng nhân-công dù muốn dù không.

SỰ PHÂN-PHỐI LỢI-TỨC

Tiếp theo sự thay đổi mực giá-cả, nhất là sự thay đổi to rộng, sẽ có sự thay đổi to rộng và độc-đoán trong sự phân-phối lợi-tức quốc-gia, vì thực ra sự thay đổi giá-cả ảnh-hưởng đến lợi-tức cá-nhân mỗi người mỗi khác nhau. Cho người này thì lợi-tức tính theo số tiền thì không thay đổi, có kẻ thay đổi nhiều có kẻ thay đổi khác ;

nếu tính theo mĩ-lực thì còn khác nhau nữa. Nếu giá hàng-hóa dịch-vụ lên mà lợi-tức của ai không lên hay lên theo chậm hơn thì bị thiệt vì mĩ-lực của họ bị giảm đi. Trái lại nếu giá cả xuống mà lợi-tức của ai không xuống thì họ lợi vì mĩ-lực của họ được gia-tăng. Giá sinh-hoạt thường khi lên chậm hơn thứ lợi-tức di-chuyển theo giá-cả của một số người như nhà buôn chẳng hạn. Cho nên nhiều khi họng người này lợi nếu mĩ-lực của đồng-bạc xuống (vì giá cả lên) mà thiệt khi mĩ-lực của đồng-bạc lên (vì giá cả xuống). Khi giá-cả lên, những người có lợi-tức nhất-định như tiền thuê nhà, tiền lời do quốc-trái, do bảo-hiêm... bị nguy-ngập ngay. Giá sinh-hoạt lên cao mấy năm nay làm cho mĩ-lực của họ xuống nhiều, nhà buôn mau giàu, chủ điền, chủ đất, chủ nhà giàu không kịp. Cuộc lạm phát 1941-1945 dưới trào Nhật đã làm cho một số chủ nợ điêu-đứng : một người chủ nợ cho vay năm 1936, qua năm 1945 mới thu được nợ, tất-nhiên mĩ-lực của họ bị giảm đi hết $\frac{3}{4}$; cuộc lạm phát ở Đức làm cho một số người chẳng những là phá-sản mà còn chết đói là khác : những gia-đình có lợi-tức nhất-định trong năm 1914 sống như đế-vương, qua năm 1923 tất cả số lợi-tức đều được cả năm không đủ để trả một bữa cơm.

Có nhiều người cho rằng khi động đến giá-cả tức là động đến sự phân-phối lợi-tức quốc-gia, là bất-công xã-hội. Nhưng nếu vì đó mà phải trực-tiếp phân-phối lại lợi-tức quốc-gia một cách độc-đoán thì cũng chưa chắc gì sửa chữa lại được sự bất-công xã-hội. Nhiều khi giảm bớt giá-cả có thể thêm mĩ-lực cho những người có lương hằng tháng nhưng cũng có thể sanh thất-nghiệp, thêm mĩ-lực cho bọn chủ nhà, chủ đất, chủ nợ, triệu-phủ và bớt lợi-tức các chủ-nhân tiều-công-nghệ.

KẾT-LUẬN

Thấy mức giá-cả thay-đổi mà trực-tiếp can-thiệp vào giá-cả để cho mức sinh-hoạt hay giá-trị đồng-bạc thay-đổi thì chỉ là hoạt-động trên hiệu-quả cho nên chưa đủ. Muốn ảnh-hưởng đến giá-cả, cần phải hoạt-động từ nguyên-do của nó là từ 3 yếu-tố đã nói trước : (1) khối-lượng (2) sự lưu-hành tiền-tệ và (3) khối-lượng hàng-hóa. Phương-pháp tài-chánh, nhất là một chánh-sách thuế-vụ thích-ứng sẽ trực-tiếp ảnh-hưởng đến 2 yếu-tố thứ 1 và thứ 2 ; còn một chánh-sách kinh-tế nhất là sản-xuất và thòp-cảng sẽ ảnh-hưởng đến yếu-tố thứ 3. Chánh-sách Kinh-tế và Tài-chánh là chánh, còn sự kiểm-soát giá cả chỉ là việc phụ, nhưng nếu 3 phương-pháp cùng được áp-dụng hòa-hợp với nhau, cái chánh cái phụ thì mới trông có hiệu-quả mau lẹ và thật sự.

★ KHÔNG thật có ý-chí thì gây thêm nhiều lăm-lạc và làm cho những sự lăm trước nó trở lại.

Còn thật có ý-chí thì chẳng những khỏi lăm thêm mà lại còn dứt được những sự lăm trước nữa,

MAJJHIMA-NIKAYA.

TRÁCH-NHIỆM NGƯỜI CÔNG-GIÁO ĐỐI VỚI ANH EM VÔ-THẦN

CHA RIQUET S. J.
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

Trong những loạt bài diễn-văn đọc tại nhà thờ Đức Bà thành Pa-ri, Cha Riquet S. J. đã đề-cập tới vấn-đề người công-giáo trước chủ-nghĩa vô-thần. Những ý-tưởng tân-kỳ và cao-siêu của cha dòng Tên đã gây nên rất nhiều luồng dư-luận sôi-nổi trong giới công-giáo hoàn-cầu, đến nỗi chính Cha đã phải lên tiếng đòi lần trong báo *Témoignage Chrétien* để định-chánh những tư-tưởng mà người ta đã gán cho ngài một cách sai-lạc bởi quá hấp-tấp, và để xác-định những tư-tưởng mà người ta đã e-ngại cho ngài bởi quá ngu-dốt hay quá sợ-sệt. Khởi sự từ số này, chúng tôi trích-thuật ít nhiều đoạn trong các bài diễn-văn của Cha Riquet để quý vị đọc-giã thưởng-thức. Mong mỗi tư-tưởng của ngài sẽ là một đề-tài cho mỗi người công-giáo Việt-Nam suy-gẫm.

CÓ nhiều người công-giáo xấu-xa, và cũng có nhiều người công-giáo tầm-thường, bác-ái tầm-thường, học thức tầm-thường, thông-minh tầm-thường, cho người ta một ý-tưởng về Thiên-Chúa theo hình-ảnh của họ, nghĩa là cũng suy-nhược và tầm-thường như họ.

Nhiều người bảo mình là vô-thần, hoặc tỏ ra là vô-thần, mà kỳ thật chỉ là người đang tìm đối một tôn-giáo thuần-túy hơn, hợp-lý hơn, siêu-nhiên hơn thứ tôn-giáo của một số người đang theo, hay đúng hơn, một tôn-giáo đã bị một số tín-đồ phản-bội làm ô-danh, bằng cách dùng tôn-giáo ấy để tô-diêm cho sự hiếu-danh, hoặc theo đuổi những mưu-kế hoạn-tài.

Chính thánh Phao-lô đã từng nổi cơn thịnh-nộ khi nói tới những hạng công-giáo ăn ở như những kẻ thù-nghịch cùng thánh-giá của Chúa Giêsu, và lấy cái bụng mình làm Thiên-Chúa mình.

Chúng ta phải thành-thật nhìn-nhận điều này là tôn-giáo.— Công-giáo cũng như các tôn-giáo khác,—thường bị người ta lợi-dụng để che đậy những ý-tưởng vô-nhân-đạo và những hành-vi phi-luân-lý.

Chính trong thế-kỷ thứ XIX, các quan-niệm của Marx và Engels về tôn-giáo đã gây nên một phản không nhỏ bởi một số giáo-dân trong thời ấy đã tự nhận là những người công-giáo, mà không thể nào làm cho các người đồng-thời với mình có một ý-tưởng cao-thượng, rộng-rãi và chân-chính về tôn-giáo mình theo.

Và trước nữa, khi người I-pha-nho sang chiếm miền Mễ-tây-cơ ở Mỹ-châu, thấy thờ-dân phần nhiều tỏ ra cứng lòng không chịu tôn-phục Phúc-Âm, họ đều tỏ ra thái-độ bất-bình và cho là đám dân ấy đã từ-khước tin lành tức là phạm tội chống lại Đức Chúa Thánh-Thần? Trước cái vẻ khinh-khi ấy, một nhà thần-học trứ-danh

mà can-dảm, vị linh-mục François de Vitoria thuộc dòng Đa-Minh, đã lên tiếng đối lại rằng : « Chỉ khi nào đức-tin người ta đưa tới cho người thổ-dân là đức-tin có dẫn-chứng hân-hoai và lý-do chính-dáng, thêm vào những gương-mẫu sinh-hoạt lương-thiện, xứng-hợp với lẽ-luật thiên-nhiên, và đức-tin ấy phải được luôn luôn phổ-diễn ra, thì bấy giờ người ta mới có quyền bảo người thổ-dân từ-khước đức-tin là có tội ».

« Nhưng thực ra, vị linh-mục nói tiếp, cứ như tình-trạng ngày nay, tôi nhận thấy người ta giảng đức-tin theo một cách-thế rất quái-gờ, khiến cho người thổ-dân không thể tin được rằng không tin lại có thể có tội được ! Người ta không hề nói gì đến phép lạ này phép lạ nọ, người ta không hề đếm-xỉa gì đến gương lành này gương lành nọ. Trái lại, tôi chỉ toàn nghe thấy người ta nói tới gương xấu này, gương xấu nọ, tội-ác này tội-ác nọ mà thôi ».

Chúng ta ngày nay có thể tự hỏi, những đám quần chúng ngoại-đạo ở xung-quanh chúng ta có quyền có những lý-do từ-khước đạo Chúa, như những người thổ-dân ngày xưa trong thời cha François de Vitoria chăng ?

Không cần biết rõ nguyên-nhân tự đâu và những ai là kẻ phải chịu phần trách-nhiệm, có điều hiển-nhiên này, ai cũng công-nhận, là tôn-giáo chúng ta đang theo hiện nay, đối với nhiều người đồng-thời có vẻ là một tôn-giáo lạc-hậu, lỗi-thời, phát-sinh tự trí tưởng-tượng của những dân-tộc đời thái-cổ, còn nhiễm đầy những tàn-tích dị-doan.

Thêm vào đó, người ta còn cho có sự ràng-buộc chặt-chẽ giữa tôn-giáo này với những giai-cấp thống-trị, với nền quân-

chủ độc-tôn, với giới tư-sản trong kỷ-nguyên tư-bản nữa.

Có lạ gì nếu thấy vì đó, một số những tâm-hồn đơn-sơ, không hiểu biết gì về những tiến bộ của khoa thần-học, chỉ lập lại những biểu-ngữ, những khẩu-hiệu đã học được trong một vài cuộc nhóm họp nào đó, rồi sẵn-sàng niềm-nở đón chào một chủ-nghĩa vô-thần chủ-trương lấy khoa-học và tiến-bộ làm gốc, coi chủ-nghĩa ấy như một bước đường tiến-hóa của nhân-loại, coi chủ-nghĩa ấy như một Chúa-Cứu-Thể đến giải-phóng cho nhân-loại thoát khỏi các nạn ngu dốt, dị-doan và sự bóc-lột của bọn tư-bản lấy tôn-giáo mà mê-hoặc nhân-dân.

Vậy đối với người công-giáo còn thắc-mắc băn-khoăn đến việc đưa Thiên-Chúa đến với những kẻ chưa nhận biết Người, điều cốt-thiết phải làm trước tiên là tẩy trừ tôn-giáo mình cho sạch hết cái tỳ-vết mà sự hèn-yếu loài người đã làm cho nhuộm phải. Người công-giáo còn phải tránh sự bình-giải lời Phúc-Âm theo một tính-cách quá vụ-lợi, quá ích-kỷ, quá khôn-khéo, làm biến-chất cả cái tinh-thần chính-xác của Phúc-Âm đi. Người công-giáo lại phải ly-khai tôn-giáo mình ra khỏi các giường-mối liên-hệ với các chế-độ chính-trị hoặc kinh-tế trong thời-gian, và phải nên nhớ tới cái *thiên chúc vĩnh-cửu* của tôn-giáo mình vượt trên tất cả mọi thời-gian.

Tóm lại người công-giáo phải làm sao, dùng mọi sự hy-sinh, mọi sự cải-cách cần-thiết để làm biến tan các thành-kiến, các ngộ-nhận đã khiến tôn-giáo mình trở nên không thích-hợp và rất khó hiểu cho một số rất đông người vô tín-ngưỡng đầy thiện-chí đang tìm đối sự chân thật.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

MỘT Ý-KIẾN VỀ VẤN-ĐỀ LÃNH-ĐẠO TÌNH-THẦN

MỘT ĐƠN-VỊ QUÂN-ĐỘI

PHẠM-NGỌC-THẢO

TRONG đơn-vị chiến-dấu có xảy ra trường-hợp cũng khá phổ-thông của những vị sĩ-quan, tốt-nghiệp ưu-hạng tại trường học quân-sự, nhưng không làm được tròn nhiệm-vụ chỉ-huy-viên. Họ giỏi về lý-thuyết quân-sự nhưng họ không « nắm được đơn-vị », nên họ chỉ-huy tác-chiến không bảo-đảm.

Không phải bất cứ một đơn-vị nào cũng có thể áp-dụng thành-công một kế-hoạch tác-chiến tốt. Ngoài trình-độ kỹ-thuật của đơn-vị người chỉ-huy, còn phải biết rõ-ràng tinh-thần của đơn-vị mình, và chỉ khi nào nắm vững được tình-hình vật-chất lẫn tinh-thần của đơn-vị, người chỉ-huy mới có thể đặt kế-hoạch thích-hợp và chỉ-huy chiến-dấu bảo-đảm.

Nhưng, nếu cách bắn một trung-liên hay cách ném một quả lựu-dạn được chỉ rõ-ràng trong sách vở, thì cách lãnh-đạo tinh-thần quân-đội tuy có đề-cập đến, nhưng thường cũng rất sơ-lược nếu không nói là mơ-hồ. Hơn nữa, nếu rui-ro mà

giảng-viên là người ngoại-quốc hay người ít sống trong nước thì những phương-thức lãnh-đạo tinh-thần quân-đội được đề ra lại càng sai-lạc.

Thiết-tưởng cần nhận-định những khó-khăn căn-bản của vấn-đề này thì sẽ dễ thấy những phương-pháp bổ-túc.



Dân-tộc Việt-Nam chúng ta gồm đại đa số là nông-dân. Quân-đội Việt-Nam, vì thế, cũng gồm đa số người xuất-thân từ nông-thôn.

Bản-chất người nông-dân là bản-chất người không quen sống trong một khuôn-khò kỷ-luật tập-thể. Họ rất giàu tình-cảm gia-đình : óc phục-tùng tự tôn-chức không có sẵn. Mặt khác, họ thường là người ít học chữ. Họ không thích lý-luận nhiều, nhưng họ rất thực-tế. Tâm-lý họ giản-dị, lời-lẽ họ chất-phác. Tuy nói ít, nhưng họ chịn cực-khổ được và dám làm.

Nhưng nếu đa số quân-nhân là nông-dân,

trái lại, đa số sĩ-quan lại là những người trong giới có học-thức, tức là trong hiện-trạng xã-hội những người tương-đối có tiền của : nếu không phải là đồng-dôi tư-sản to lớn thì cũng là thuộc gia-đình tiểu công-chức, tiểu thương-gia hay tiểu địa-chủ.

Bản-chất của những người này lại khác khá nhiều với bản-chất nông-dân. Họ trọng học-lực, thích lý-thuyết, chuộng hình-thức. Họ học mau, hiểu mau, nhưng chịu đựng cực-khổ không bằng nông-dân. Tâm-lý họ phức-tạp hơn, lời lẽ họ êm-dịu, lưu-loát, văn-hoa.

Trong bản-chất xã-hội, người sĩ-quan và người binh-sĩ nói chung khác nhau khá nhiều nên sự thông-cảm gặp những trở-ngại quan-trọng.

Tôi nhớ lại, thường khi xem hát bóng hay kịch, có những đoạn sĩ-quan cười và thường-thức, trại lại binh-sĩ không thích ; song, có những đoạn khác thì trái ngược lại. Có những lời đùa giỡn mà binh-sĩ rất ưa, nhưng sĩ-quan cho là thô-bỉ. Có những sách mà sĩ-quan viết cho binh-sĩ nhưng không binh-sĩ nào chịu coi. Có những lời lẽ mà sĩ-quan thường dùng, nhưng binh-sĩ rất khó hiểu.

Có một lần tôi trình-bày một cách kiến-trúc đồn-bốt như sau :

« Ở đây có một cái mương sâu 1 thước 80, rộng 2 thước, dưới đáy mương có cắm chông ».

Một đội-viên nông-dân đã từng quan sát mương đó, tiếp lời tôi nói như sau :

« Mương đó không nhảy qua được vì không chỗ lấy trôn, té xuống dưới thì ngập đầu và tiêu bộ giò ».

Anh em trong đơn-vị hiểu lời của anh đội-viên rõ-ràng hơn lời nói của tôi vì cách nói cụ-thể. Nhưng, nếu trình-bày lên

cấp trên và nếu cấp trên là trí-thức thì những lời đó bị phê-phán là không rõ-ràng, thiếu khoa-học.

Càng lẫn-lóc nhiều với anh em binh-sĩ, càng thấy rõ sự khác-biệt do thành-phần xã-hội tạo ra giữa sĩ-quan và binh-sĩ.

Một khó-khăn khác nữa là truyền-thống xây-dựng quân-đội. Dù muốn dù không, quân-đội ta cũng bị ảnh-hưởng của nề-nếp một quân-đội thuộc-dịa Pháp. Nếu nhớ kỹ lại thì hồi thời Pháp-thuộc, hầu hết sĩ-quan đều là người Pháp, hay ít nữa cũng là người chịu ảnh-hưởng rất nhiều của Pháp (lẽ tự-nhiên cũng có vài trường-hợp đặc-biệt). Do đó, sự giao-thiếp giữa sĩ-quan Pháp và binh-sĩ Việt-Nam có một tánh chất bất bình-dẳng về vật-chất cũng như tinh-thần. Làm thế nào có sự bình-dẳng giữa một «Đor zièm cù bấp» (2ème classe) ăn lương chết đói với một sĩ-quan vật-chất đầy-dủ ? Những sự đùa giỡn giữa binh-sĩ Việt-Nam và sĩ-quan Pháp không thể có tinh-thần anh em ruột thịt cùng một nhà. Một sĩ-quan cần phải giữ đúng cương-vị và sự cách-biệt giữa họ với binh-sĩ. Những khác nhau về màu da và địa-vị người đô-hộ với kẻ bị đô-hộ biến sự cách-biệt này thành một hố chia rẽ. Truyền-thống đó không phải trong giấy lát mà gặt bỏ được. Nó đòi hỏi sự tiến-bộ chẳng những của sĩ-quan mà cả của binh-sĩ nữa. Cần thiết là có can-đảm nhận-nhận sự khó-khăn thực-tế đó thì mới có thể sửa chữa được.

Một khó-khăn thứ ba cũng đáng kể là đặc-tính tâm-lý người phương Đông.

Luân-lý Khổng, Mạnh đã đề-cao vai trò của cá-nhân đến mức-độ thật quan-trọng. Nếu ở phương Tây, pháp-luật lấy khuôn-khò luật-lệ thành-văn đề trị người, trái lại ở phương Đông, quan-niệm Nhân-Trị Chủ-Nghĩa lại là nền-tảng của Pháp-luật.

Muốn trị được việc nước, trước tiên phải tu-thân. Người phương Đông rất trọng cá-nhân, nên đòi hỏi nhiều ở sự tu-dưỡng của cá-nhân. Giấy tờ pháp-luật có thể đặt một người ở một địa-vị nào đó, nhưng người ấy sẽ không đủ uy-tín để lãnh đạo nếu người ta thiếu tin-tưởng ở cá-nhân người ấy. Đặc-biệt ở miền Nam nước Việt, vấn-đề tình-cảm cá-nhân lại chiếm một địa-vị quan-trọng hơn ở miền Bắc.

Đối với tâm-lý phương Tây, những mối tình-cảm cá-nhân xen trong bộ máy chánh-quyền có thể coi như là việc thiếu khoa-học. Theo họ giữa hai Trung-ủy, cấp trên định người nào thì cấp dưới phải chịu mệnh-lệnh người đó, không thể suy-nghĩ gì khác. Sự thật, ở phương Đông vấn-đề cá-nhân của một Trung-ủy nào đó có thể ảnh-hưởng đến đơn-vị nhiều hơn ở phương Tây.

Vì lý-do đó nên sự lãnh-đạo của một sĩ-quan đối với binh-sĩ đòi hỏi một tu-dưỡng bản-thân đúng mức. Uy-tín của những «lon» hay «bông mai» không đủ để lãnh-đạo được tinh-thần binh-sĩ, nếu coi nhẹ vấn-đề tu-thân. Một sĩ-quan ở phương Tây, nếu không được cảm-tình của đơn-vị mình có thể chỉ-huy dễ hơn một sĩ-quan Việt-Nam đứng trong một hoàn-cảnh tương-tự. Về điểm này, những người ngoại-quốc ở Âu Mỹ có thể nghe và hiểu được, nhưng họ khó mà thấm-thía sâu-sắc và đầy-dủ ý-nghĩa.



Nếu nắm vững được những khó-khăn căn-bản trong vấn-đề lãnh-đạo tinh-thần quân-đội thì có thể tìm ra nhiều biện-pháp để khắc-phục.

Lẽ-tức-nhiên biện-pháp thuộc về nhiều

loại tùy địa-vị của cấp-bực nào áp-dụng nó.

Đây không bàn đến những biện-pháp của các cơ-quan lãnh-đạo quân-đội, vì có nhiều điều không tiện tiết-lộ.

Tôi chỉ nêu lên vài ý-kiến về biện-pháp do bản-thân người sĩ-quan cần áp-dụng để có thể thông-cảm với binh-sĩ mình, dựa theo những kinh-nghiệm hẹp-hòi của một cá-nhân.

Điều cần-thiết nhất để có thể thông-cảm với binh-sĩ là phải **KHIÊM-TỐN**. Một sự khiêm-tốn chân-thật vì rất **xác-đáng**.

Nghĩ cho kỹ, trong lúc chiến-đấu, công-lao anh em binh-sĩ rất lớn. Vị-trí của họ rất nguy-hiêm không kém gì người chỉ-huy, có khi lại hơn. Nhưng đơn-vị có thắng thì danh-tiếng họ cũng chìm trong danh đơn-vị. Nếu có kẻ công-độc cho lên đến cấp trên, thì ít khi mà đội-viên được hưởng. Nói chỉ đối với dân chúng, dù bao nhiêu binh-sĩ có chết đi nữa thì chỉ thêm tiếng-tăm cho Tướng này hay Tá nọ, chứ dân dẫu biết đến tên của lính nào. Kể bên sự hy-sinh, sự hưởng-lợi của họ cũng tương-đôi kém-cỏi so-sánh với cấp chỉ-huy. Nếu kiểm-điểm cho công-bằng thì trong thâm-tâm người chỉ-huy, chắc không thể nào khỏi giựt mình khi nhận thấy những công của binh-sĩ đã biến thành công người chỉ-huy, một cách vô-tình hay cố-ý.

Nếu xét rằng chỉ vì mình sanh-trưởng trong gia-đình khá-giả nên được đi học, và nhờ vậy, dự một khóa sáu tháng hay một năm mà vượt qua những người đã phải khổ-cực và nguy-hiêm chiến-đấu trong năm mươi năm trời, thì sẽ càng thấy rằng sự khiêm-tốn của mình đối với binh-sĩ là một việc rất xác-đáng không chút nào thiệt-thòi cho người chỉ-huy.

Trên căn-bản **KHIÊM-TỐN** người chỉ-

huy mới có thể thành-thật THƯƠNG-MẾN binh-sĩ. Thương-mến không phải trên một quan-diểm bảo-vệ em út hay con cháu, nhưng thương-mến trên một lập-trường bình-dẳng giữa chiến-hữu với nhau cùng chia cực-khổ và vui-sướng, cùng chia cơm đor nước đục, cùng sống chết với nhau giữa mưa gió sừng dạn.

Chỉ khi nào người chỉ-huy có khiêm-tốn đối với binh-sĩ, tình thương-mến chân-thật mới có thể phát-sinh ra. Và một khi đã thành-thật thương-mến người đội-viên trên một lập-trường đúng đắn, thì tức-nhiên người đội-viên sẽ thông-cảm ngay với người chỉ-huy. Mặc dù lời lẽ có bất đồng, mặc dù hình-thức có khác nhau, nếu hai quả tim có thông-cảm thì hai tinh-thần sẽ hòa-hợp.

Tôi nhớ có một lần trong một trận phục-kích, lúc địch đã tiến đến gần mà một anh tiểu-đội-trưởng trung-liên lại lên đạn có tiếng động. Địch quá gần không cách nào nói gì cả. Tức quá, vì sợ mất thời-cơ chủ-động nổ súng, tôi gõ trên đầu anh ấy một cái thật mạnh. Lúc xong trận, về đồn-trại kiểm-thảo, tôi bị cấp trên phê-phán là thiếu tư-cách chỉ-huy : nhưng tất cả anh em binh-sĩ đều phản-đối. Họ phản-đối vì họ hiểu rằng tôi chẳng có ý-nghĩ gì khinh-miệt đội-viên. Khi họ đã thông-cảm rồi thì họ không cố-chấp về hình-thức gì đâu. Họ là người rất chất-phác và rất giàu tình-cảm. Thành-thật thương họ, họ sẽ thành-thật thương mình lại. Đã thương nhau thì sẽ hiểu nhau.

Kinh-nghiệm chứng-minh rằng người chỉ-huy không thể dùng thủ-đoạn để thu-phục nhân-tâm của đơn-vị. Không sớm thì muộn, anh sẽ rồ bẻ trái của lòng người chỉ-huy đó và lúc bấy giờ họ lại càng ghét thậm-tệ hơn nữa.

Muốn thực-hiện sự gần-gũi đội-viên để hiểu họ, hầu có thể làm tròn nhiệm-vụ chỉ-huy-viên, cần phải TRANH-ĐẤU nhiều với BẢN-THẦN mình, vì tình-cảm giữa người đồng-cảnh xã-hội để hòa với nhau, sĩ-quan và sĩ-quan để thích nhau, để mến nhau. Nhưng nhiệm-vụ người chỉ-huy là cần thông-cảm với đội-viên, hiểu họ và làm cho họ hiểu mình, thương họ và làm cho họ thương mình. Vì thế nên phải đấu-tranh với khuynh-hướng tự-nhiên của mình mới có thể gần-gũi được anh em đội-viên.

Xưa kia, tôi được biết hai anh chỉ-huy-trưởng tiểu-đoàn cùng đều xuất thân sinh-viên. Một anh thường hay xuống thăm-viếng các đơn-vị nhỏ, hay hỏi chuyện và đàm-luận với đội-viên, và chỉ ghé thăm sơ-cấp chỉ-huy đại-đội. Anh kia thì mỗi lần xuống các đại-hội, trái ngược lại, chỉ nhìn phớt qua các đội-viên và để thì giờ trò chuyện với cấp chỉ-huy đại-đội, rồi ghi chép kỹ-lưỡng các điều họ báo-cáo.

Kinh-nghiệm cho biết không phải anh tiểu-đoàn-trưởng sau này hiểu được tinh-thần anh em binh-sĩ. Và trong những trận gây-go mà tôi có dịp cùng chiến-đấu với họ, khả-năng động-viên tinh-thần chiến-đấu quyết-liệt của anh tiểu-đoàn-trưởng nêu lên lúc đầu hơn hẳn anh sau này. Nhưng đến đạt được mục-dích, làm tròn nhiệm-vụ chỉ-huy, anh ấy cũng thú thật với tôi rằng lúc đầu cũng khổ lắm, vì giao-thiệp với anh em đội-viên thì sợ họ coi thường mình và cũng bị đụng chạm trong tình-cảm về cách ăn nói, cách chơi đùa của họ, nhưng rồi lần lần thông-cảm với nhau thì mới hưởng được cái vui thú có cảm-giác được anh em đội-viên trong đơn-vị mến và tin-trưởng.



Anh em đội-viên trong đơn-vị cũng là những người cùng một giòng máu, cùng một giống-nòi với người chỉ-huy, dù người này có hoa mai nở đều-đặn trên bầu áo, dù người kia không có lần gạch trên vai ; giá-trị người không phải căn-cứ vào diềm đó. Đáng mến và đáng kính là người làm tròn nhiệm-vụ dù ở địa-vị cao hay thấp, mà không hề bị lương-tâm quở-trách.

Nếu nghĩ như vậy, thiết-tưởng anh đội-viên cũng sẽ rộng lượng tha-thứ cho người chỉ-huy tự đánh sai giá-trị của mình. Nếu nghĩ như vậy, anh chỉ-huy cũng sẽ không coi binh-sĩ mình như là những lính ngu, chỉ có thể dùng lời mắng và ngục-thất để giáo-dục.

Chỉ khi vào giữa sĩ-quan và binh-sĩ không còn sự ngăn-cách, trên dưới một

lòng, thì quân-đội mới có thể hùng-mạnh và sĩ-quan mới có thể làm tròn nhiệm-vụ.

Chỉ khi nào quân-đội thành một khối duy-nhứt, hì dù không tăng quân-số, không thêm súng đạn, hiệu-lực của quân-đội cũng đã tăng gấp bội. Lúc bấy giờ quân-đội không chỉ có tác-dụng đánh giặc về phương-diện quân-sự mà còn có thể lãnh những nhiệm-vụ kinh-tế và chính-trị nữa.

Tiến đến sự thống-nhất tinh-thần giữa binh-sĩ và sĩ-quan sẽ đòi hỏi nhiều sự hy-sinh, gian-khổ nhứt đối với sĩ-quan. Nhưng khi nào đến mục-tiêu đó thì biết bao sung-sướng và vinh-dự cho người thanh-niên mang danh là sĩ-quan của quân-đội Việt-Nam.

PHẠM-NGỌC-THẢO

■ Làm bậc Thiên-Tử mà không để lòng vào ngôi Thiên-Tử

Ông Thuần có đức lớn, được vua Nghiêu nhường ngôi cho, cai-trị thiên-hạ trong năm mươi năm (2255-2205 trước dương-lịch). Ông Thuần không truyền ngôi cho con, mà truyền cho một người hiền tên là Vũ.

Ông này lập ra nhà Hạ, ở ngôi tám năm (2205-2197).

Hai ông này làm tới Thiên-tử nhưng không hề ham-chuộng địa-vị giàu sang bực nhứt ấy.

Khổng-Tử khen rằng : « Tâm chí cao lớn vậy thay ! Vua Thuần và vua Vũ có thiên-hạ, làm bậc Thiên-tử, mà chẳng để lòng vào ngôi Thiên-Tử.

(Nguy nguy hổ ! Thuần, Vũ chí hữu thiên hạ giả, nhi bất dự yên).



■ ĐỐI với của-cải thế-gian, ta phải làm sao dùng mà như là không dùng vậy.

THÀNH PHẠO-LỖ

EDGAR POE ĐÃ SÁNG - TÁC BÀI THƠ BẤT - HỦ

THE RAVEN (CON QUẠ) RA SAO ?

NGUYỄN HIẾN-LE

EDGAR POE sanh tại Mỹ ở đầu thế-kỷ trước, được sắp vào hàng thi-bá của thế-giới và đã ảnh-hưởng lớn đến các thi-sĩ Pháp Mallarmé, Baudelaire... Ông nổi danh nhất về bài thơ *Con quạ* (The Raven) mà những bạn nào thông tiếng Anh tất đã đọc qua.

Trong bài *Triết-lý về sáng-tác*, ông kể cách ông cấu-tạo bài thơ bất-hủ đó ra sao.

Hết thấy chúng ta đều phải có đầu-đề rồi mới viết. Chẳng hạn nhìn thiên-hạ nô-nức đi sắm Tết, ta nảy ra ý tả một mùa xuân thanh-bình ; hoặc nhân xa nhớ quê, ta mới làm thơ diễn tình quyến-luyến cố-hương. Có đầu-đề rồi, ta kiếm thêm ý, sắp đặt lựa chọn, tìm tiếng, đặt câu, thành một bài văn hoặc thơ dài, ngắn tùy cảm-tình, ý-tưởng của ta nhiều, hay ít. Đó là phương-pháp sáng-tác tự-nhiên và thông-thường.

Edgar Poe thì ngược hẳn lại, Khi bắt đầu sáng-tác bài *Con quạ*, ông chưa có một đầu-đề nào cả, chỉ có ý muốn viết một bài thơ đẹp thôi, chưa hề nghĩ tới con quạ.

Trước hết ông, tự nhủ : Bài thơ không nên dài quá, nếu dài quá, đọc một kỳ

không hết thì cảm-tưởng của độc-giả bị đứt đoạn, ngưng lại, mất tính-cách nhất-trí ; mà cũng không được ngắn quá thì cảm-xúc mới triển-miễn, hơi của thơ mới đủ để đưa tâm-hồn độc-giả lên cao. Và ông định rằng viết độ một trăm câu là vừa. Thực ra, bài *Con quạ* dài 108 câu.

Rồi ông xét tới điểm thứ nhì là cảm-xúc định gây đó, nên cho nó ra sao ? Ông tự đáp : Cảm-xúc đó phải là sự thích-thú. Ông lại theo quy-tắc này : bản-chất thơ phải là đẹp. Dù muốn dùng thơ để tả một tâm-trạng hay diễn một chân-lý, thì tâm-trạng, chân-lý đó cũng phải được cái đẹp phủ lên, nếu không, sẽ không thành thơ, không đáng gọi là thơ.

Mà theo ông, cái đẹp, khi nó tới cực-độ thì bao giờ cũng làm người ta rõ lệ, do đó giọng thơ phải buồn. Và do đó ông định thêm được một điểm nữa là bài thơ ông sắp viết phải ảo-nảo, bi-thảm.

Ngoài ra, cũng theo quan-niệm ông, bài thơ phải có một điểm làm điệu chính có tính-cách nghệ-thuật, kích-thích. Điểm đó sẽ là điệp-khúc. Nhưng điệp-khúc chỉ được đơn-diệu về âm-thanh, chứ không được đơn-diệu về ý-tưởngn ghĩa là trong

mỗi điệp-khúc âm-thanh không thay đổi mà ý - tưởng phải thay đổi, có vậy mới gây được cảm-xúc mới. Điệp-khúc lại không được dài quá, để khỏi hoá nhạt-nheo, làm độc-giả chán. Ông cho rằng điệp-khúc khéo nhất là điệp-khúc nào ngắn nhất, chỉ có một tiếng.

Đã nhất-dịnh phải dùng điệp-khúc thì tất-nhiên bài thơ phải chia làm nhiều đoạn, cuối mỗi đoạn là một điệp-khúc. Để gây một cảm-xúc mạnh và bền trong tâm-hồn độc-giả, tiếng được lặp lại trong mỗi điệp-khúc để khép mỗi đoạn phải là một tiếng có âm vang lên và dài. Nghĩ như vậy rồi, Edgar Poe xét hết thấy các âm của Anh-ngữ và kết-cực, lựa mẫu-âm O mà ông hợp với phụ âm R, thành âm OR để có đủ hai tính-cách vừa vang, vừa ngân. Rồi lại phải tìm một tiếng nào đằng sau có âm OR mà diễn một ý buồn — vì, như ta đã biết, có buồn, ông mới cho là đẹp — và ông nghĩ ngay đến tiếng NEVER-MORE, nghĩa là *không bao giờ nữa*.

Bạn nhận thấy rằng tới đây, sau khi đã định cái giọng thơ, số câu trong bài cùng cách chia đoạn, lại định tiếng chính trong điệp-khúc, mà ông vẫn chưa tìm đâu-đẽ cho bài thơ. Chính chữ *nevermore* đó sẽ giải-quyết cho ông, bắt ông lựa một đầu-đẽ hợp với nó.

Ông suy-nghĩ : Trong một bài thơ, khó tìm được cách sắp đặt nào ổn-thỏa để cho một người nói đi nói lại tiếng *nevermore* đó ở cuối mỗi điệp-khúc được, vì muốn vậy thì người đó phải lý-luận, giảng-giải rồi mới thốt tiếng *nevermore* và điệp-khúc do đó sẽ dài quá. Vậy, phải lựa một loài vật biết nói, hoặc con két, hoặc con quạ. Tất-nhiên ông lựa con quạ vì giọng con quạ buồn hơn giọng con két, hợp với bài thơ ông định viết hơn; do đó, ông mới đặt cho

đầu-đẽ là *Con quạ*, và trong mỗi điệp-khúc, ông cho con quạ kêu lên tiếng *nevermore*.

Và bây giờ ông mới bắt đầu làm công việc mà đáng lẽ ông phải làm trước hết, là tìm ý chính trong bài. Ông bèn lý-luận: giọng thơ phải buồn, mà trên đời còn cái buồn nào phổ-biến hơn là cái buồn từ biệt ; bài thơ lại phải đẹp, mà cái đẹp của thiếu-nữ cũng phổ-biến hơn cả. Vậy ông sẽ tưởng-tượng ra một thiếu-nữ lia trần và cho người yêu của nàng ngồi khóc nàng, hỏi những câu mà con quạ sẽ đáp : không bao giờ nữa. Thế là mỗi đoạn trong bài phải diễn một câu hỏi của chàng và mỗi điệp-khúc phải chứa lời đáp của con quạ.

Tìm được đại-ý của toàn bài rồi, ông bèn kiếm ý cho mỗi đoạn, nghĩa là kiếm những câu hỏi để đặt vào miệng một anh chàng khóc tình-nhân.

Có bao nhiêu đoạn thì có bấy nhiêu câu hỏi, mà theo luật tiệm-tiến rất sơ-dãng trong nghệ-thuật viết văn, ông phải nghĩ ra một câu hỏi nào buồn nhất để đặt ở đoạn cuối. (còn những câu hỏi khác sẽ đặt lên trên) và ông viết ngay đoạn ấy trước hết, định số cước cho mỗi câu thơ trong đoạn, định âm-luật và âm-tiết cho cả đoạn, đem hết tinh-thần ra viết cho cực khéo, sau mới lấy đoạn ấy làm quy-mô mà viết lời các đoạn khác. Trong khi viết những đoạn này, nếu ông thấy giọng đoạn nào lâm-li hơn đoạn cuối thì ông phải hạ nó xuống cho nó bớt buồn mà khỏi lẫn đoạn cuối.

Nhưng còn khung-cảnh nữa chứ. Nên lựa một khu rừng hay một cánh đồng ? Ông cho những khung đó đều rộng quá, không hợp với đầu-đẽ là một tình-nhân ngồi khóc người yêu mới chết ; và lại những khung ấy còn chỗ bất-tiện là bắt ông phải tả cảnh tạo-vật bao-la ở chung

quanh, như thế độc-già có thể chú ý tới cảnh — ông nghĩ vậy ! — mà có phần thiết cho câu chuyện. Tốt hơn là lựa một căn phòng trang-hoàng đẹp để đẩy những kỷ-niệm của người chết.

Còn con quạ ? Cho nó ở đầu bay tới và đậu ở đầu đề có vẻ tự-nhiên. Edgar Poe phải tưởng-tượng ra một đêm đông-tối (như vậy cảnh càng thêm thể-lương và tương-phản với sự tĩnh-mịch trong phòng), con quạ bị bật gió, tìm chỗ ẩn, bay tới cửa phòng, đập cánh vào cửa đóng, làm cho chàng tưởng chừng như hồn người yếu về gõ cửa, chạy ra mở ; quạ liền bay vào, đậu trên một bức tượng bán-thân.

Ông lựa một tên kêu, tên Pallas, để chỉ bức tượng và cho nó làm bằng đá hoa trắng toát để lông quạ được nổi bật lên.

Sau cùng, ông nghĩ đến phần kết, viết thêm hai đoạn nữa cho độc-già có cảm-tưởng rằng con quạ đó chỉ là tiêu-biểu cho sự nhớ-nhung bi-thảm và bất-uyệt. Như vậy toàn bài được mười tám đoạn, mỗi đoạn sáu câu ; trong mỗi đoạn, câu cuối là điệp-khúc, ngắn nhất có chữ *nevermore*, hoặc *nothingmore* (không có cái gì nữa) hoặc *evermore* (không bao giờ nữa).

Đó, phương-pháp sáng-tác của ông như vậy : hình-thức quyết-dịnh nội-dung ; mà hình-thức thì được nghiên-cứu một cách tỉ-mỉ từ số câu, số đoạn, đến sự dài ngắn của điệp-khúc, âm-thanh của các tiếng... ông đều định một cách toán-học, y như một kiến-trúc-sư định kích-thước, vẽ bản đồ, tính số vôi, sắt, gỗ cho một ngôi nhà vậy. Tôi sẽ phê-bình phương-pháp ấy ở đoạn sau. Bây giờ hãy xin dịch áng thơ mà Âu-Mỹ coi là kiệt-tác (1)

Dịch tiếng Anh ra tiếng Pháp để hơn ra tiếng Việt vì dân-tộc Anh và dân-tộc Pháp có những cách suy-nghĩ, phê-diễn

gần giống nhau, và nhiều khi khác hẳn với lối suy-nghĩ, phê-diễn của ta. Vậy mà Stéphane Mallarmé, một thi-sĩ Pháp, coi Edgar Poe như thầy học, cũng chỉ dịch bài đó ra tản-văn chứ không dịch thành thơ, dù biết nó khó dịch ra sao. Tôi không dám làm hơn Mallarmé, chỉ xin dịch ra văn xuôi cho đủ nghĩa thôi. Tất-nhiên là như vậy, cái hồn trong thơ không còn gì, và cái hay của nguyên-tác mười phần không diễn được hai, ba. Như chữ quan-trọng nhất trong bài là chữ *nevermore* đành phải dịch là *không bao giờ nữa* còn đầu cái tính-cách vang và ngân của âm OR !

CON QUẠ

Một lần, vào một nửa đêm thê-thảm, trong khi tôi mệt-mỏi, nặng-nề cúi đầu trên một cỗ thư ký-cục không còn ai tìm đến, trong khi đầu tôi lao-đào, gần muốn ngủ gục, thì thỉnh-linh có tiếng động như có ai gõ nhẹ-nhẹ, gõ vào cửa phòng tôi. Tôi làm-bấm : « Có khách nào gõ cửa phòng mình đây, chỉ có vậy, chứ không có gì nữa. »

À, bây giờ tôi nhớ lại rõ-ràng, đêm đó là một đêm tháng chạp lạnh buốt, và mỗi thanh củi tàn nằm tro-vơ, khằng-kheo trên đất. Tôi nóng lòng chờ trời sáng — cổ khuây sách để tạm khuây mà không được — cổ khuây nổi nhớ nàng Lenore mệnh-bạc, một thiếu-nữ nhan-sắc lạ-lùng, rực-rực mà thiên-thần đã đất cho tên đó, chứ tên dưới trần này thì không khi nào nàng có nữa !

Và tiếng lựa phát-phát buồn buồn, mơ hồ của tấm màn điều làm tôi rợn-rợn,

(1) Vì khuôn-khó từ bảo, chúng tôi xin miễn chép lại nguyên-văn tiếng Anh và xin độc-già hãy đón xem nó trong cuốn Luyện-văn II của Nguyễn-Hiến-Lê sắp xuất-bản nay mai.

lòng đầy những sợ hãi kỳ-quái chưa bao giờ cảm thấy ; đến nỗi muốn cho tìm một đập, tôi phải lập lại một mình : « Có khách nào đứng cửa phòng mình, muốn xin vào đây — có khách nào khuya-khoải đứng ở cửa phòng mình, muốn xin vào đây ! — có vậy, chớ không có gì nữa ».

Hốt-nhiên, tâm-hồn tôi mạnh dạn lên, không do-dự nữa. Tôi nói : « Ông hay bà nào đó, tôi thành-thật xin lỗi ; số là tôi đang thiu-thiu ngủ, mà ông hay bà lại gõ nhẹ quá, tiếng đập, đập vào cửa phòng tôi nhẹ quá, nên tôi không chắc rằng có ai gõ thật hay không ». Rồi tôi mở toang cánh cửa : cảnh tối-tăm mịt-mùng, chớ không có gì nữa.

Nhìn kỹ trong bóng tối, tôi đứng hồi lâu, sững-sốt, sợ-sệt, nghi-ngờ, mơ-tưởng những mộng mà xưa nay chưa ai đếm mơ-tưởng ; nhưng đêm tối vẫn im lặng, không phát một dấu hiệu gì ; và chỉ có mỗi một tiếng thì-thầm là tiếng « Lenore ! ». Tôi thì-thầm tên đó và tiếng vang làm-bầm đáp lại « Lenore ! ». Đơn-thuần có vậy, chớ không có gì nữa.

Tôi trở vào phòng, tất cả tâm-hồn nóng rực, thì lại nghe thấy tiếng gõ có phần lớn hơn trước. Tôi nói : « Chắc-chắn, chắc-chắn có cái gì ở cánh cửa sổ, nào thử ra xem là cái gì, và khám phá bí-mật này ; phải định-tâm một lúc và khám-phá bí-mật này; chỉ là gió chớ không có gì nữa ».

Tôi mở tung cánh cửa sổ, tức thì một con quạ lớn, thứ quạ thần thuở xưa, lượn lượn, đập cánh bay vào. Nó không ngó ngang gì tới cả, không ngừng bay hay ngập-ngừng lấy một chút, rồi có vẻ ông hoàng bà chúa, nó đậu trên cửa phòng tôi, đậu trên tượng bán-thân thần Pallas, ngay trên cửa phòng tôi, đậu ở yên đó và không có gì nữa.

Rồi cái dáng điệu nghiêm-trang khắc-khô của con chim lông đen nhánh như mìn đó làm cho tôi đang buồn cũng phải mỉm cười, nói : « Này Quạ, mặc dầu đầu mi như bị gọt nhẵn, chắc mi không phải là một con quạ nhút nhát, cổ quái, sâu-thăm, phiêu-bạt, mi cho ta hay chức-hiệu của mi ở cõi âm là gì ». Con quạ đáp : « Không bao giờ nữa ».

Tôi rất ngạc-nhiên nghe con chim xấu xa đó nói rõ-ràng như vậy mặc dầu lời đáp ấy ít nghĩa và ít hợp lúc ; vì chúng ta phải nhận rằng người đời ai đã được thấy một con chim trên cửa buồng nhà mình, một con chim hay một con vật nào khác ở trên tượng bán thân đục chạm trên cửa phòng mình, với danh hiệu là « Không bao giờ nữa ».

Nhưng con quạ đậu lè-lòi trên bức tượng diêm-nhiên đó, chỉ nói mỗi câu đó như nó trút hết tâm hồn nó trong lời ấy. Và nó không nói thêm gì nữa — lòng không cử động — cho đến khi tôi nói chỉ hơn làm-bầm một chút : « Bạn bè khác đã xa bay rồi, ngày mai hẳn lại bỏ ta, cũng như những hy-vọng của ta đã bay đi hết ». Và con chim nói : « Không bao giờ nữa ».

Nghe câu đáp đúng làm tan cánh tịch-mịch ấy, tôi giật mình nói : « Chắc nó chỉ biết nói có thế, và nó đã học được của một người chủ khổn-khô nào mà tai-biến cứ đeo hoài, đeo sát gót, tôi nói những bài hát của người đó chỉ có mỗi một điệu, tôi nổi lòng hy-vọng của người đó cũng ca lên điệu chỉ sâu-thăm : « Không bao giờ — không bao giờ nữa ».

Nhưng con quạ vẫn còn làm cho tâm-hồn buồn chán của tôi phải mỉm cười, tôi đẩy ngay một cái ghế có nệm lại trước con chim, tượng bán-thân và cái cửa ; rồi ngồi trên nệm nhưng, tôi mơ-tưởng liên-

miễn, nghĩ cái con chim gở từ thời xưa kia, con chim buồn-thảm, xấu-xa, ghê-gớm gây gò và từ thời xưa vẫn báo điềm gở kia, vì ý-nghĩa gì mà kêu : « Không bao giờ nữa ».

Tôi ngồi ngẫm-ngĩ như vậy, nhưng không nói thêm một tiếng nào với con chim mà cặp mắt sáng rực, lúc đó như cháy lên, thẩu đáy lòng tôi : tôi ngồi suy-doán điều ấy và điều khác nữa, đầu tôi êm-dềm ngã vào tấm nhung bọc nệm ghế rực-rờ dưới ánh đèn, nhưng tấm nhung tím rực-rờ dưới ánh đèn ấy, nàng không còn ôm nữa, than ôi ! không bao giờ ôm nữa !

Lúc đó tôi thấy không-khí đặc hơn, thơm-tho như có Thiên-sứ trên trời hạ xuống, chân chạm sàn phủ vải, tay đưa đi đưa lại một đỉnh hương vô-hình. Tôi là : « Khốn-nạn ! Trời đã cho mi mượn, đã sai Thiên-thần mang xuống cho mi chén rượu tiêu sầu để mi quên nàng Lenore. Thì mi uống, uống chén rượu tiêu sầu ngon ngọt đó đi và quên nàng Lenore đã khuất đó đi ! ». Con quạ nói : « Không bao giờ nữa ! ».

Tôi bảo : « Quạ gở kia, con vật gây tai-họa kia, Quạ gở kia, mi là chim hay là quỷ ! Dù là Hung thần sai mi hay là đồng-tổ bắt mi tới đây, mi đau-khổ và vẫn ngang tàng tới bến mê quạnh-hiu này, tới căn nhà mà Thần kinh-khủng ám-ảnh này, ta năn-ni mi nói thực cho ta hay, ở cõi Cực-lạc có thuốc tiêu-sầu không, có không, nói đi, nói đi, ta van mi ! ». Con quạ đáp : « Không bao giờ nữa ! ».

Tôi bảo : « Quạ gở kia, con vật gây tai-họa kia, quạ gở kia, mi là chim hay quỷ ? Có Trời cao trên đầu chúng ta, có Thượng-Đế mà mi và ta đều thờ phụng, tâm-hồn ta đầy sầu muộn, mi cho ta hay ở cõi Thiên-dàng muôn trùng kia, ta còn

được âu-yếm một (1) thiếu-nữ thành tiên mà Thiên-thần đã đặt cho cái tên là Lenore, âu-yếm (1) một thiếu-nữ nhan-sắc lạ-lùng, rực-rỡ mà Thiên-thần đã đặt cho cái tên là Lenore nữa không ? ». Con quạ đáp : « Không bao giờ nữa ! ».

Tôi đứng dậy, la lên : « Mi nói vậy thì thôi mi và ta phải xa nhau, mi, loài chim hay là bẹn ! Mi lại trở về trong đồng-tổ và cõi âm đi ! Đừng để lại đây một cái lông đen nào để đánh dấu lời dối-trá mà hồn mi mới thốt ra đó ! Để ta âu-sầu một mình ! Rồi tượng bán thân trên cửa ta đi ! Mồ mi đừng moi tìm ta nữa, và hình-thù mi ra xa khỏi cửa này đi ! ». Con quạ đáp : « Không bao giờ nữa ! ».

Và con quạ vẫn không bay đi, còn đậu đó, còn đậu trên bức tượng lọt-lọt của thần Pallas, ngay trên cửa phòng tôi ! và mắt nó giống hệt mắt một con quỷ đang mơ-màng, và ánh sáng đèn giọi lên nó, rọi bóng nó trên đất, và tâm-hồn tôi không bao giờ thoát lên khỏi cái bóng nằm-chập-chờn trên đất ấy, — không bao giờ nữa !

★

Tôi nhận thấy khéo thì khéo thật, khéo lắm : trong văn chương Âu, Mỹ tôi chưa từng gặp bài nào có mười tám điệp-khúc ngắn, âm vang, ngân mà nghĩa lại thay đổi như vậy, rồi những tiếng láy đi láy lại thay đổi như *tapping at my chamber door* *tapping at my chamber door* trong đoạn thứ nhất, *sorrow for the lost Lenore* whom the angels name *Lenore* trong đoạn thứ nhì..., và những vắn ở giữa câu, như *dreary* vắn với *weary* (câu thứ nhất), *napping* vắn với *tapping* (câu thứ ba)..., thực là mới-mẽ mà làm cho bài thơ du-

(1) Chính nghĩa là ôm.

duyên và quyến-rũ ta lạ-lùng như một bài thần chú vậy.

Nhưng xúc-dộng thì tôi không xúc-dộng bao nhiêu vì phần giả-tạo muốn át cả phần tự-nhiên. Nhất là sau khi đọc bài *Triết-lý sáng tác* của Edgar Poe, được ông cho biết rõ cách ông nấu-nướng, gia-vị ra sao thì bài thơ đối với tôi chỉ còn là một công-trình tiêu-xảo của trí-óc hơn là của tâm-tình, mà nhờ thiên-tài của tác-giả không đến nỗi hóa vô-vị.

Cái triết-lý sáng-tác đó không hợp với quan-niệm của tôi. Ông bảo thơ thì phải đẹp, điều ấy tôi đồng-ý với ông — mà nào riêng gì thơ, văn chẳng vậy sao — song khi ông bảo chỉ có cái gì buồn mới đẹp và cái đẹp luôn-luôn làm ta sa lệ, thì tôi chưa dám tin ông. Ông sinh ở tiền bán thế-kỷ 19, thời mà văn-chương lãng-mạn này-nở-mạnh nhất ở Âu, Mỹ; tâm-hồn ông lại kỳ-quặc, lúc nào cũng đau-dớn, khổ-sở, lo-lắng, sợ tương-lai của mình và những người mình thương sẽ sầu-thảm (một lần ông bảo người yêu của ông, là nàng Virginia : nhất là đừng để cho anh yêu em ; cái gì anh yêu cũng héo-hắt đi rồi chết sớm), nên mới có quan-niệm về cái đẹp như vậy ; còn những người tâm-trạng bình-thường, lại sống ở thời nầy như chúng ta, tất cho cái đẹp có nhiều hình-thức hơn.

Ông lại chủ-trương nội-dung không quyết-định hình-thức mà ngược lại, hình-thức quyết-định nội-dung. Như ta đã thấy, chữ *nevermore* là chữ quan-trọng nhất, ông lựa nó rồi mới tìm nhan-đề cho bài cùng những ý phụ trong mỗi đoạn. Théodore de Banville nói : « Văn hóa ra gọi ý ». Ai đã làm thơ tất nhận thấy âm-vận, niêm-luật bắt ta phải lựa ý, có khi thay đổi cả những ý ta đã muốn diễn ; và đối với những thiên-tài thì sự bó-buộc đó thường làm nảy

ra những ý tân-kỳ. (1) vậy hình-thức ảnh-hưởng lên tới nội-dung là lẽ thường trong văn-nghệ ; song làm thơ mà không định trước mình sẽ nói gì, chỉ lựa một vài âm-thanh rồi xây-dựng cả bài trên những âm-thanh đó, thì còn gì là cái tính-cách tự-nhiên, chân thành nữa, mà văn-nghệ sao thoát khỏi thành một trò du-hý, tiêu-xảo ! Vậy phương-pháp của Edgar Poe chỉ có thể dùng để sáng-tác những tiêu-phẩm khéo mà không hồn — bạn có thấy tình trong bài *Con quạ* tầm-thường lắm không ? — chứ tuyệt-nhiên không thể làm quy-tắc chung cho nghệ-sĩ. Văn thơ phải xây-dựng trên tình-cảm và tư-tưởng, tình-cảm chân-thành và tư-tưởng thanh-cao, thì mới có khí, mới uyên-chuyên, biến-hóa ; nếu vun trồng trên khu đất của âm-thanh thì dù có đâm được vài chồi tươi và nhỏ, cũng mau « héo-hắt đi mà chết sớm ». Lời Edgar Poe nói với Virginia thật đúng : nàng mới nửa chừng xuân — 24 tuổi — đã lìa đời, và loại thơ sáng-tác theo kiểu bài *Con quạ* của ông không vọt lên cao và xum-xuê được.



(1) Chẳng hạn Victor-Hugo nhìn vòm trời đầy sao, thắc-mắc tự hỏi :

...Le ciel que nous voyons fut-il toujours le même ?

Le sera-t-il toujours ?

L'homme a-t-il sur son front des clartés éternelles ?

Văn *éternelles* đã bí-mật gọi cho ông văn *sentinelles* và do chữ *sentinelles*, ông đã tạo được một hình-ảnh lạ-lùng, cực cao và đẹp trong hai câu sau :

Et verrons-nous toujours les mêmes sentinelles

Monter aux mêmes tours ?

(Trời mà ta nhìn thấy lúc này đây, hồi xưa có luôn-luôn như vậy không ?

Sau này có như vậy không ?

Loại người có những ánh-sáng vĩnh-cửu trên đầu

(trên) mình không ?

Và chúng ta có luôn-luôn sẽ thấy cũng vẫn những

linh canh đó

Leo lên cũng những cái tháp đó không ?)

Tuy nhiên, bài *Triết-lý sáng-tác* không phải là hoàn-toàn vô-ích mà trái lại, người cầm bút nào cũng nên đọc nó và suy-nghĩ.

Trước hết, nó có giá-trị về phương-diện tài-liệu. Hầu hết các văn-nhân thi-sĩ đều không muốn cho người khác trừ một số bạn rất thân, thấy bản nháp tác-phẩm của mình, thành thử những kinh-nghiệm về kỹ-thuật của họ ít được truyền lại hậu-thế. Đọc thơ ngụ-ngôn của La Fontaine chẳng hạn tôi muốn biết ông đã suy-nghĩ, tìm-tòi ra sao mà hạ được hai câu tuyệt-diệu này đề tả con diệp :

*Un jour, sur ses longs pieds allait, je ne
sais où,
Le héron au long bec emmanché d'un
long cou :*
(*Le Héron*)

Đọc truyện Kiều, tôi tự hỏi Nguyễn-Du đã sáng-tác cuốn đó trong trường-hợp nào, mất bao nhiêu công-phu, đã sửa chữa mấy lần mới kiếm được bốn tiếng liền nhau có phụ âm l, trong câu :

Đầu tường lửa lựu lập-loè đâm bông.
... Nếu các văn-hào, thi-hào ghi cả lại những dò-dẫm về bút-pháp của mình, thì bây giờ chúng ta được những bài học quý giá biết bao về nghệ-thuật viết văn. Nhưng các nhà đó, một là không muốn tự khoe công-lao của mình, hai là thẹn-thùng như những thiếu-nữ không muốn cho người lạ thấy mình đang trang-diểm nhan-sắc, nên chỉ-để độc-giả xem tác-phẩm của mình khi đã sửa chữa xong. Vì vậy ta nên cảm ơn Edgar Poe đã tỉ-mỉ phân-tích cách sáng-tác, lựa chữ tìm ý của ông. Có lẽ ông đã không hoàn-toàn thành-thực, hoặc phân-tích nội-tâm của ông chưa thật đúng : đọc bài *Le grand amour d'Edgar Poe* của Jean Barangy (tạp-chí Constellation số 98 tháng 6 năm 1956) tôi ngờ rằng nhan-đề *Con quạ* và khung-

cảnh căn phòng trong bài thơ, không phải chỉ do chữ *nevermore* quyết-định và có lẽ do một sự ám-ảnh vì một việc xảy ra hồi ông mới cưới Virginia. Hồi đó, một đêm tháng năm, hai ông bà đang ở trong phòng, trời hơi nóng-nực, ông mở cửa sổ ra thì bỗng nhiên ông hoảng lên, đóng sập ngay cửa lại, mặt tái mét, vì thấy một con quạ lớn đậu ở thành cửa : từ đấy hình ảnh con vật cứ lớn-vòm trong óc ông, cả trong giấc ngủ, như một điểm chết-chóc, tang-tóc. Chín năm sau, ông viết bài *Con quạ*, viết xong ít tháng thì bà vợ chết. Nhưng dù có thực như vậy chăng nữa thì cũng chỉ có trường-hợp sáng tác là sai, còn phương-pháp sáng tác vẫn đúng.

Trong bài *Triết-lý sáng-tác*, ta lại có thể rút được vài ý xác-đáng :

— Khi viết ta không nên quên cảm-xúc ta định gây trong tâm-hồn độc-giả. Từ ý tưởng, hình-ảnh, âm-thanh, đến thể văn, sự dài ngắn của bài, cách bố-cục, ... nhất-nhất phải nhắm mục-dịch là gây được cảm-xúc ấy, như vậy bài văn mới không mất tính-cách nhất-tri :

— Trong một bài thơ, văn ngắn, có khi sự quan-trọng dồn cả vào một vài âm (Edgar Poe gọi là *điệu-chính*) hoặc chữ (người Trung-Hoa gọi là *nhân-tự*), mà ta phải tìm cách này hay cách khác để làm nổi bật lên.

Nhưng điều mà hôm nay tôi muốn độc-giả chú-ý tới nhất trong khi đọc bài *Triết-lý Sáng-tác*, là nhận-chân công-phu dẻo gọt của những nghệ-sĩ bất-hủ. Có khi một bài văn hay thơ vài trang giấy mà phải xây-dựng tốn công hơn là cắt cả một tòa lâu đài : Cũng phải họa cái bản đồ trước, định kích thước cho mỗi phần một cách tinh-xác như nhà toán-học, rồi

lựa nguyên-liệu, pha, trộn, nhào, nặn, phá đi cất lại năm lần bảy lượt, mới thành một tác-phẩm tự-nhiên, không lộ một dấu-vết gượng sức nào cả. Có khi phải thức trọn đêm, đầu bưng bưng lên, mới sửa được một chữ (Dạ ngâm hiệu bất hưu — Mạnh-giao); lại có khi lao-tâm hai năm mới tìm được hai câu (Lương cú tam niên đắc — Giả-Đạo).

Edgar Poe không cho ta biết ông viết bài

Căn quạ mất bao lâu, nhưng căn-cứ bài Triết-lý sáng-tác, thì ta thấy húng không giúp ông được gì cả, hoặc giúp ông rất ít, Húng chỉ là « nguyên-nhân thúc đẩy ta viết, lựa đầu-đề, âm-tiết và hình-ảnh »; nó chỉ quan-trọng có « năm phần trăm, còn chín mươi lăm phần trăm nữa là công phu ».

NGUYỄN HIỂN-LÊ

■ Hai cách thức tỉnh người mê.

NGÀY xưa có một ông sư vào nhà một người Bà-la-môn. Người Bà-la-môn thấy nhà sư tới, liền bảo vợ đưa đồ cúng ra trước mặt nhà sư. Thấy cô vợ người la-môn có sắc đẹp mặn mà, nhà sư liền nảy ý muốn cợt chơi người chồng một chuyện. Nhà sư bảo người Bà-la-môn rằng : « **Ham chơi bời, rồi hoạn-nạn, rồi thoát ra** ». — Người Bà-la-môn không hiểu gì hết, xin giải nghĩa giùm. Nhà sư liền đưa hai tay ra kéo vợ người Bà-la-môn vào lòng và ôm hôn. Hôn rồi, nhà sư nói với người chồng : « **Ham chơi bời là như vậy đó !** ». — Người Bà-la-môn giận lắm, lấy gậy đánh nhà sư. Nhà sư cười nói : « **Rồi hoạn-nạn là như vậy đó !** ». Người Bà-la-môn còn muốn đánh nữa, nhà sư phải chạy vội ra ngoài. Vừa chạy nhà sư vừa ngoái lại, nói : « **Rồi thoát ra là như vậy đó !** ».



PHẬT-ẤN và Tô-đông-Pha là hai người bạn thân. Đông-Pha có bảy người thiếp. Một hôm Phật-Ấn hỏi đùa Tô-đông-Pha : « Ông có bằng lòng cho tôi người thiếp Bà thứ bảy không ? », Đông-Pha cười, đáp thuận, rồi chấp gối, cho xe người thiếp đến.

Phật-Ấn mời người thiếp vào trong buồng, rồi bỏ màn xuống. Trước buồng đã đặt sẵn bảy cái lò đầy than đỏ rực. Ông bước qua từng cái một, bước hết một lượt ông lại bắt đầu trở lại, cứ như thế suốt đêm. Tới sáng, ông cho xe người thiếp về trả lại Đông-Pha. Người thiếp về thuật cho Đông-Pha nghe hết tự-sự. Đông-Pha chợt nghĩ ra, nói :

Bảy cái lò than hồng đầy lửa là chỉ bảy người thiếp của ta. Phật-Ấn làm thế là có ý bảo ta Phật-Ấn đã vượt trên sắc-dục, còn ta thì hãy còn đắm-địa ở trong sắc-dục. Ông có ý muốn thức tỉnh ta vậy ».

THỬ TÌM BIỆN-PHÁP THÍCH-ỨNG ĐỂ NÂNG-ĐỒ XUẤT-CẢNG SẢN-PHẨM VIỆT-NAM

TÀNG-VĂN-CHÍ

SUỐT mấy năm nay, cân cân thương-mại luôn luôn bị khay-khiếm (từ 6 đến 8 tỷ). Sang năm 1957, công-cuộc chấn-hưng kinh-tế sẽ nhằm mục-phiêu lấy lại thăng-bằng một phần nào của cán cân kinh-tế tức là gia-tăng sản-xuất, phẩm-chất và xuất-cảng bằng những biện-pháp thích-nghi. Trong bài này, thử bàn riêng về vấn-đề xuất-cảng. Sau những năm chinh-chiến, năng-xuất của Việt-Nam giảm đi rất nhiều, và trong tình-trạng hiện nay chỉ có thể xuất-cảng: gạo, cao-su, trà, muối, cát trắng, da trâu, da bò, xương trâu bò, lông vịt v.v... Số-đĩ không xuất-cảng được vì giá quá cao đối với thị-trường ngoại-quốc vừa hạ và vừa thu-hẹp.

Hiện-tình của nước nhà không thể áp-dụng chánh-sách giảm-phát và sụt giá đồng bạc Việt-Nam, e gây quá nhiều tai-hại cho nhân-dân đã điêu-đứng vì tàn-phá.



Đề đạt mục-dịch kể trên, thiết-trường nên xét lại vài biện-pháp đã thi-hành tại Việt-Nam và ngoại-quốc, thử xem có thể áp-dụng trong giai-đoạn này hầu nâng-đỡ và khuyến-khích xuất-cảng chăng :

1.— *Miễn thuế thương-vụ và thuế tiêu-thụ* cho các hàng xuất-cảng. Lễ tất-nhiên các nhà xuất-cảng phải chứng-minh số hàng đã thực được xuất-cảng để khỏi lộn với số hàng được tiêu-thụ trong nước. Đề đối-phó với những chi-phí khẩn-cấp và quan-trọng, Ngân-sách Quốc-Gia không thể miễn-thâu các sắc thuế kể trên.

2.— *Giảm bớt phí-tồn ngân-hàng.* — Thương-Tín Ngân-Hàng có thể giảm bớt các bách-phần huê-hồng ; nhưng không bù nôi vào sự chênh-lệch quá to giữa giá trong nước và giá ở thị-trường quốc-tế.

3.— *Chương-mục 10% trang-bị và nguyên-liệu.* — Chánh-Phủ cho thương-gia hưởng 10% số ngoại-tệ thu được đề nhập-cảng các dụng-cụ trang-bị hay các nguyên-liệu. Đối với các nhà sản-xuất Việt-Nam, đặc-ân này không có lợi mấy vì các dụng-cụ trang-bị hay nguyên-liệu đều là sản-phẩm nội-hóa cả và có thể nhập-cảng dồi-dào theo thê-thức trực-dụng.

4.— *Phương-pháp tạm nhập và tạm xuất : (IMEX và EXIM).* — Các nhà sản-xuất được miễn thuế và hưởng các dễ-dãi đề nhập-cảng nguyên-liệu chế-biến sau một thời-gian sẽ tái xuất nhập-cảng

(IMEX) : nhập-cảng tơ sợi để thêu ; sắt, thiếc để ráp sườn nhà, làm thành vật-dụng, và xuất-cảng ra ngoại-quốc, chế-biến, một thời-gian sau sẽ tái nhập-cảng (EXIM) : Cao-su sống, sắt vụn, đồng thao, dầu dừa,... đem ra ngoại-quốc để nhập-cảng vào vỏ ruột xe, dụng-cụ, xà-phòng,... phương-pháp hội cho nền công - kỹ - nghệ nước nhà.

5.— *Thỏa-hiệp clearing*.— Hàng ngoại-quốc nhập-cảng vào được trả tiền bốn xứ, nhưng tiền này không đưa ra ngoại-quốc mà dành trong một chương mục riêng và dùng để trả tiền cho các nhà xuất-cảng hàng ra ngoại-quốc.

Sự trao đổi clearing đã tiến tới thỏa-hiệp clearing 2 nước ký-kết hiệp-uớc đặt ở mỗi nước một chương mục ghi những số tiền của hàng-hóa được nhập-cảng từ nước kia. Số tiền này sẽ dùng để trả tiền cho những nhà buôn trong nước khi xuất-cảng hàng sang nước đó. Thỏa-hiệp trả tiền Việt-Mên áp-dụng phương-pháp này, nhưng mục-dích chỉ là để tiện việc trang-trải, nhưng hiện-nghiệm vẫn còn trong vòng mơ-hồ,

6.— *Thuê-hồi một phần ngoại-tệ*.— Nhà sản-xuất sau khi xuất-cảng nông-sản chỉ đem về một phần ngoại-tệ mà thôi, còn bao nhiêu thì tự-tiền xử-dụng khỏi phải bị kiểm-soát chi cả.

Trà được xuất-cảng và phải đem về 200 phật-lăng mỗi kí-lô.

7.— *Chương-mục E.F.A.C.*— Cao-su, dầu cá, hạt sen, mã tiền, v.v... xuất-cảng được hưởng EFAC 15%. Số tiền này đúng ra phải được dùng để nhập-cảng những phụ-tùng hay trang-trải những phỉ-tồn ở ngoại-quốc, nhưng Chánh-phủ rộng cho được dùng để nhập-cảng hàng-hóa theo một danh-sách đã quy-dịnh trước (phần

hiều là những hàng xa-xỉ hay những hàng không được ghi trong chương-trình Viện-trợ Mỹ. Biện-pháp này không lợi-ích lắm vì :

a) Các nhà xuất-cảng không quen làm luôn công việc nhập-cảng. (Các sở trồng cao-su,...)

b) Việt-Nam sẽ mất một số ngoại-tệ để nhập-cảng những hàng xa-xỉ (như rượu, đồng hồ vàng, dầu thơm,...) tùy theo ý-dịnh của nhà nhập-cảng, trong khi vẫn thiếu ngoại-tệ để nhập-cảng hàng cần-thiết như : thuốc bắc, phụ-tùng xe hơi, củ-hành, tỏi, khoai lang tây, tơ sống,...

c) Các nhà xuất-cảng không hy-vọng được lời nhiều về hàng nhập-cảng theo EFAC nữa từ khi Dự số 55 quy-dịnh chế-độ vật-giá ấn-dịnh một mức lớt tối đa cho tất cả các hàng nhập-cảng.

Tuy đối với các nhà xuất-cảng cao-su, Chánh-phủ đã rộng lượng cho họ nhượng chương-mục EFAC cho một nhà buôn khác nhập-cảng theo danh-sách, nhưng các nhà xuất-cảng cũng đã tỏ ra không ưa thích chế-độ này lắm. Hơn nữa, lại thành-lập thêm một giới «buôn ngoại-tệ EFAC», kết-quả là giá tiêu-thụ qua thêm một tầng lớp trung-gian lại cao thêm lên.

8.— *Mậu-dịch tương-tiêu*.— Chế-độ mậu-dịch tương-tiêu khá phức-tạp :

a) 2 danh-sách được thành-lập : 1 danh-sách A hàng nhập-cảng theo EFAC và 1 danh sách B gọi là danh-sách đặc-biệt gồm có một vài sản-phẩm ngoại-hóa mà ta cần như thuốc bắc, cao-don hoàn-tán, tơ sống, v.v...

b) Những sản-phẩm nội-hóa được xuất-cảng và số chỉ-tệ thu được chia làm 3 phần là thu hồi về, một phần được dùng để nhập-cảng theo danh-sách A, và một phần được dùng để nhập-cảng theo danh-

sách B. Ngoài ra, lại còn phân-biệt thị-trường Âu-Mỹ và thị-trường Hương-Cảng, Tân-Gia-Ba.

Thí-dụ : Xuất-cảng ruột heo khô phải thu-hồi 50% ngoại-tệ, còn 50% thì được nhập-cảng 25% theo danh-sách A và 25% theo danh-sách B (nếu là thị-trường Âu-Mỹ), hoặc 15% theo danh-sách A và 35% theo danh-sách B (nếu là thị-trường Hương-Cảng). Lông vịt, hột vịt, ... cũng thế, nhưng theo tỷ-lệ khác nhau.

Phương-pháp này chỉ có kết-quả khi các tỷ-số được tính một cách hợp-lý để các nhà buôn có một số lời phải chăng. Trái lại, thiếu yếu-tố để định các phân-số nên thực-tế từ mấy tháng đến nay công việc xuất-cảng theo mẫu-dịch tương-tiêu đã hầu như không có. Trong khi đó những lông vịt, đầu dứa, hột sen, v.v., vẫn được chở lậu ra ngoài thành ra vừa mất ngoại-tệ lại mất thêm quan-thuế nữa.

9.— *Trợ-cấp xuất-cảng.*— Muốn cho thương-gia khỏi phải lổ-là, cần phải trợ-cấp cho họ một số tiền để đền bù lại.

Biện-pháp này hiệu-nghiệm nhất, lành-mạnh nhất, dễ lần lần khuyến-kích tăng-gia sản-xuất, giảm giá trong nước. Nhưng muốn thực-hiện phải có ngân-quỹ riêng dồi dào, thì-thức trợ-cấp cần được công-bình và nhanh-chóng.

Đang chuẩn-bị để thành-lập một ngân-quỹ trợ-cấp đầy-dủ và tổ-chức một hệ-thống kế-toán nhẹ-nhàng và mau chóng, thiết-tưởng nên áp-dụng biện-pháp tạm-thời và đặc-biệt.

10.— *Biện-pháp tạm-thời và đặc-biệt :*

Trong tình-trạng trên, cần phải tìm một biện-pháp trợ-cấp xuất-cảng có những đặc-diểm sau này :

1) Đưa lại cho nhà xuất-cảng một món

lợi khả-dĩ bù sự thiệt-thòi của họ do sự chênh-lệch giữa giá trong và ngoài nước.

2) Thu hồi được nhiều ngoại-tệ.

3) Chánh-Phủ có thể xù-dụng ngoại-tệ để cho nhập-cảng các hàng cần-thiết cho dân-chúng, và hàng-hoá không có ghi trong chương-trình Viện-trợ Mỹ.

4) Khuyến-kích sản-xuất bằng sự tăng-gia xuất-cảng.

5) Áp-dụng triệt-đề Dụ 55, tất cả hàng-hoá (luôn xa-xỉ-phẩm) đều có giá phải-cha.

6) Cải-thiện chương-mục EFAC, không còn một US\$ bán với giá 140 V.N\$ hoặc một ve Cognac mua 60\$ bán ra 400\$.

7) Không xáo-trộn thị-trường hiện tại.

8) Bổ-túc chương-trình nhập-cảng hiện thời.

Biện-pháp sau này có thể áp-dụng được :

a) Nhà xuất-cảng phải thu-hồi tất cả ngoại-tệ.

b) Chánh-phủ trả cho nhà xuất-cảng bằng bạc Việt-Nam, tiền vốn hàng xuất-cảng, phí-tồn và tiền lời (số tiền này cao hơn số ngoại-tệ đã thu hồi).

c) Về nội-bộ, số ngoại-tệ thu-hồi sẽ chia làm 2 phần, 1 phần theo hối-xuất chánh-thức và 1 phần theo hối-xuất tự-do. Tỷ-số giữa 2 phần sẽ được tính để số tiền lợi do hối-xuất tự-do nên đủ bù sự thiệt-thòi cho nhà xuất-cảng.

d) Phần nhượng theo hối-xuất tự-do sẽ được dành riêng vào một chương-mục đặc-biệt.

e) Chương-mục đặc-biệt này sẽ được giải-tòa lần lần để cho các nhà nhập-cảng đem vào nước những hàng-hoá cần-thiết cho tiện-sinh hoặc triển-sinh.

f) Giá những hàng-hoá này sẽ được hóa-giá theo với hối-xuất tự-do để nhà nhập-cảng khỏi bị thiệt, và dân-chúng biết giá phải-cha để mua.

g) Trong trường-hợp cùng một hàng được nhập-cảng vừa với ngoại-tệ mua theo hối-xuất chánh-thức vừa với ngoại-tệ tự-do, Chánh-Phủ có thể thêm vào một phân-xuất quân-bình để khỏi có hai giá khác nhau trên thị-trường và tiền thu được sẽ bỏ vào quỹ bù-trừ.

Thí-dụ : Đề sáng-tổ vấn-đề, xin trình cụ-thể thí-dụ xuất-cảng gạo sắp thực-hành.

XUẤT-CẢNG GẠO

Mùa này, lúa gạo dư, nhưng khi có xuất-cảng giá sẽ lên cao để nâng-đỡ nông-gia.

Hiện nay giá lúa lời 40\$ VN một gia và có thể lên đến 50\$ VN.

Giá gạo 100 ki-lô FOB Sài-gòn hiện nay là 540\$ VN và có thể theo đà giá lúa mà tăng lên đến 595\$, 645\$ VN.

Trái lại giá thị-trường ngoại-quốc ở vào mức 4000 quan kim (Francs), hoặc từ 10, 11 đến 12 Mỹ-kim là nhiều.

Nhưng dầu gặp giá nào Việt-Nam cũng có thể cho xuất-cảng được với chế-độ mới. Việt-Nam chỉ cần thầu 4000frs. ; nhà xuất-cảng vẫn được hưởng huê-hồng về công-tác của mình và nông-gia vẫn được bán theo giá thị-trường trong nước (tùy mức tối-da và tối-thiểu do Bộ Kinh-tế ấn-định).

Nhà xuất-cảng có phận-sự bảo-vệ trọng-lượng dự-trữ trong đó-thành, mua lúa gạo với giá do Bộ Kinh-tế ấn-định, khi xuất-cảng xong, nộp về 4000frs. và được nhận số bạc Việt-nam đúng giá FOB Sài-gòn.

Về nội-bộ, để trang-trải cho nhà xuất-cảng, số ngoại-tệ thâu-hồi sẽ phân làm hai phần, phòg-định như sau :

A) Một phần theo hối-xuất chánh-thức, để tăng-gia trọng-lượng ngoại-tệ của Ngân-hàng Quốc-gia ;

B) Một phần theo hối-xuất tự-do, để vào một chương-mục riêng.

Giá lúa 40\$ VN một gia ; FOB Sài-gòn gạo 540\$ VN.

a) hối-xuất chánh-thức :

$$2600 : 10 = 260\$ \text{ VN}$$

b) hối-xuất tự-do :

$$1400 : 5 = 280$$

$$\frac{4000 \text{frs}}{540\$ \text{ VN}}$$

Ngoại-tệ đổi theo hối-xuất tự-do sẽ tập-trung vào một chương-mục riêng, không liệt vào thị-trường hối-đoái tự-do, e xáo-động thị-trường này chăng.

Trong năm nay, nếu Việt-Nam xuất-cảng được 300.000 tấn gạo, thì số ngoại-tệ thâu về sẽ không dưới 12 tỷ quan-kim (frances). Trong đó sẽ có trên 7.800.000.000 để nhập-cảng hàng hóa theo hối-xuất chánh-thức và 4.200.000.000 để thỏa-mãn nhu-cầu tiện-sinh và triển-sinh.

Với những cố-gắng không ngừng, năng-xuất sẽ tăng lên gấp bội và Việt-Nam sẽ có thể xuất-cảng rất nhiều cao-su, gạo, phở sản, trà, hạt sen, lông vịt, mỡ cá, tôm khô, đậu, bắp, bánh đậu, mè, tre, mây, cát trắng, muối, v.v...

Cần cân mậu-dịch sẽ được nâng lên.



Muốn thực-hiện biện-pháp trên, cần phải giải-quyết những vấn-đề sau này :

A) Giá hàng : phải biết giá (sản-xuất) của hàng nội-hóa, giá (bán) của hàng trên thị-trường quốc-tế.

B) Mức lời : phải tính mức lời tối-thiểu cho nhà xuất-cảng hưởng, do đó định giá FOB của hàng xuất-cảng.

C) Trường-hợp thuận-tiện để xuất-cảng : phải quyết-định một thứ hàng có thể xuất-

công không, thành phần có phải hạn-chế không ?

D) Tỷ số ngoại-tệ : phải ấn-dịnh tỷ số ngoại-tệ nhượng lại theo hối-xuất chính-thức và ngoại-tệ cho nhượng lại theo hối-xuất tự-do.

E) Trường-hợp thuận-tiện để nhập-cảng : phải quyết-dịnh một thứ hàng có thể cho nhập-cảng với ngoại-tệ tự-do không, thành-phần có phải hạn-chế không ?

F) Phân-xuất quân-bình : cần phải ấn-dịnh, trong trường-hợp hàng ngoại-hóa được nhập-cảng cả với ngoại-tệ chính-thức và ngoại-tệ tự-do, một phân-xuất quân-bình hợp-lý, để bỏ vào quỹ bù-trừ, hầu lần hồi quân-bình hai giá.

G) Nếu cần, hóa-giá bán sỉ và bán lẻ cho hàng nhập-cảng.

Do đó, những cơ-quan sau này cần được thành-lập hoặc giao cho phụ-trách :

1.— Phòng giá-cả tìm giá của hàng-hóa (căn-cứ vào giá thị-trường, các báo-chí kinh-tế, các tài-liệu công-bố bởi những hãng thông-tin như REUTER, AFP, có thể liên-lạc với Viện Thống-Kê, Phòng Thương-Mại, các Tòa Đại-Diện Việt-Nam ở các nước).

Giá biểu này cần được theo dõi điều-chỉnh hằng ngày.

2.— Ủy-Ban nghịch-lệ ngoại-thương

(Commission des dérogations commerciales). Ủy-Ban này sẽ phụ-trách các công-việc kể trên.

3.— Ủy-Ban Vật-Giá : phụ-trách hóa-giá các hàng nhập-cảng.

KẾT-LUẬN

Biện-pháp trên đây có thể thực-hành ngay và tạm-thời trở nên khả-quan hơn nữa. Cần hoạt-dộng mau lẹ, sáng-suốt, sát với thực-tế, có thể xúc-tiến công-việc một cách đặc-lực, trái với tình-trạng đình-trệ từ lâu nay đã xảy ra cho hàng Việt-nam trên thị-trường quốc-tế.

Biện-pháp này rất lợi cho các giới :

Nông-dân : Giữ giá sản-xuất cũ, khỏi phải hạ theo giá quốc-tế.

Nhà xuất-cảng : Thâu lời khỏi phải lỗ là vì giá trong nước quá cao.

Ngân-quỹ Quốc-Gia : Khỏi sụt-bớt thuế-vụ, hoặc trợ-cấp.

Tiền-tệ trong nước : Gia-tăng ngoại-tệ, giảm bớt giá hối-xuất chợ đen.

Nhà nhập-cảng : Thâu ngoại-tệ để nhập-cảng.

Kinh-Tế Quốc-Gia : Lành-mạnh-hóa đề tăng-gia sản-xuất.

Dân-chúng : Hạ giá sanh-hoạt. Dầu hàng xa-xỉ cũng có giá tối-da phải chăng.

TĂNG-VĂN-CHI

■ Có ai hiểu đức bằng hiếu sắc ?

Không-tử đến nước Vệ.

Vua Linh-công rất mến đức Ngài.

Một hôm, Linh-công mời Ngài cùng dạo phố.

Nhưng Linh-công với phu-nhân là nàng Nam-tử cùng ngồi xe trước, Không-Tử ngồi xe sau, chạy qua chợ, dân chúng chỉ theo cười tăng : « Nhà đạo đức chạy theo sắc đẹp ! ».

Nhân đó, ngài buồn ý thối rằng : « Ta chưa thấy ai mộ đức-hạnh bằng sắc đẹp ! » (Ngô vj kiến hiếu đức như hiếu sắc già già)

GỖ ĐẦU TRẺ[?]

Hòa-Mai NGUYỄN-DIỆM-SƠN

BẠN có thể kể tên vài ba người đã tự học tiếng Pháp, tiếng Anh... Thế mà họ giỏi hơn bao nhiêu người khác suốt thời niên-thiếu, đã mài... đũa quăn dưới ghế nhà trường. Nhưng thực ra, số người tự học mà thành-công không phải là hạng người dễ kiếm : người ta có thể đếm trên đốt ngón tay.

Còn nói gì những người « siêu-quần » không học mà giỏi ! Chẳng hạn Pascal, thuở còn nhỏ chưa đi học, đã khám-phá ra ba mươi định-lý căn-bản trong khoa Hình-học. Ai tin mặc ai. Nhưng tôi xin thú rằng mỗi khi nói đến những bậc thiên-tài như thế « đức tin » của tôi rất « yếu ».

Đa số những người thi đậu, hoặc nói thật là làm nên chút « vương tướng », đều nhờ có những người chỉ-giáo : nhờ thầy giáo, « Không thầy, đổ mầy làm nên ».

Có người bảo ở trong lớp, học trò là nhân-vật chính, thầy giáo chỉ giữ vai trò thụ-động kiểm-soát và sửa-chữa giùm cho con em sai lầm. Thiết tưởng không nên đặt vấn-đề nhân-vật chính với nhân-vật phụ : Cái lý suông không đem đến một nhận-xét thiết-thực ! Nhưng thử hỏi : Sự

hiện-diện của giáo-sư có cần thiết hay không cần-thiết ?

Lẽ dĩ-nhiên, ai cũng cho là cần-thiết. Nếu không, ai tội gì cho con em đến trường cho tốn tiền ! Trường-hợp một em bé học mò mẫm ở nhà chẳng qua là trường-hợp bất-dắc-dĩ. Vì lý-do thời-dại văn-minh ngày nay, nghèo-nàn đến đâu cũng cố học lấy dăm ba chữ để chen chân với đời.

Trước tiên, ông thầy là người chỉ đường. Đứng trước biển kiến thức « thăm thẳm », dĩ nhiên trí óc non dại học-sinh phải rất bỡ-ngờ bắt đầu từ đâu ? Hướng về đâu ? Học cái gì trước, cái gì sau ? Học-hành không phải cứ bừa-bãi như thế nào cũng được. Phương-pháp ! Việc gì cũng cần có phương-pháp, nhất là việc học.

Xưa kia, cô giáo tập cho ta đọc, đã khởi-sự từ « a a », « b b »... Khi nhận được mặt chữ, rồi người ta mới tiến đến đánh vần, vần « bằng » trước, vần « trắc » sau. Rồi tập đọc, tập viết. Công-trình của những người khai-tâm cho ta không phải là nhỏ.

Ngày nay, trong lớp Đệ-Nhị hay Đệ-Nhất, ông thầy vẫn còn giữ nguyên vẹn cái sứ-mạng « khai đạo ». Bạn đừng lầm ! Giảng bài không phải đọc lại cho học-trò nghe tất cả những cái gì ghi sẵn trong sách. Có lẽ thầy đọc trong sách, nhưng đồng thời thầy giải từng chữ, từng ý ; nói thêm đôi ba câu để nâng cao tâm con mắt học trò. Khêu gọi một vài cảm tình, một vài nhận-xét. Ít ra thầy cũng chỉ rõ mạch-lạc giữa những ý-tưởng của tác-giả. Bấy nhiêu là để học trò hiểu thấm-thía một

tưởng hay của họ, nếu bạn không tập được cái lối hành-văn tài-tình của họ !
• Nước dồ dàu vịt • là như thế.

Có những ông thầy hay trách móc học trò : « Bò đực ngu quá xá ! Học hoài mà chẳng biết gì ! ».

• Học hoài mà không biết gì gì ! • cái đó thật lạ, lạ hơn không học mà biết nửa kia !

Thì ra ông thầy thiếu kỹ-thuật, chỉ biết có « nước chảy đá mòn » rì-rà rì-rầm suốt buổi học một câu « dề rách » ; hoặc



trang sách ; có hiểu mới hòng hấp-thụ được chút gì.

Thế rồi, sau cùng, bạn nên nhớ, bạn sẽ quen một phương-pháp làm việc. Thiết tưởng đó là công-on lớn nhất của thầy. Ông thầy đáng khen, không phải là đã truyền cho con em một « mớ » kiến-thức đòi-dào. Cái thứ kiến-thức « nhồi sọ » chẳng đi đến đâu. Nhưng phải trọng những ông thầy đã xây-dựng cho học-sinh một nền-tảng, một đường-lối, một phương-pháp, sẽ giúp họ làm giàu thêm « cá-tính » của họ. Biết nhiều tác-giả, nào có ích gì, nếu bạn không lãnh-thụ được vài tin-

là thao-thao bất-tuyệt từ « cồ » sang « kim »... Thật là « ni non » như nước suối trên nguồn, « mãnh-liệt » như sóng kinh hồ đông ! Nhưng khốn nạn, lời thầy giảng chẳng hề động chạm đến tư- tưởng, tình-cảm hoặc lý-trí của học-sinh ! Thành ra « mớ kêu mợ mớ », người nghe vẫn « tro như đá, vừng như đồng ». Mà thiết tưởng, trong việc giáo-dục, định-luật căn-bản ám-chỉ trong câu nói đùa :

« Không mày, đổ thầy làm nên » !

Bạn hãy nhìn xem một bà mẹ tập cho con đi. Bà ấy không để con ngồi yên trong nôi ! Nhưng cầm tay dắt nó đi....

một bước... hai bước... Mẹ con cười vui với nhau, rồi... ba bước. Đứa bé cố tự nó bước thì sau nó mới biết đi, trước hết phải bám vào mẹ, rồi sẽ chập chững, đi một mình và một ngày kia nó sẽ đi thạo. Dạy học quyết không phải là dễ cho thầy phó-trưởng kiến-thức cũng không phải là dễ cho thầy thi-thố các tài biện-bác.

Ngồi chửi đồng học trò « ngu », chẳng hạn làm cho học trò giỏi thêm. Nếu không ngu, đã chẳng phải đến nhờ thầy « mở mang trí-tuệ » ! Thầy phải « hạ mình » xuống tầm học-sinh, từ từ dịu-dắt như bà mẹ... tập cho con đi.

Nhưng khuyết-diểm lớn nhất của ông thầy « khàn » là thiếu miếng đòn « tâm-lý ». Mặc dầu học-sinh non dại đến đâu, không nên bao giờ được phép quan-niệm học-sinh như một thứ « tù ». Tù rồi phải nhét cho đầy !... Trái lại, ông thầy đang đứng trước một « con người » có tâm-trí,

biết thông-cảm, nhận-xét, suy-nghĩ. Làm thế nào cho cả lớp sợ thầy mà không khiếp thầy ! Yêu mến thầy mà không cợt nhả ! Điều cốt-yếu là truyền cho học-sinh chút cảm-tình đối với thầy, cũng như đối với môn học. Rồi thầy sẽ lựa lời tùy theo nhu-cầu của từng tuổi, nêu ra ít điều có thể đánh thức tinh-thần cầu tiến của học-trò ! Hiểu học là đức-tính căn-bản : « Có công mài sắt có ngày nên kim ». Gây cho con em được đức-tính ấy không phải dễ, nhất là ở những lớp nhỏ. Những bí-quyết thành công của thầy giáo chính ở điểm đó vậy.

Đề kết-thúc, chúng tôi xin trích lời của một vị lão-luyện trong làng giáo : « Trong vấn-đề giáo-dục, câu chuyện giáo-sư là câu chuyện chính, chứ quyết không phải câu chuyện học-sinh. Mà không phải bất cứ ai đều có thể đeo vào thân một cái nghiệp giáo-sư ! »

Hòa-Mai NGUYỄN-ĐIỆM-SƠN

NHIỀU người có thiện-ý, thiết-lập kế-hoạch thật hay, nhưng chẳng bao giờ tự cưỡng-bách mình và tự chế-ngự mình để thực-hiện cho bằng được.

Thánh Gioan nói : « Thiện-chí hằng theo dõi tôi, nhưng tôi chẳng có sức để thi-hành ».

Thánh kinh nói : « kẻ làm biếng muốn mà không muốn. Ước-vọng thúc-bách họ, bởi họ không hề muốn bắt tay vào việc, ngày ấy sang ngày khác họ tiêu-mòn vì ước-vọng. Họ giống như kẻ ở trong mộng, tưởng mình làm được những công việc vĩ-dại, đến chừng bừng con mắt dậy thì thấy mình tay không ».

Tiên-tri Isaia nói : « Kẻ đó nhiều khi mơ thấy mình ăn, nhưng khi tỉnh dậy thì bụng vẫn rỗng không như trước ».

NGHE điều phải mà không làm khác nào kẻ soi mặt mình ở trong gương, nhìn rồi đi, không còn ý-niệm gì về các nét mặt đã thấy ở trong gương nữa.

THÀNH GIA-CÔ-BÊ

Thơ riêng gửi Bạn NGUYỄN-VĂN-HÀ, Huế
và tất cả các bạn tỏ ý thắc-mắc về các danh-
ngôn, danh - ý trích - đăng trong Bách-Khoa.

VẤN - ĐỀ

BÌNH CŨ RƯỢU MỚI

Hoàn toàn đồng ý với các bạn. Tuy-nhiên, trích-đăng những đoạn văn của các nhà triết học, các bậc văn-hào, những người viết sử, thế nào cũng đưa tới sự ngộ-nhận (trường-hợp của bạn Ng.v-Hà).

Tác-giả những đoạn văn, những tư-tưởng hay đăng trong Bách-Khoa, không nhất thiết phải là Khổng-tử, Mạnh-tử hay những môn-đệ của Nho-giáo, mà còn của nhiều văn-hào cổ-kim khác. Trở về nguồn không phải đề vị-cổ, cũng như chúng ta không nhẹ dạ mang cây xú lạnh qua trồng ở xứ nóng, vì cái hay của người chưa chắc đã hoàn-toàn hay với mình.

Đang một đoạn văn của một nhà triết-học Tây-phương không nhất thiết là có nghĩa đề-cao hay chủ-trương theo học-thuyết đó.

Trung-thành với truyền-thống người xưa không phải là duy-trì những hình-thức khách-quan của lễ-lối cũ — nhưng chính là tôn-trọng, trung-thành với tinh thần của cổ-nhân.

Điều cốt-yếu là ta biết gạt bỏ những áp-dụng nhất-thời, những phân-tiêu-cực và giữ lấy cái tinh - thần của Người đem thích-nghĩ với nhu- cầu đòi hỏi của xã-hội chúng ta.

BÁCH - KHOA

■ « Đề sở học một bên và làm theo ta đã ! »

Mạnh-Tử vào yết-kiến Tề-Tuyên-Vương tâu rằng :

Khi nhà vua muốn cất một tòa nhà lớn thì trước hết nhà vua sai viên trưởng quan công-tác tìm kiếm những cây to. Khi đã kiếm được cây to, nhà vua tất lấy làm mừng, vì cho rằng cây ấy đủ sức chịu được tòa nhà. Sau đó, có mấy người thợ tiện làm mấy cây ấy nhỏ đi, nhà vua lấy làm giận, vì cho rằng cây không đủ sức chịu tòa nhà.

Hàng sĩ-phu giống như cây cột chống đỡ tòa nhà, lúc nhỏ thì học đạo-lý tề-gia trị-quốc của thánh-hiền, lớn lên mong đem sở học ra thi-hành để giúp nước giúp dân.

Song nhà vua lại bảo rằng : « Khoan ! các người hãy đề sở học các người ra một bên và theo ta đã ».

Nói như vậy có phải lẽ chăng ?

Nay như nhà vua có một hạt ngọc còn nguyên-chất, hột ngọc ấy tuy đáng giá muôn dật mà nhà vua cũng giao cho thợ ngọc bảo hộ mài giũa cho lên nước ngọc, chứ nhà vua không tự mình mài giũa lấy.

Đến như việc cai-trị quốc-gia là việc tối quan-trọng mà nhà vua lại bảo các bậc hiền-tài rằng : « Khoan ! các người hãy đề sở học các người ra một bên và làm theo ta đã ! ».

Sao nhà vua không làm như trên là giao hột ngọc cho người thợ ngọc bảo hộ giũa mài ?

XUÂN-Y

ĐẤT lành thỏ, hương thơm mùa mới dậy,
Cây thanh-thanh vừa đơm lá xanh-xanh,
Hoa thơm-thơm vương-vấn khắp muôn cành,
Nắng dịu-dịu ấm lòng người lữ-thứ.



NÀNG xuân đến, khách thơ còn bỏ-ngõ,
Bướm ngây tình phấp-phới gọi niềm vui,
Chim ca lưng ướm hỏi giọng xa-xôi:
Xuân về đây, sao đàn xuân chưa gây?



NẤY chim hót! Cho ta gọi đôi vãn ngây dạt,
Theo gió xuân hòa nhịp với non sông,
Tay run-run đang tặng áng hương lòng,
Xuân về đây, ai người cùng thông-cảm?



ĐÂY vườn chữ, mệnh-mông nghìn vạn dặm,
Đây men thơ ấp-ủ ý xuân lành,
Dòng mực đen vờn trên giấy trắng tình,
Và đọng lại trong văn thơ cõi mờ...



NÀNG thơ bảo: sương mai hoa trời nở,
Còn vãn-chương sẽ mở khắp hoa lòng,
Cánh mai vàng đem Tết đến muôn phương,
Văn thơ tặng mở xuân đời vạn thuở...

AN-CHÂU

Xuân Bình-Dậu (1957)

TRỞ VỀ

Kính tặng hai nhà lý-thuyết
T.G. và TRẦN-ĐỨC-THẢO

Hôm nay, Mã-khắc-Tư hiện ra bên bờ Volga. Ánh-sáng hoàng-hôn đọng lại ở chân trời. Những màu vàng, đỏ, xanh lơ, hòa-hợp lẫn nhau thành một bức màn sơn rực-rỡ, mấy đám mây lửng-lơ, hiu-quạnh, trôi trên nền trời mênh-mông.

Ánh-sáng còn sót lại đổ xuống mặt nước ao hồ, phản-chiếu vài lần yếu-ớt trên cánh đồng bát-ngát.

Hắn rồi sẽ tới.

Đàng xa, vài vì sao gợi tia nhấp-nháy chạy về...

Những chấm trắng như những cánh bướm nhỏ nhỏ trên nền trời xanh thẳm bay vội-vả về đâu? Đêm nay dừng lại ở nơi đâu?

Mã-khắc-Tư chống gậy, nhìn trời, nhìn bóng tối dần-dà úp xuống. Lòng buồn tười-tươi. Tóc bạc phơ. Chòm râu rối-ren. Tâm-hồn rối-ren.

Chàng thanh-niên vạm-vỡ, mắt sáng, gương mặt hồng-hào, vòng tay đứng hầu bên cạnh cất tiếng thưa:

— Thưa tiên-sinh, vạn-vật nhìn ta, biết có cảm-giác như ta nhìn vạn-vật?

— Làm thế nào biết được.

—!!... Thế thì tri-giác của con người có thể hiểu thấu được bản-thể của vũ-trụ hay chăng?

— Người hãy hỏi điều khác.

Thanh-niên ngần-ngại. Im-lặng. Sè tay bóp lại với nhau. Rồi vòng tay trên ngực. Hai môi mím lại...

— Dám thưa tiên-sinh, giai-cấp thợ-thuyền Nga-Sô vẫn cứ phải làm-than. Xã-hội tư-bồn sụp rồi. Lãnh-tụ Stalin lúc sanh-tiên sao còn mang hình-ảnh của nhà vua phong-kiến? Rồi Molotov, rồi Kroutchev...

Phá-đồ một tồ-chức người bóc lột người. Sao họ lại đi vào con đường chính-dảng đàn-áp dân-chúng? Mà đảng-viên là người, dân-chúng cũng là người.

Gương mặt của triết-gia duy-vật dần dần ửng-đỏ, chòm râu hơi lay-động. Rồi xám ngắt. Mã-khắc-Tư, lặng-lẽ, nhìn xa

về phía Mạc-tư-Khoa... Giờ lâu mới cất tiếng hỏi :

— Người còn điều gì thắc-mắc nữa chăng ?

Chàng thanh-niên ngẫm-ngẫm hồi lâu rồi tiếp :

— Dám thưa tiên-sinh, theo nguyên-tắc, chủ-nghĩa tư-bồn đến hồi mạt-lộ, đáng lẽ, ở một nước kỹ-nghệ lân-tiến như nước Đức, mỗi mầu-thuần càng thêm gay-gắt, chế-độ độc-tài của Hitler cung-phụng điều-kiện cho cách-mạng vô-sản Đức thành-công. Sau trận chiến-tranh thứ hai, nước Đức vẫn còn như cũ. Rồi ở các nước Anh, nước Pháp, giai-cấp thợ-thuyền đáng lẽ tiền-tiến giác-ngộ, trở lại đồng-lỏa với tư-bản đi đàn-áp các xứ thuộc-địa.

Còn nông-dân Trung-Hoa lại đập tan được xiềng-xích đế-quốc, trong khi nước Tàu còn lạc-hậu. Cũng ở đó và ở Việt-Nam, lực-lượng cách-mạng không nằm trong đám thợ-thuyền thành-thị mà ở ngay trong lò tác-chiến ở thôn-quê.

Xin tiên-sinh dung thứ...

Có phải chăng, khi hoàn-cảnh xã-hội đã thay đổi, thì những tin-điều của một giáo-chủ siêu-quần bất-chúng cũng không thể nào bất-di bất-dịch...

Rồi chàng thanh-niên nói mãi... như gặp một dịp may đề thò-lộ tâm-tình dồn ép đã quá lâu rồi.

Mã-khắc-Tư lặng-lẽ thờ dật.

Một lúc lâu im lặng. Hai người không

ai nói một lời nào. Trên đồi, vài đợt gió heo may sờ-soạng các ngọn cây xanh. Những bờ bụi thân cây hòa lẫn với hoàng-hôn tràn-lan hòa thành bóng tối mịt-mờ... Mã-khắc-Tư từ từ đứng dậy, tay chống gậy, lảo-đảo bước đi từng bước một. Vẫn chưa ai thốt nên lời.

— Dám thưa tiên-sinh, hôm nay ngọc-thề bất-an !

Mã-khắc-Tư dừng lại. Hai tay nắm chặt đầu gối trúc, dựa cả sức mạnh của thân mình nặng trĩu trên khúc cây nhật maul, nhìn chàng thanh-niên, âu-sầu ;

— Không, ta buồn...

Thanh-niên ngược mặt lên nhìn.

Mã-khắc-Tư mặt dầu-dầu, đôi mắt trầm-ngâm... rồi nói tiếp :

— Ta buồn, không phải vì nhân-loại đã hết người th o ta, mà buồn vì có kẻ cứ theo ta mãi.

Rồi nhè nhẹ nâng bàn tay gân-guốc, nhăn-nheo, âu-yếm đặt trên vai người trẻ tuổi :

— Thôi, người về.

Trong lúc chàng thanh-niên còn ngạc-nhiên, nhà triết-học vội-vã bằng mình thoăn-thoắt, theo lối cỏ mòn.

Mình lẫn với đám lá xanh. Chòm râu kỳ lạ tỏa ra hai bên, pha với màu tóc phau-phau bạc. Đẳng xa, trông như chiếc buồm nho nhỏ...

HOÀNG-CÔNG-LIÊN

■ **TÂM-THẦN** không thể ở trạng-thái tĩnh, không tăng không giảm : không thu-thập được thì là mất đi và chỉ thối-lui thì mới không tấn-tới nữa mà thôi.

CASSIEN

HỒN MA CŨ

Tân-truyện của BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Đầu đây đông-vọng cõi xa xưa :

Thò-ngời thòm phước ; hồn ma cũ...

B. N. L.

KHÍ Kỳ đẩy xe đạp qua các bờ đất, ra tới Ngã ba Cầu-Kinh thì mặt trời mới tỏ lọt son Tàu lên tấm nền dựng sau những ngọn dừa nước ở hướng Đông.

Từ đó mà ra Sài-gòn, vào giờ đường vắng, chỉ mất mười lăm phút là cùng ; Kỳ cũng chẳng có công việc gì cần phải làm sớm. Thế mà chàng cũng cứ dậy khuya mà đi như mọi ngày.

Qua đường Hàng-Sanh, qua đường Hàng-Bàng, qua đại-lộ Hai-Bà-Trung, xuống « Một Hình » rồi đổ ra Chợ-Cũ, Kỳ đi thật là lòng-vòng, do các nẻo xa nhất để tới đích.

Chợ-Cũ còn dụi mắt, trừ các tiệm cà-phê. Kỳ sung-sướng như về quê nhà và vào ngay tiệm nước ở góc hai phố X. Y.

Chàng ngồi trước chiếc bàn con đặt sát vách, không nhìn ai hết, cốt tránh thấy. Chàng muốn nghe nhiều và ngửi sâu. Đây

có những tiếng động, những mùi vị quen thuộc và rất thân-yêu mà chàng mến-thích.

Ngoài sau bếp, người thợ xiu-mại băm thịt bằng hai con dao Tàu, mà hân hạ lưỡi dao xuống thớt theo một nhịp-điệu kỳ-lạ nghe như một khúc nhạc man-rợ nhưng vẫn êm tai. Những anh phở-ky hô món ăn, hoặc hô số tiền mà khách phải trả, không phải bằng văn xuôi, mà bằng lời hát, có ca có kệ dềng-hoàng. Khi một người khách đứng lên, hân hát to cho anh thủ-quý nghe : « A... a... người đội nón nỉ đen á... à... à sáu đồng lẻ bảy các q... a... » Lẽ cố-nhiên là hân hát từng tiếng Tàu, thò-ngữ Quảng-Đông, nên câu hát thành dài lê-thê vì những á... a, á à, nghe rất thú-vị. Có mỗi một câu ngắn : « Bạc tẩy tái, tổng mùi » mà hân làm được bài hát nhỏ, nghe-ngạ đến lúc tách sữa trứng gà bung ra tới bàn khách, bài hát mới dứt.

Mùi bánh bao hấp từ các xùng dưới lò bốc lên, mùi cà-phê rịn ra từ những chiếc vợt đầu tiên trong ngày, tất cả những tiếng và hơi tạo thành một không-khí mà Kỳ rất thích.

Ngày nay các tiệm cà-phê các-chú phần đông đã đổi mới, không ca-hát lãng-nhàng nữa, không bấm dao trên thớt theo một nhịp điệu riêng nữa, nên Kỳ chỉ vào tiệm này thôi. Chàng đã nghiện không-khí ở đây, nghiện cả thời-gian nữa; phải ngồi tiệm vào lúc thật sớm như bây giờ mới hưởng đầy-đủ không-khí một tiệm cà-phê các-chú ngày xưa.

Cho đến cái dơ-bàn của tiệm này chàng cũng yêu, vì đặc-tính ấy là một yếu-tố gây không-khí kia, thiếu nó không xong. Những anh phò-ky lên cảnh-sát, còi trần ra, chàng thấy là ngồ-ngộ, hợp với toàn-thể của tiệm nước bình-dân này. Ăn mặc đàng-hoàng và sạch-sẽ, họ sẽ giống những lo sứ cổ bày trong nhà tranh.

Kỳ còn nghiện một yếu-tố nữa mà không phải lúc nào cũng đòi-hỏi được. Đó là những buổi sáng sớm mưa dầm. Bên ngoài mưa gió lạnh mà ngồi được trước một tách cà-phê lên hơi, bên cạnh cái lò chụm trấu thì thú tuyệt-vời. Càng thú hơn khi nghe một anh phò-ky đối đáp với khách-hàng :

— Nị không lạnh sao mà ở trần ?

— Hà cái lấy pên Tàu lạng lã (lạnh lã), qua pên này lợc lã (nực lã). Khoong pết (không biết) lạng mà...

Nghe câu ấy, không khỏi nghĩ đến một xứ rét run, và mình càng cảm thấy ấm hơn trong tiệm này.

Kỳ ngồi đó làm thỉnh, không kêu món ăn. Thế mà anh phò-ky lại hát lên :
« Vạch bên trái, cà-phê không, thật đậm, nhớ lợc bằng vợt mới, nghe không ! »

Rồi người thủ-quý kiêm nhơn-viên rót cà-phê nhìn chàng một cái đoạn thi-hành y theo lời phò-ky dặn-dò.

Đó là yếu-tố quan-trọng nhất của không-khí tiệm này. Đây là một tiệm cà-phê lâu đời và nhất là một tiệm cà-phê giữ truyền-thống cũ. Nên chỉ họ có những người khách lâu năm, rất lâu năm. Họ thuộc lòng từng ý muốn nhỏ của mỗi người khách : người này ba muống đường ; người kia một muống rưỡi thôi. Còn khách thì không cần thốt ra lời nào cũng có kẻ đứng tới tay món uống vừa ý.

Kỳ lấy muống nhỏ dò đáy ly cà-phê đen như thuốc Bắc : chỉ độ một muống đường cát dưới ấy thôi ; thật là trúng sở-thích của chàng. Chàng gác muống lên miệng đĩa, cúi xuống hóp một hóp cà-phê nóng, chấp-chấp lưới để lắng nghe mùi thơm của nó, đoạn ngược lên, tay giỡn với mấy cái đĩa giò cháo-quẩy và bánh bao.

Chàng phải ngồi đây cho tới chín giờ mới gặp bạn được, thì mặc sức mà tiêu-phí thời-gian. Gặp bạn ? Ừ, hôm nay Kỳ bị mấy thằng bạn văn bắt ép phải gặp mặt chúng nó tại nhà một đứa. Đề làm gì ? Đề quyết-dịnh thái-độ về hai chữ *ph* và *f*. Nghĩ tới đây chàng bật cười. Quanh chàng, không ai thêm chú-ý tới cử-chỉ đó. Khách hàng thức giấc thật sớm đều kỳ-di như thế cả. Đó là những anh hàng phờ, uống vội-vàng để còn phải về lo hàng mình ; những anh Ấn-Độ gác đêm cho các hãng Tây bạn ả-ra, ả-ra với nhau ; những anh soát vé ô-tô-buýt vừa uống vừa xem chừng đồng hồ tay. Người nào cũng sống riêng với nội-tâm của mình, vui riêng, cười lẻ, khóc thầm.

Kỳ bật cười vì thấy vấn-đề chữ *f* không làm chết ai, không bỏ đời ai bao giờ, thế

mà bọn nhà văn ấy ăn ngủ không được vì nó.

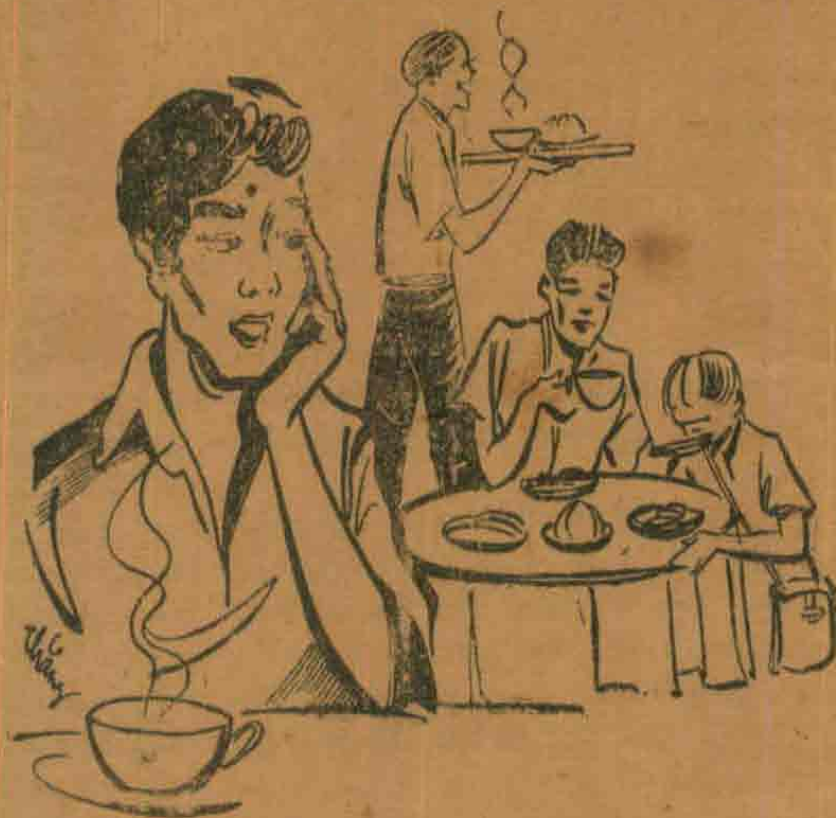
Lý-lẽ của lũ ấy đưa ra là như thế này : viết *ph* thì đúng với giọng đọc của người Việt khi xưa. Nhưng người Việt ngày nay phát-âm sai, đọc *ph* y hệt như *f* ; vậy nên viết chữ *f* cho đúng và cho gọn. Cần phải họp cho đông-đủ thảo-luận rồi biểu-quyết, rồi thực-hành để thiên hạ bắt chước theo.

Kỳ không thể từ-chối gặp bạn. Nhưng

trời an-tâm được tới chiều để viết Mch.

Kỳ nâng ly lên uống một ngụm cà-phê còn quá nóng, chưa nốc được một hơi dài. Và chàng lại mong cho nó nóng mãi như thế này, uống chậm chút mới ngon, và nhất là mới tiêu nổi. Cà-phê uống ở nhà thật vô-vị, uống nơi tiệm khác lại phèo. Ngồi đây mà tận-hưởng cà-phê và các thứ khác dính líu chặt chẽ vào cà-phê này, hay biết bao !

Ngày nào cũng thế, chàng ngồi đó như



chàng đã nhất quyết chống lại chữ *f*. Nghĩ tới quyết-định này chàng lại bật cười lẫn nửa. Thật là quan-trọng-hóa con tép. Tưởng chống lại lý-thuyết nào, ai ngờ chống lại... chữ *f* tí-hon.

Tại sao chàng chống lại chữ *f*, chàng cũng không hiểu cho rõ lắm. Nhưng trực-giác của chàng nói thầm cho chàng biết rằng viết như thế không ổn.]

Soát lại công việc hôm đó, chàng nghe yên lòng. Chỉ có bấy nhiêu rắc-rối đó thôi,

một vị tiền bất-tử. Khách hàng hết lớp này ra đến lớp kia vào, y như các thế-hệ người kế-tiếp nhau mà tàn mọc trên dương-thế, còn chàng thì ở ngoài cần-khôn nhìn những kiếp sống phù-du này.

Ngộ quá, mỗi giờ khác, một hạng người khác nhau. Sau chàng là những người làm công các tiệm chung-quanh ; hết họ, đến những kẻ đi làm ; hạng sau cùng là những người không nghề-nghiệp, hoặc không thời dụng-biêu nhất định.

Khi mà không, khi ưa-thích lẫn tan cùng một lượt với đèn tắt, ngày lên Kỳ mới chú-ý nhìn người và vật chung-quanh. Những gương mặt của thầy thợ quen mỗi ngày, nhìn mãi không thấy gì lạ, mà không có thì không xong. Cây cối quanh làng ta có khi vướng mắt ta lắm. Nhưng nếu có một hỏa-hoạn xảy ra trong làng, mọi vật đều bị thiêu-hủy thì ta tiếc những gốc cây quen thuộc biết bao nhiêu ! Nó là những nét của cảnh-trí, những vật ở chân trời cũ, thiếu đi, nghe buồn lắm sao.

Hôm nay một thầy lại đem theo một thằng con nhỏ. Thằng bé độ mười tuổi, tay cấp cấp da, chừng như đi học dẫu đó, mà hôm ấy không người nhà đưa nên người cha mới phải bận-bịu thế, lúc đi làm.

Hai cha con ngồi lại bàn. Người cha kêu cà-phê cho mình và sữa cho con, nhưng kêu bằng thô-ngữ Quảng-Đông, nên thằng bé không hay biết. Chừng khò-ky đem món uống lại, nó mới nói :

— Ba ơi, con muốn uống cà-phê như ba !

— É, tré con không nên uống cà-phê.

Người cha vừa nói vừa xé cái bánh tiêu, nhét xiu mại vào để làm nhưn, rồi trao cho con.

Kỳ bỗng-nhiên giật mình, ngó giáo-giác như nghe ngóng cái gì. Không, không có gì cả ! Nhưng chàng không an lòng, có cảm-giác là tiếng động gì, hình-ảnh gì vừa thoáng-hiện rồi và trốn đi và đang lẫn-lút đâu đây. Tiếng động ấy, hình-ảnh ấy ra sao ; chàng không rõ, nhưng cứ tin là nó để yêu lắm.

Liền đó có một cuộc săn đuổi ráo-riết. Kỳ rượt theo một ấn-tượng, một cái gì vô-hình, lấp-ló đâu đây. Có lúc chàng suýt chụp được nó, nhưng nó lại vượt đi,

Những gì xảy ra quanh chàng, bỗng giờ phút này sao mà nghe thấy rất xa-xôi như đã nghe thấy dẫu từ kiếp tiền-thân.

Thình-lình Kỳ ngậy người ra : chàng vừa thấy người cha đưa bé rót cà-phê ra đĩa cho mau nguội, rồi nâng đĩa lên mà uống.

Cảnh này, chàng đã thấy rồi... trời ơi... lâu lắm... những hai mươi năm về trước. Đó là lối uống đĩa của ông ngoại chàng, một ông cụ nhà quê, thình-thoảng dặt chầu ta chợ để hưởng thú thị-thành.

Hình-ảnh cuối cùng uống bằng đĩa này như bấm vào một nút điện, và cả bộ máy đều được huy-động. Những người của dĩ-vãng như hồn ma, lũ-lượt kéo qua trước mắt chàng.

Hồn ma cũ ấy chỉ hiện về được trong cảnh não-nhiệt này là vì có cuộc trùng-phùng cơ-hội như hôm nay : thời-gian, nơi chốn, màu sắc, hình-ảnh, mùi vị, tiếng động ; tất cả những thứ ấy khi đủ mặt, hợp nhau để huy-động ký-ức của chàng.

Bấy giờ Kỳ mới hiểu tại sao chàng lại ưa-thích tiệm cà-phê này. Hồn ma cũ ngủ yên nơi tiềm-thức của chàng. Đó lại là những hồn ma thương mến. Tiệm cà-phê này có gần đủ điều-kiện để kêu gọi hồn ma. Gần đủ nhưng chưa bao giờ đầy-dủ. Nên tiềm-thức ngủ quên luôn. Ngủ quên nhưng vẫn giục chàng đến đó, mà chàng không biết tại sao. Chỉ hôm nay mới hiểu rõ.

Thì ra tiềm-thức đã chủ-động nhiều việc trong đời người, trong đời chàng những việc ta làm, chàng làm, mà vẫn không hiểu vì sao mà làm.

Kỳ lần-thần tìm xem coi do đâu mà chàng ghét chữ f, một tình-cảm chàng đang có mà không biết nguyên-nhân.

Ngộ ! Khi này không tìm mà hồn ma

hiện đến. Bây giờ đọc thần-chú, nó cũng chẳng về. Phương-trình con thiếu rất nhiều yếu-tố :

Ký-ức = thời-gian + nơi chốn + màu sắc + tiếng-động + mùi-vị + hình-ảnh.

Chữ *f* đã dính-lưu với những hình-ảnh nào, chàng thật mù-tịt. Nền chi Kỳ thôi không thêm tìm biết nữa. Ngày kia, khi có một cuộc quy-tụ yếu-tố tự-nhiên chàng sẽ nhớ về chữ *f* ấy.

Bây giờ, theo dõi những hồn ma yêu dấu thú hơn. Chàng thường theo ông ngoại ra chợ uống cà-phê... Chàng ra tình học... Chàng lên Saigon... Ma nhiều lắm ! Ôi ! Mến-yêu là những con ma tóc còn đường rẽ, áo quần còn hôi mùi ruộng bùn, cùng nhau ngo-ngác giữa đô-thành ! Ôi ! Bối-rối là những con ma giáo-sư tóc rắc muối tiêu mà bây giờ hân đã đi đầu-thai kiếp khác rồi.

Ôi ! Bối-rối là những con ma... Kỳ nghe tê-tải nơi lòng, mắt ứa lệ. Bối-rối là những con ma gặp nơi nhà, quen, khi ra chơi ngày chúa-nhật, những con ma nó làm cậu học sinh lưu-trú ngo-ngằn suốt

tuần. Ôi ! dịu-dàng là một con ma áo tím... mà trời ơi !...

Kỳ nhớ lại ngày chàng được bức thư tay cuối cùng của người bạn tình đầu-tiền ấy. Thiếu-niên bao giờ cũng đại về tình. Chàng đã toan tự-tử, nghĩ thật buồn cười. Hình như là chàng thuộc lòng bức thư ấy. Đầu nào... à... : *anh không phải là người lý-tưởng của em, vậy ta dứt nơi đây là hơn. Dầu sao, em cũng đã thành-thật yêu anh trong một thời-gian, thì anh không thể nói là em thờ-ơ hay phụ-bạc được...*

Bỗng Kỳ ngược lên, cười khà. Chàng đã bắt được kẻ trốn-tránh, khi đọc lại đoạn thơ ấy. Chàng nắm lấy chóp nó và la thầm trong bụng :

— Nó đây rồi !

Phải nó đây ; Nó viết *ph* bằng chữ *f*. Chàng đã ghét giận nó, và giận luôn cả chữ *f* của nó tự bao lâu rồi.

Kỳ lại cười lớn lên một đảy nữa và làm-bầm :

— Tụi nó mà biết sự thật về chữ *f*, chắc tụi nó cười mình dữ lắm.

B. N. L.

■ Ngựa xay lúa

Ngày xưa, ở thiên-trúc, có một ông vua nuôi năm trăm con ngựa để dùng vào việc chiến tranh.

Khi trong nước đã được bình an, vua thấy ngựa thường không dùng đến mà phải nuôi nấng tốn hao, nên định dùng ngựa làm việc để kiếm thêm tiền vào kho.

Vua liền truyền lệnh dân cả năm trăm con ngựa bắt đi xay lúa. Người ta bắt mỗi ngựa lại. Lấy dây cột vào cổ, rồi quất và bảo ngựa đi vòng tròn mà xay lúa cả ngày. Ban đầu chưa quen, sau rồi ngựa cũng xay lúa được, và lâu thành ra ngựa xay lúa.

Một ngày kia có quân nghịch đến xâm-lấn, lính giặc vây chặt cả thành. Bấy giờ vua truyền lệnh kịp đem ngựa lại, đóng yên vào và cho ra trận. Song các tướng vừa cười lên thì ngựa không cự địch với giặc, lại cứ chạy quanh vòng tròn mãi, đánh bao nhiêu cũng vậy.

Quân nghịch vào chiếm thành và giết vua.

Có của chính-đáng mà đem dùng vào việc thấp-thường tướng cũng là một sự hại không phải nhỏ vậy.

Trích thuật trong * VĂN-MINH NHÀ PHẬT *
ĐOÀN-TRUNG-CỒN

HOÀNG-TỬ SƯNG-SƯỞNG

* Xin tặng những ai nghiêng
mình vào cõi khổ của loài người *

NGƯỜI THUẬT

NHỎ lên trên phố-phường, pho-trợng Hoàng-tử Sưng-sưởng đứng trên đầu một trụ cao. Toàn thân ngài mạ một lớp vàng ròng mỏng-mảnh ; cặp mắt Ngài lăm lăm bằng hai hột bích-ngọc sáng-loáng và ở chuỗi gươm Ngài, một viên đá hồng-bửu long-lanh.

Ai nấy đều trầm-trở. Có người bảo :
* Hoàng-tử đẹp như gà trống trên lầu chuông, nhưng không hữu-dụng bằng *.

Một cô bé nói : * Ngài trông như thiên-thần *.

Cậu anh giỏi toán-pháp hỏi vặn : * Sao em biết ? Có thấy lần nào chưa ? *.

— Em đã thấy trong giấc chiêm-bao.



Buổi chiều nọ, một con Ến nhỏ bay qua thị-thành. Bọn bè Ến sang Ai-cập đã sáu tuần lễ rồi, nhưng Ến còn chậm-trễ, mắng vui thú yêu-dương cùng Sáo mỹ-miêu.

Một hôm, Ến hỏi Sáo : * Em muốn làm bạn trăm năm với anh không ? Song em hãy nhớ rằng anh thích ngao-du lắm ; thế nên hỏi bạn chung-tình ! em hãy rán chịu anh *.

Sáo vì hay nhớ quê nhà, nên lắc đầu từ chối.

Sau khi bạn-bè đã rời xa, Ến cảm thấy rất tro-trọi, bèn định cất cánh bay sang Ai-Cập.

Suốt ngày Ến liệng. Chiều hôm Ến trở lại châu-thành đậu giữa hai bàn chân Hoàng-tử Sưng-sưởng. Ến muốn nghỉ đêm ở đây, nhưng vừa đậu dưới cánh, thì một giọt nước gieo trên mình Ến, rồi giọt này giọt khác, nối nhau rơi, Ến ngoảnh lên...

Ngoảnh lên Ến trông thấy... Ến trông thấy gì ?

Mắt Hoàng-tử Sưng-sưởng đắm lệ và dòng lệ ràn-rụa trên má vàng. Dưới bóng trăng, mặt Ngài trở nên xinh đẹp đến nỗi Ến động lòng hỏi :

* Ngài là ai ? *

— Ta là Hoàng-tử Sưng-sưởng.

— Thế sao Ngài khóc ? Ngài làm tôi ướt đầm-đìa.

— Trước kia khi ta còn sống, còn quả tim người, ta chẳng khi nào nhỏ một giọt nước mắt. Vì ta ở trong đèn trắng-lệ, nơi ấy chẳng bao giờ buồn-thảm lên vào, ta muốn gì được nấy. Ban ngày ta nô-giỡn ngoài vườn xinh và đến đêm, nhảy

màu trong phòng đẹp. Tường cao chạy bốn phía vườn ; ta chẳng hề hỏi xem bên tường kia có những chi. Chắc mọi vật đều hoàn-toàn tốt đẹp quanh mình ta. Quần-thần gọi ta « Hoàng-tử Sưng-sưong ». Mà sung-sưong thật « sống thế nào, thác thế ấy ».

Nghe pho tượng nói, ban đầu Ẽn rất ngạc-nhiên, giây lát rồi thành quen.

Pho tượng kể tiếp : « Sau khi ta chết, Triều-dinh đặt ta trên đài cao, đến nỗi ta nhìn thấy được mọi cảnh khổ trong châu-thành. Và tuy tìm ta làm bằng chi, nhưng khi nhìn cảnh khổ trên, ta không cảm suốt lệ.

Kia đằng xa, một túp nhà nghèo ở bên đường nhỏ. Một thiếu phụ xanh-xao tiều-tụy ngồi thêu dựa bàn ; nàng làm nghề thêu. Trong một góc buồng một cậu bé đau ốm nằm trên giường, bệnh sốt rét dầy vò cậu. Cậu đòi ăn cam. Mẹ cậu không có gì khác hơn nước lã dè cho cậu, thế nên cậu khóc. Ẽn hỏi, Ẽn ơi, này Ẽn nhỏ. Em có sẵn lòng đem cho nàng viên đá quý ở dưới chuỗi gươm ta đây chẳng ?

— Các bạn tôi đang chờ tôi ở Ai-cập, tôi chậm trễ lắm rồi. Mà thôi...

Và trời mỗi ngày một thêm lạnh.

— Ẽn ơi, Ẽn ơi, này Ẽn nhỏ. Sao em không chịu ở lại một đêm để giúp ta chút việc ? Cậu bé kia khát lắm và người mẹ rầu-rĩ biết đường nào !

— Tôi tưởng không ưa trẻ con bao nhiêu. Mùa hè năm trước, một hôm tôi bay lướt mặt sông, trẻ con ném đá vào mình tôi.

Nhưng Hoàng-tử Sưng-sưong có vẻ buồn bã đã-dược khiến con Ẽn động mỗi-từ-tâm.

— Ở đây lạnh lắm. Song tôi sẵn lòng ở lại một đêm để giúp Ngài.

— Ta cảm ơn em lắm, Ẽn nhỏ ơi.

Ẽn bèn mở ở chuỗi gươm Hoàng-tử viên đá quý, rồi ngậm bay đi trên những phổ-phương. Ẽn bay ngang nóc nhà thờ, có nhiều tượng thiên-thần tuyết-xảo ; Ẽn bay ngang những lâu-đài rực-rỡ và nghe tiếng âm-nhạc khiêu-vũ xôn-xao.

Một thiếu-nữ lộng-lẫy ra đứng tựa bao-lơn với tình-quân. Ẽn nghe nàng thổ-thẻ : « Em mong sao chiếc áo dài thêu hoa sẽ may xong trước buổi dạ-hội long-trọng sắp tới đây, nhưng thợ may họ lười biếng thế nào. »

Sau cùng Ẽn đến túp lều nghèo kia và đưa mắt nhìn cậu bé nằm trên giường rên thâm-thiết và người mẹ mòn-mỏi ngồi dựa bàn thiu-thiu. Ẽn nhẹ-nhàng bay vào phòng, và đặt viên đá quý lên bàn, cạnh cái bao tay của thiếu-phụ, rồi Ẽn bay quanh giường phẩy cánh nhỏ, quạt đầu cậu bé.

Cậu bé nói : « Mất quá, chắc tôi mạnh ». Rồi dần-dần cậu ngủ ngon lành.

Ẽn bay về thuật truyện đã làm cho Hoàng-tử nghe, Ẽn kể thêm một điều nhận-xét : « Lạ quá ! bây giờ tôi sao ấm-áp vô-cùng, tuy trời đáng lẽ lạnh lắm ».

Hoàng-tử bảo : « Đó là do sự làm việc thiện mà ra ».

Rồi, vừa suy đi nghĩ lại về điều ấy, Ẽn cũng lim-dim đôi mắt.



Hôm sau, Ẽn nói với Hoàng-tử : « Mai tôi đi. Ngài muốn cậy tôi làm điều gì ở Ai-cập không ? »

— Ẽn ơi, Ẽn ơi, này Ẽn nhỏ ! Ẽn không thể ở lại cùng ta một ngày nữa sao ?

— Các bạn tôi chờ đợi tôi ở Ai-Cập. Trời đã lạnh hơn mọi bữa. Tôi sợ không tài nào chịu nổi thời-tiết ở đây.

— Ớn nhỏ ơi ! kia đằng xa, ta thấy một chàng thanh-niên trên chót gác. Chàng ngồi gò lưng trên bàn đầy những giấy và trong bình gần bên, một chùm hoa tím héo khô. Tóc chàng đen nhánh, mắt chàng nhìn vào cõi mộng : chàng lo viết nốt một vở tuồng cho một viên giám-kịch, nhưng vì đói rét, chàng đành bỏ dở.

Ớn vốn có từ-tâm bèn nói : « Tôi ở lại với Ngài thêm một đêm. Tôi sẽ đưa cho chàng một viên đá quý nữa chẳng ? »

— Ta đâu còn viên đá nào ! Ta chỉ còn đôi hột bích-ngọc này mua tận Ấn-độ ngàn năm trước. Hãy mò một hột đem tặng văn-nhân, chàng sẽ bán ở một hiệu buôn đồ trang-sức, và sẽ có tiền mua bánh mì ăn, mua củ sươi để viết nốt vở tuồng.

— Hoàng-tử thân yêu ơi ! tôi không làm như thế được.

Rồi Ớn khóc òa lên.

— Ớn hỡi, Ớn ơi, này Ớn nhỏ ! cứ làm theo ý ta đi mà.

Ớn bèn mò một mắt Hoàng-tử và mang đến nhà nghệ-sĩ. Muốn vào nhà ấy chẳng khó gì, bởi mái nhà có lũng sẵn một lỗ, Ớn có thể bay ngang. Chàng niên-thiếu không nghe thấy tiếng bay êm-ái, và khi chợt nhìn chòm hoa tím, chàng thấy hột bích-ngọc rục-rở mà Ớn vừa để đó.

Chàng nói to : « Độc-giã sẽ được thưởng-thức một tác-phẩm của ta xuất-bản. Đây hẳn là của một người nào mến tài ta. Từ đây ta có thể làm nốt công-vĩnh bị bỏ dở ». Rồi chàng lấy làm thích chí.



Khi trăng lên, Ớn bay về với Hoàng-tử.

Ớn nói : « Tôi đến từ-biệt Ngài ».

— Ớn ơi ! sao Ớn không ở lại cùng ta một đêm nữa ?

— Nay mùa đông đã tới. Rồi đây tuyết

lạnh phủ châu-thành. Cũng lúc này, ở Ai-cập nào nắng hè ảm-áp, nào chả-là xanh tươi. Hoàng-tử thân-yêu ơi ! tôi phải xa Ngài lâu lắm. Xuân sau, tôi sẽ đem về dâng cho Ngài hai viên ngọc tốt để thay đôi hột mà Ngài đã cho người.

Hoàng-tử Sung-sương bảo :

— Dưới kia nơi chợ đông, một em bé dầm mưa đứng bán diêm ; vì em vô-ý, diêm rơi xuống lầy, không dùng được nữa. Cha em sẽ đánh em, nếu em chẳng đem tiền về. Ớn hãy mò con mắt thứ hai của ta mà cho em bé để em tránh khỏi trận mưa dòn.

— Tôi ở lại với Ngài, nhưng tôi không lòng nào vâng lời Ngài được nữa vì làm như thế, thì Ngài sẽ mù cả hai mắt.

— Ớn ơi, cứ làm theo ý ta đi mà.

Ớn bèn bay lại nhả hột ngọc xuống bàn tay cô bé bán hàng. Cô bé kêu to lên : « Chuối hồ đâu mà đẹp thế này ! » Rồi thoăn-thoắt chạy về nhà.

Ớn trở về Hoàng-tử : « Thế là Ngài mù cả hai mắt rồi. Vậy tôi ở lại cùng Ngài mãi mãi ».

Rồi Ớn đậu ngủ dưới chân Ngài.



Hôm sau, đắp trên vai Hoàng-tử, Ớn thuật lại những điều Ớn trông thấy ở xứ lạ năm rồi : nào cò quăm dọc theo bờ sông Nil đớp cá, nào tượng sư-thần cũ-rích như quả địa-cầu, trầm-ngâm trong biển cát, nào những lái buôn đi chậm rãi hai bên mình lạc-đã, và bao chuyện lạ-lùng khác.

Hoàng-tử bảo : « Nay Ớn nhỏ thân yêu ! Ớn kể cho ta biết lắm chuyện kỳ thú, nhưng cảnh khổn-khổ của loài người còn kỳ thú hơn nhiều. Hãy bay trên thị-thành, Ớn nhỏ ơi ! rồi trở về thuật lại cho ta những điều em trông thấy ».

Sau rồi, Ẽn bay về thuật lại những điều vừa thấy cùng Hoàng-tử.

Ngài bảo : « Toàn thân ta mạ vàng. Ẽn hãy mở ra từng miếng mà cho kẻ nghèo ».

Ẽn lấy mỏ nạy vàng ròng bật ra từng mảnh, cho đến khi Hoàng-tử chỉ là một khối xám đen. Ẽn đem từng lá vàng mạ cho kẻ nghèo. Trẻ con mặt trời nên tươi thắm, chơi giỡn cùng đường. Chúng hớn hở reo mừng :

« Từ nay ta có bánh mì ăn ».



Rồi trời đông đến.

Tuyết đóng thành tua dài trên mái nhà ử xuống. Thiên-hạ đi xe chuỗi trên tuyết trắng. Ẽn bất-hạnh càng ngày càng rét mướt, nhưng không chịu lửa vị Hoàng-tử mà Ẽn yêu-mến thiết-tha. Ẽn mở những mẩu bánh mì trước cửa lò bánh và rủ đôi

cánh đuôi hơi lạnh lùng. Nhưng chẳng bao lâu Ẽn thấy cái chết từ đầu đến. Ẽn chỉ còn đủ sức bay một lần cuối cùng lên vai Hoàng-tử, Ẽn rủ-rỉ :

— Hoàng-tử thân yêu ơi ! Từ nay xin vĩnh-biệt Ngài, Ngài cho phép tôi hôn Ngài.

— Ta lấy làm sung-sướng, Ẽn con ơi ! Ta biết em định sang Ai-Cập. Em ở đây đã lâu lắm rồi. Nhưng em hãy hôn ta trên môi, ta yêu em lắm.

— Không phải bay sang Ai-cập đâu Hoàng-tử... Giờ tôi sắp đi vào cõi... chết.

Hôn môi Hoàng-tử, Ẽn từ cao rơi xuống chân Ngài, âm-thầm như chiếc lá vàng rơi. Vừa lúc ấy một tiếng răng-rắc lạ-lùng vang lên trong lòng pho tượng.

Thì ra trái tim Hoàng-tử đã tan tành.

(Thuật theo Oscar Wilde)

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN
(NHỮNG CHUYỆN NGÀY XƯA)

■ Gương xưa.

« Minh-kính khả-dĩ sát-hình,
Vãng-cồ khả-dĩ tri-kim ».

Một môn-dộ của Mạnh-Tử thuật cho thầy nghe chuyện sau này :

Ông Thượng-dại-phu kia đi kinh-lý. Trước, sau xe ông, kẻ hầu người hạ.

Tới một bờ sông, cái, đã là mùa thu, ông Thượng-dại-phu thấy dưới sông đông người, áo quần vắn trên đầu, dương lợi qua bên kia. Ông hỏi nguyên-do. Có người thưa : « Bên này sông dất xấu-xí, khó làm ăn ; còn bên kia, bề làm ăn dễ hơn nhiều. Vì vậy, người bên này lợi qua sông đi làm kiếm ăn ».

Ông Thượng-dại-phu lật-dật xuống xe và dạy thả xe của mình xuống sông (thứ xe này đi trên bờ được, thả xuống sông chèo cũng được) mà đưa giùm người ta qua sông cho khỏi lội, khỏi lỏa-lỗ và lạnh-lẻo.

Thầy Mạnh nghe xong câu chuyện mỉm cười và nói với người môn-dệ : « Ông Thượng-dại-phu ấy cũng chưa phải là một ông quan có lòng nhơn. Ông ta chỉ thi ơn cho ít người, mà có ý muốn cho mấy người ấy đồn ra dặng cho người khác nói mình có lòng tốt và dề ý đến mình. Đó là nịnh dân. Bọn người được nhờ ơn của ông, biết rằng ơn nhỏ, cười ông và khi ông. Đó là ông gây mối loạn. Dân chỉ trọng công-lý mà thôi.

Kẻ làm quan có nhơn là kẻ biết lo cho dân. Khi đi kinh-lý, thấy cái hoàn-cảnh mới nói trên thì đến mùa nước xuống, cho bắc cầu dặng, từ đó, quanh năm người ta qua lại ».

DƯƠNG-MINH-THỜI thuật

NHẬT GIA

TỪ - VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

Quan-niệm gia-đình theo luân-lý tam-cương dành địa- vị thống-trị, ưu-thể cho Vua, Chó, Chồng, đối với tôi, con, vợ ngày nay đã hoàn-toàn phôi-sản.

Gia-đình phong-kiến trước những biến-chuyển lớn của lịch-sử, trước những học-thuyết tây-phương, trào-lưu tư-tưởng mới ngày nay, cũng đang quần-quại rầy chết.

Từ-Vu, một nhà văn Trung-hoa, trong tác-phẩm « Nhật gia » đã diễn-tả sự phôi-sản của gia-đình phong-kiến qua gia-đình họ Lâm. Những yếu-tố đã quy-định sự tan rã của gia-đình họ Lâm trong thời-kỳ Trung-Nhật chiến-tranh, cũng là những yếu-tố đã quy-định sự tan rã của bao gia-đình Việt-Nam chúng ta, sau bao nhiêu năm ly-lạc.

Chiến-tranh đã tàn-phá sự-nghiep mồ hôi nước mắt của chúng ta, nó cần làm sụp đổ tất cả những cơ-cấu và tinh-thần của xã-hội. Gia-đình, đạo-đức, luân-lý, nhân-phẩm hiện nay chẳng khác gì những làng xóm cháy trụi, đổ-thị tàn-phá. Kiến-thiết lại những đô-thị, xóm làng, chúng ta còn phải nghĩ đến việc tu sửa, bồi-bổ lại những giá-trị tinh-thần đã đổ vỡ.

BÁCH-KHOA khởi đầu tiểu-thuyết dài « Nhật gia » của Từ-Vu, do Vi-Huyền-Đắc dịch, đề-đọc-giả nhận-xét sự sụp đổ của gia-đình phong-kiến. Có sự nhận-xét đó chúng ta mới đặt được cơ-sở xây-dựng cho gia-đình của thế-hệ mới.

Họ, tất cả lớn, bé, già, trẻ, những mười hai con người. Đó là một gia-đình. Không có phép gì chia rẽ họ ra được, nhưng, cũng không có phép gì làm cho họ xum-hạp được mãi với nhau !

Lúc đó, Hàng-Châu đã lâm vào một tình-trạng cực-kỳ nguy-ngập. Mới đầu, bà Hai, vợ của ông Hai là Lâm-tiên-Sinh, chủ-trương phải đi lánh-nạn, nhưng Cụ bà nhất-quyết không chịu « chạy ».

Năm nay, Cụ bà đã năm mươi sáu tuổi, Cụ

tin rằng, nhà họ Lâm, mười tám đời nay, tu-nhân, tích-đức, không bao giờ làm một điều gì gọi là thất-đức cả, Cụ lại dốc lòng theo đạo từ-bi ; Cụ tụng kinh, niệm Phật có trên ba mươi năm trời nay ; Cụ đã gia-tâm xây cầu, lợp quán, cúng vào quả-khuyến không biết bao nhiêu mà kể ; bởi vậy đối với việc gì cũng đều tai qua, nạn khỏi, cho nên Cụ không lo sợ. Cụ chẳng rõ cái quái gì là quốc-sự, mà gia-sự, cụ cũng không hề để tâm đến nữa ; Cụ

chỉ lo cho chính Cụ ; ngày ngày Cụ lên đèn hương ở kinh-đường, nơi thờ Phật của Cụ, Cụ xoi chè và cụ đánh bài. Có thể thôi.

Bà Hai, tuy cũng chẳng hiểu quốc-sự là gì, nhưng vì phải trông nom coi sóc tất cả việc ăn tiêu của gia-đình nên bà có nhiều dịp tiếp-xúc với người ngoài mà biết rằng, tạc-dạn và những trái « bom » rất dồi dào-quáng, vì theo « khoa-học thường thức », những thứ đó không có mắt. Thế rồi bà còn nghe người ta kể ra bao nhiêu là chuyện cướp-phá, bóc-lột, hiếp-dâm đáng sợ. Bà nhất-quyết đi lánh nạn.

Hai cái ý-kiến trái ngược ấy cứ thế, xung-đột nhau không biết bao nhiêu lần rồi ; mà phần nhiều sự tranh-chấp đều xảy ra ở trên mâm cơm.

Rút cục, thường thường bà Hai vẫn mở đầu cho việc bàn cãi. Có một hôm về buổi tối, bà vừa ngồi vào bàn ăn, bà nói :

« Thừa, nếu nhà ta có định chạy thì phải dự bị đi, chứ bên nhà họ Lý, họ đã ấn-định cuối tuần-lễ này là họ lên đường, đấy ạ ». Bà nói xong, liền đưa mắt nhìn Cụ bà ; lúc đó Cụ bà cũng dương chú thị vào bà ; nhưng sau khi đó, cụ quay bảo với Lâm-tiên-sinh rằng :

— « Này cậu nó ạ, ai muốn đi lánh nạn thì cứ đi, dĩ tất cả cũng không sao ; mẹ, một mình ở lại đây, xem quân-bình nó có đánh chết được lão, nó cứ đánh... « Vì nhân bất tố quý tâm sự ; bán dạ, đã môn, bất ngật kinh » ; phải, làm người, mà không bao giờ làm một việc gì để phải xấu hổ với lòng mình, thì cho dầu đang đêm, có người đến đấm cửa, cũng không giật mình sợ hãi. Ông bà, ông vãi, tông nhà mình không làm điều gì ác-nghiệt, thì mình chẳng sợ cái gì « sốt », cả !

Bà Hai nói : « Dạ, nhưng thưa mẹ, nhà họ Lý, nhà họ Trương, không rõ tông họ có làm điều gì ác-nghiệt hay không, ấy thế mà, con thấy mười hôm trước đây, họ đã cuốn gói, đi ráo cả rồi !... Bom đạn, nó không có trông con mắt, không biết thế nào được ?... Mới lại, thưa mẹ, chúng-con mấy người toàn đàn bà, còn ít tuổi cả, chúng-con không đáng sợ hay sao ? Một khi mà tiếng súng đã nổ, thì đến lúc đó con không biết bao nhiêu đồ-cỗ, vật quý, bao nhiêu tranh-ảnh, tự-họa, làm thế nào... » ; Thoạt tiên, bà Hai vừa nói vừa nhìn ông Hai, chồng bà ; ông ngồi đối-diện với bà, ở bên kia bàn ; khi nói tới đồ-dùng, tự-họa, bà lại đưa mắt nhìn Cụ ông. Cụ ông chẳng nói, chẳng rằng, cụ dương nhắp đôi đũa để gắp một miếng cá, cụ để mắt vào miếng cá như để chọn lấy một miếng nạc, không có tí xương nào...

Cụ ông cũng hiểu đôi chút quốc-sự đấy, thứ nhất cụ có nhiều bạn hữu mà thời thường cụ vẫn đi, hoặc đánh cờ, hoặc uống chè với họ, nên cụ được biết có vô số người, xưa nay chỉ tu-nhân tích-đức, mà cũng bị cướp bóc một cách tàn-nhẫn ; thiệt là thế - giới đến hồi mạt-kiếp rồi ; còn như đồ cò và tự-họa đó là những vật mà Cụ yêu-quí châu-chuốt nhất : dễ muợn quá thì liệu còn làm sao mà mang đi được. Thoạt đầu tiên, Cụ cũng cho rằng mang những thứ đó đi chẳng dễ-dàng gì, bởi vậy cụ hãy cứ biểu-dồng-tình với Cụ bà, và sau mấy ngày Cụ sẽ dần dần khuyên Cụ bà để Cụ bà đổi ý-kiến ; nhưng bà con đầu cụ rất dỗi là tính ý, cái cặp-mắt xoi-bói của bà đã khám-phá, rõ ý-định của Cụ. Cụ vừa vuốt râu, vừa nói với Cụ bà rằng :

— Hừ ! Bà nó ạ ! Năm nay quả là

cái năm « đại-kiếp, đại-số », thật sự hỗn-loạn sẽ vô cùng dữ-dội ; cứ xem như nhà họ Mai chẳng hạn, thiệt là họ ba bốn đời tu-nhân, tích-đức, họ là một dòng-dối thư-hương, ăn hiền ở lành đến mực ở đất Tùng-Giang ; ấy vậy mà bị cướp-phá bóc-lột đến nhẵn tay ; cứ lã sạch như chùi, nhưng may được một cái là gia-dình đó không có ông già, bà cả, nên họ chạy thoát được cả nhà, không ai bị thiệt mạng. Úi chà, nhà đó có biết « cơ man » nào là đồ cồ, vật quý, tự-họa ; thế mà mất, mất hết, mất không còn mảy-may, một tí cái gì, gọi là có. Thiệt là đến hồi « vận bạch », hồi « mạt-kiếp » mà ! Cụ liếc mắt nhìn Cụ bà, nhưng xem chừng Cụ bà chẳng chú-ý tới việc Cụ kè, Cụ liền xoay về phía ông Hai con cụ. Cụ nói :

— Con ạ, thiệt là « bạch-vận » mà ! Nghe đâu cả cái bức « Thái-thượng cảm ứng đồ », vô giá của nhà ấy, cũng không mang đi kịp...

Ông Hai, Lâm tiên-sinh, cũng đã rõ cái thái-dộ của người cha già gần đây như thế nào ; ngặt vì chính ông, ông đã suy đi tính lại mãi về việc « di cư » này ; thiệt là khó khăn quá ! Mười hai con người, chứ có phải ít ỏi gì, cho nó cam. Đi phải đi, nhưng cũng phải có tiền mới đi được chứ. Cái điều cần-yếu nhất là tiền, mà tiền các khoản đã thu về được đủ đâu : hiện tiền mặt chỉ có mấy ngàn đồng thôi. Để trả lời Cụ ông, ông nói :

— Đáng tiếc thật !... Xong ông quay về phía các em bảo :

— Này, chú Ba, chú có quen với mấy người con của Mai-gia thì phải ? Nghe đâu, hình như họ hãy còn ở Hàng-châu, phải không nhỉ ?

« Chú Ba », đây là người em trai kế với Lâm tiên-sinh, cậu ngồi bên ông. Trước

đây, cậu đã ở Thượng-Hải khá lâu, nhưng cậu không biết an-phận làm ăn, vừa mới « bò » về Hàng-châu, để sống ý-lại vào ông anh, và lẽ tự-nhiên, hiện nay không có công ăn việc làm gì cả.

— Thưa anh, em nghe như họ đã kéo nhau đi Ninh-Ba, để rồi từ nơi ấy chuyển xuống Thượng-Hải... Nếu nhà ta muốn di-cư, cũng phải đi bằng con đường đó mới tiện... Cái cậu « chú Ba » này, không tán-thành đi lánh nạn, nhưng cậu tán-thành đi Thượng-Hải, vì Thượng-Hải đối với cậu là « bề khơi », mà cậu, cậu vốn dĩ là một con « rồng » mà lại.

Vào hàng giữa, còn có một bà chị, người vợ góa của ông Cả, con trưởng-nam của nhà họ Lâm. Ông Cả mất sớm có để lại hai đứa con côi.

Bà Cả, ngồi nín thính, không nói năng bàn góp, vì bà chẳng có chủ-ý gì cả, bà chỉ tùy theo cả nhà : và ông chồng bà đã quá cố đi, bà tự-nhận bà không có quyền-hành chi hết.

Khi nghe bà Hai nói tới sự nguy-hiểm có thể xảy đến cho những phụ-nữ có tí nhan-sắc, bà không lo lắm ; nhưng tới khi bà Hai đề tâm lo cho ba đứa con nhỏ thì bà cũng có đôi phần e-ngại, vì hai thằng bé nhà bà ; tuy vậy, bà vẫn không biểu-lộ chủ-trương gì cả : bà chỉ chủ-trương rằng bất luận thế nào, bà quyết tâm theo cả nhà.

Ông Hai nói : « Quả thiệt, nhà mình đi lánh nạn, không dễ-dàng được như nhà họ Mai đâu : nhà mình đông người, lại tiền thuê nhà tại Thượng-Hải rất đắt ; thế rồi, lại còn cái vấn-đề tông học của chú Tư nữa ».

Chú Tư cũng là một người em nữa của ông, người này là út. Cậu đương học lớp cao-trung. Vì là út-ít bé nhất nhà, nên cậu được Cụ ông và Cụ bà yêu chiều vào

bực nhất. Nếu nói tới rằng Cụ bà cũng có trông nom một đôi chút việc nhà, thì chẳng qua Cụ bà chỉ lo cho việc của cái nhà chú Tư này, thì đúng hơn.

Chú Tư cũng có quan-tâm tới quốc-sự đấy, cậu chủ-trương « kháng chiến đến cùng » ; nhưng đối với việc nhà, cậu chẳng

— Theo học, thì đến Thượng-Hải, chú Tư cũng vẫn theo học được, chứ sao.

Ông Hai nói thêm vào : « Đúng thế, thứ nhất trong hồi này, lại không trúng vào kỳ thi... ». Ông quay sang phía cậu Tư và bảo Cậu :

— Thế còn những bạn học cùng trường



hề đề ý tới : đi lánh nạn, hay không đi lánh nạn cũng không sao.

Bà Hai nhận thấy rằng hiện-thời cục-diện ở cái thế quân-hoành ; một nửa nhà ung « chạy », một nửa nhà không ung « chạy », mà trong số không ung chạy, lại có cả ông chồng bà, nên bà đề-nghị :

của chú, họ có nói tới việc chạy không ?

Cậu Tư dương nhai ngòun-ngòam miếng thịt quay, đáp : « Thừa anh có chứ, nhưng cũng có rất nhiều người mới đến, họ đều ở phía tiền-tuyến « Hồ-Hàng », mới sang cả ạ ».

Cậu Tư đứng trung-lập, nên cậu không muốn viện chứng ra làm gì. Ông Hai mới

nhân lúc cậu đương mài nhai miếng thịt,
• làm văn-chương • :

— Nghe nói Thượng-Hải ngày nay không còn là cái Thượng-Hải ngày xưa nữa, đất hẹp, người nhiều, củi châu, gạo quế, tắc đất, tắc vàng !... Nghe đầu năm chục đồng bạc, chỉ được vồn-vẹn có hai cân thịt lợn thôi.

— Cái đó đã hẳn, vì ai đi lánh nạn cũng đều kéo đến Thượng-hải mà lại; thế đủ biết, Thượng-hải là một nơi an-toàn, một chỗ Thái-Bình. Nếu nhà ta cứ trù-trù không chạy, tôi e sau này, có muốn chạy, không thể chạy được nữa cho mà xem. Bà Hai nói xong, rất lấy làm đặc-ý, bà với lấy cái thìa, múc một thìa canh húp để nhấp giọng.

— Ai muốn chạy thì cứ chạy, chạy tất cả đi; còn lão, một mình lão, lão ở lại đây ! Ở Thượng-Hải, một căn nhà vài ba phòng, họ cho thuê tới hàng ngàn đồng bạc, mà nhà thì chật nít như cái lỗ mũi; đồ đạc chẳng còn biết để vào đâu cho hết; thế còn kinh-đường, bàn thờ Phật của lão-gia, để vào chỗ nào ?, Cụ bà nói xong, liền nhìn Cụ ông. Vả lại, Cụ cũng chưa hiểu tụng kinh vào lúc nào, nhưng cụ nhất-định phải có kinh-đường cho cụ; đối với Cụ ông cũng vậy, Cụ ông cũng chưa hiểu đọc sách vào thời-giờ nào, nhưng Cụ bà cũng cứ bắt phải có thư-phòng cho Cụ ông.

Nhưng Cụ ông thiết-thực hơn, cụ chú-ý nhiều tới tương-lai. Cụ nói :

— Ủi chào ! Đã đi lánh-nạn, còn cần gì đến kinh-đường, với thư-phòng; chỉ cốt làm sao đem được đủ Phật tượng, đồ đạc cần-dùng, cùng là các đồ-cỗ, tự-họa đi, để khỏi bỏ mất là đủ lắm rồi; còn kinh-đường với thư-trại, sau này bình-an trở lại, muốn bày lúc nào, nên lúc ấy...

Cụ bà nghe Cụ ông nói rất dỗi cụt-hung :

— Được rồi ! Ông cứ đem đủ đồ-cỗ, tự-họa của ông đi, còn kinh-đường của tôi, tôi cứ để y-nguyên ở nơi đây và tôi ở lại đây... Kinh-đường có phải là đồ của phường hát bội đâu, mà ăn tuốt cả vào rương, mang đi !

Chú Ba thấy mẹ có vẻ mặt không vui, nên cậu nói đỡ-dồn để cho nguôi lòng Cụ :

— Mẹ ạ ! Mười mấy năm trời nay, mẹ không đi Thượng-Hải. Nhân tiện chuyến này, mẹ đi xuống đây chơi để đổi-giải cũng hay, mẹ ạ ; và hiện nay ở Thượng-Hải rất nhiệt-náo, rất vui, và có thêm ra không biết bao nhiêu cái mới, cái lạ : nào trường đua chó, nào hồi-lực-cầu, thôi thì đủ thứ !...

Cụ ông nói : « Nghe đầu, kếp Mai-Lan-Phuong sẽ biểu-diễn trong một ngày gần đây ở Thượng-Hải, để quyen vào quỹ cứu-tế nạn-dân, thì phải... ». Cụ đưa mắt nhìn từ cậu Ba tới Cụ bà, rồi Cụ nói tiếp : « Nếu ta có đi Thượng-Hải, ta mới có cơ-hội độc-nhất để xem kếp Mai diễn-xuất... ».

Như vậy, Cụ bà lại mê-mải bàn tới Mai-Lan-Phuong : kếp đó xuất-thân làm sao ; năm nay, chừng bao nhiêu tuổi, rồi cứ thế kéo dài cho mãi tới bữa cơm, nó đến lúc nào ấy. Ăn xong, rửa miệng, rửa tay, rồi Cụ bà đi ra kinh-đường để lên đèn nhang, dùng nước chè ; Cụ ông thì ra thư-phòng để đọc thiên « Thái-Thượng cảm-ứng ». Vì hai cổ bao giờ cũng đi « giắc » rất sớm, nên bàn « ma-tước » chỉ toàn thanh-niên ngồi xoa thôi. Tiếng lách-cách, tiếng chỉ-chất nổi dậy, vang cả trung-đường.

Thế là cả nhà đã quên hẳn việc đi tị-nạn. Đi hay ở ? Chạy hay không chạy ? Chẳng một ai nghĩ tới nữa !

Tình-hình lại càng thêm nguy-ngập !

Người đi lánh nạn, càng ngày càng đông mãi lên. Học-hiệu của chú Tư cũng bỗng-dưng cho học-trò nghỉ.

Đến lúc này, Cụ ông đã nhất-định « chạy » ; bà Hai lại càng đặc-sách, giữ vững cái luận-điều mà bấy nay bà vẫn chủ-trương ; còn Cụ bà thì vẫn phân-vân ở chỗ nước đôi, nửa muốn ở lại, nửa muốn chạy.

Tuy về việc đi lánh-nạn, Lâm tiên-sinh đã quyết-định hẳn đây, nhưng ý-kiến của ông có diềm không giống cả nhà.

Có lần, ông giảng cho cả nhà nghe : « Tôi thiết-xưởng, cả nhà nên đi tới Ô-Tiêm và đình lại đó, để đợi tôi, tôi đi xuống Thượng-Hải xem tình-hình ra sao cái đã ; nếu được như-ý tôi mới sẽ báo cho cả nhà biết, rồi cả nhà mới hãy kéo xuống... ».

Bà Hai lặng yên, không nói gì hết, vì bà cho rằng bề nào bà cũng sẽ cùng đi với ông Hai, đi Thượng-Hải trước, mà hai tiếng « cả nhà » của ông, không có bà ở trong đó.

Cụ ông hỏi : « Tình hình như-ý nghĩa là thế nào ».

Ông đáp : « Dạ, thưa tình-hình được như-ý, nghĩa là xem ở đây, có công-việc gì để làm ăn, buôn-bán chẳng hạn, hoặc giả, con xem xem, con có thể tìm được một công-việc làm chẳng... Mới lại, nếu kéo tất cả đi cùng một lúc, với mười một mười hai con người, mà tìm được một căn nhà để ở ngay, không phải một việc dễ-dàng gì, với ngần ấy con người việc ở việc ăn, là cả một vấn-đề ».

Cụ bà muốn dò xem, liệu người con dâu thứ hai của Cụ, tức là bà Hai có sẽ đi Thượng-Hải trước hay không, nên cụ nói với ông Hai : « Ừ thì cậu đi trước

một mình nhưng còn mười một con người ở lại Ô-Tiêm, thì làm thế nào ? Chúng ta hai ông bà già nua lụ-khụ ; hai thằng chú Ba, chú Tư nó, thì còn trẻ người non dạ cả, đã hiểu-thấu được cái quái gì đời với việc đời. Chỉ cả con, với vợ con, đều là đàn bà con gái, lại điu-đu năm đứa trẻ thơ thì liệu rồi xoay-xở ra làm sao mới được kia chứ ? ».

— Không, thưa mẹ, con sẽ đưa cả nhà tới Ô-Tiêm, con thuê phòng-ốc hẳn-hoai, cho yên sở cả, rồi con mới xuống Thượng-Hải, kia mà ».

Cụ ông nói : « Ấy, chính một mình con đi như thế, nhớ xây ra thư từ không đi lại được, hay nói đại đồ đi, nhớ con yếu-dầu, thì làm thế nào, nhất-định cả nhà không yên-tâm đâu, con à ».

Bà Hai vội nói : « Thế thì, để em đi với anh, để em vừa trông nom cho anh, vừa giúp-dỡ anh một tay... Và lại, em có nhiều bạn-hữu ở Thượng-Hải ngộ có đi tìm nhà cửa có em, em hộ với cũng vẫn hơn chứ... ». Bây giờ, sở dĩ bà Hai phải lên tiếng là vì bà thấy hình như bà bị liệt vào cái số mười một con người ở lại, nên bà đâm hoảng.

Cậu Ba nói : « Thưa chị, chị đi với anh Hai là tốt lắm rồi, không còn phải nói gì nữa, nhưng thưa chị, còn ba cháu bé thì làm thế nào, mang chúng nó đi thì điu-đu, bận-rộn quá, mà để chúng nó lại cũng không tiện một tí nào cả ».

Cụ ông, ý muốn cùng đi với ông Hai lắm, nhưng, cụ nói trớ đi rằng :

« Hay con cho em Ba nó đi với... »

Nhưng Cụ bà không tán-thành, Cụ nói : « Nếu lại để cho cả nhà Ba nó đi nữa, thì còn lấy ai là người đàn ông trẻ-trung chiểu-liệu ở nhà kia chứ ? »

Cậu Ba có nhà ý muốn chiều lòng cha,

cậu nói : « Thôi, thế thì đề xin Ba đi với anh Hai, là hơn cả ».

Câu chuyện lại kéo dài mãi tới khuya mà cũng không giải-quyết được ổn-thỏa.

Đến khuya.

Bà Hai nằm đợi ông Hai ở trong phòng; bà mở cửa cho ông, bà đóng cửa lại cẩn-thận, rồi trách ngay :

— Cậu bây giờ giờ lắm, càng ngày càng độc-ác thái-thậm !

Càng ngày, càng độc-ác thái-thậm, bà Hai thốt ra lời trách-mắc đó với đủ bằng-chứng hẳn-hoài.

Cái ngày mà ông Hai, Lâm tiên-sinh còn là một sinh-viên ở một trường đại-học nào đó, ở Thượng-Hải, ông đã đem lòng yêu-ái bà Hai, lúc ấy bà còn là Đào tiểu-thư.

Đầu cái lần đó, Lâm tiên-sinh và Đào tiểu-thư đi du-ng ngoạn Hàng-châu, và Lâm tiên-sinh muốn cho nhà xem mặt Đào tiểu-thư, nên Lâm tiên-sinh mới cố nài mời cho được Đào tiểu-thư về chơi nhà một lần. Cái nền-rếp của một đại-gia-dinh hoàn-toàn thủ-cụ đó, đã làm cho vị tiểu-thư hoàn-toàn tân-thời này, hoảng sợ một cách không thể tả được ; nhưng khôn một nỗi trái tim của tiểu-thư họ Đào lại có tính-cách hoàn-toàn độc-lập, nó cứ ngang nhiên hòa-nhập, đập theo trái tim của Lâm tiên-sinh. Đào tiểu-thư đã đi theo tiếng gọi của lòng mà tha-thiết yêu Lâm tiên-sinh ; nhưng tiểu-thư có ra một điều-kiện là, hễ thành gia-thất, nhứt-dịnh phải tổ-chức tiểu gia-dinh ; nói nôm, là nhứt-dịnh phải « ở riêng ». Cố-nhiên là Lâm tiên-sinh đã thật-tâm cam-kết ; và sau khi tốt-nghiệp, Lâm tiên-sinh đã kết-hôn với Đào tiểu-thư ; và sau khi kết-hôn, hai cậu vợ đã lập tiểu-gia-dinh, ở ngay Thượng-Hải. Còn cái gì dăm-ấm, vui thú bằng cái cảnh hai vợ chồng son, sống với

nhau ở trong một cái tổ uyên-ương, xa lánh hẳn đại-gia-dinh cò-hủ, eo-óc, bề-bộn, rầy-rà, khó chiều, khó xử ; mà ở trong đó, phải trên kính, dưới nhường ; lời ăn tiếng nói, lúc nào cũng phải giữ gìn từng li, từng tí ; sự cư-xử phải thận-trọng để cho êm-thắm cả mọi bề. Nhưng đối với cái số lương « còm » của một giáo-viên trung-học, sự sinh-hoạt của một tiểu gia-dinh chỉ là một lý-tưởng, nếu không phải là một ảo-tưởng. Mỗi tháng sự ăn-tiêu dầm ra thiếu dẫu hột đuôi, không thể nào « nổi liền » nổi hai đầu mối. Lại còn cái nông-nổi nuôi người ở, cũng vô cùng khó-khăn, chật-vật. Vì xấu cung « nũ-bộc », cho nên gặp toàn những dân di « nếm cơm ». Lúc mới đến, chẳng biết một cái gì, người thì ốm-o, gầy guộc, đến lúc biết làm biết ăn, tron lông, đỏ da, là y như thò đầu, ăn-cấp đấy, rồi dỗi già, dỗi giàm, dỗi chất, cái lại ; hoặc kiếm chuyện bỏ đi. Lại tìm một người khác, đề rồi phí mất bao nhiêu tâm-cơ dạy bảo, đề rồi no cơm, họ lại xéo !

Thế rồi bà Hai to bụng ; bà sinh hạ được một cô tiểu-thư đầu lòng. Tiền tiêu thiếu hụt, người làm mè-nheo, dưới nách con mọn, lại vấp ngay vào việc không may. Lâm tiên-sinh lâm bệnh.

Thế là một tiểu-thư tân-thời, muốn đem tình-ái tổ-chức một tiểu-gia-dinh, nhưng chung-quy đã bị hoàn-toàn thất-bại.

Lâm tiên-sinh, cũng nhân sự thất-bại đó mà đem cả vợ con về Hàng-châu với cái đại-gia-dinh cò-hủ vậy. Ông đành bỏ nghề gõ đầu trẻ. May thay, ông lại xin được một chân ở một nhà ngân-hàng, ở ngay tỉnh nhà. Từ đấy, bà Hai không kiên-trì bắt ông Hai lập lại tiểu-gia-dinh nữa.

Từ khi về ở với đại-gia-dinh, bà Hai

cũng không kêu-ca, than-phiên gì cho lắm. Lúc đầu chưa quen cũng có nhiều điều bất mãn, nhưng người, vốn là một con vật của thói-quen, nên ở bầu thì tròn đến khi vào ống, bà cũng đã biết « dài » theo. Với lại một cái tang xảy đến, ông cả, chẳng may khừ thể, ông Hai được thăng lên địa-vị

trưởng nam thay ông cả. Lương-bổng của ông cũng được tăng-gia. Nay, hai ông bà điều-kiện cả nền kinh-tế của toàn-gia, nên ông bà cũng được cả nhà vì nề.

Bốn năm đã qua,

(Còn nữa)

VI-HUYỀN-ĐẮC dịch

■ Được lòng dân thì không lo sợ gì.

Vua nước Tấn một hôm đi chơi thuyền, có bá quan theo hầu rất đông.

Vua hỏi các quan :

— Loan-Doanh phạm tội, ta đã ra lệnh giam-cầm một nơi, song con là Loan-Phường đã chạy trốn thoát. Trong các quan có ai biết Loan-Phường hiện nay ở đâu không ?

Mọi người im lặng, không ai nói gì.

Có người lái thuyền tên Thanh-Quyên đang chèo, nghe hỏi buông tay chèo, thưa :

— Chẳng hay nhà vua hỏi Loan-Phường có việc chi ?

Vua Tấn đáp :

— Từ khi ta hạ được Loan-Doanh đến nay, họ Loan người già chưa chết hết, người trẻ đã lớn lên. Ta e họ phục-thù cho nên ta hỏi.

Người lái đò đáp :

— Nếu nhà vua biết khéo sửa-sang chính-sách nước Tấn, trong được lòng bá quan, ngoài được lòng dân-chúng thì dù con cháu họ Loan có còn sống sót và có chí phục thù, cũng là vô ích. Còn nếu nhà vua không sửa-sang chính-sách, trong mất lòng bá quan, ngoài mất lòng dân-chúng thì ngay tất cả người ngồi trong thuyền này đều có thể là người bà con thân thuộc với họ Loan cả.

Vua Tấn bảo :

— Người nói phải lắm.

THI.TÙ

« BÁCH-KHOA ĐỌC THAY CÁC BẠN »

Bắt đầu từ số này BÁCH-KHOA mở thêm mục « Đọc thay các bạn » để hiển lộ-giả những đoạn văn, giải-thoạt đăng trong sách báo cò kìm.

Có nhiều đoạn văn của những bậc văn-hào từ bao nhiêu thế kỷ trước đến nay vẫn còn giá-trị, với thời-sự hầy còn gây được tác-dụng sâu-rộng.

Có những học-thuyết mà chúng ta thường hay lãng quên đến nay vẫn còn khả-năng dung-nạp những ý-niệm mới về nhân-phẩm, về tự-do, về quyền sống.

Lượm-lặt, sưu-tầm các đoạn văn, giải thoạt cò kìm đó là mục-đích của trang « Đọc thay các bạn ».

Truyện Ông Nguyễn-Hoãn, Bồi-tụng Quốc-sư đời nhà Lê và nàng Đặng-thị-Huệ, ái-phi của Chúa Tĩnh-Đô

Nguyễn-Trị-Luật tiên-sinh có thuật lại tích truyện ông Nguyễn-Hoãn làm Bồi-tụng Quốc-sư đời vua Lê chúa Trịnh rất lý-thú dưới đây.

Không biết là truyện dã-sử hay là truyện bịa theo trí tưởng-tượng của tác-giả, chúng tôi thấy là lý-thú nên cứ nguyên-văn trích thuật.

DẶNG-THỊ-HUỆ từ khi được Chúa sủng-ái, ngày đêm chỉ mong mình có thai. Thôi thì chùa nào nàng cũng đi lễ, bọn sư thầy chùa ra vào vương-phủ như chợ.

Quan Bồi-tụng Quốc-sư là Nguyễn-Hoãn cố hết sức tìm thầy chạy thuốc cho nàng chóng có thai. Nguyễn-Hoãn tuy là người khoa-bảng xuất-thân, văn hay chữ tốt, nhưng tính-nết tròn-trặn quá. Ông chỉ đáng chê ở cái chỗ tính tròn-trặn quá ấy mà thôi. Vì tròn-trặn nên ông chỉ cầu « duyệt lòng người », mặc lòng cái cách « duyệt lòng người » nhiều khi có thương-tồn đến cái phẩm-giá nhà nho của ông. Cái tính thích « duyệt lòng

người • khiến ông thờ Nhà Trịnh, rồi lại ra đồn Chúa Tây-Sơn, rồi lại theo Nguyễn-hữu-Chính, rồi lại theo Võ-văn-Nhậm, rồi kết-cục theo nhà Tây-Sơn. Ông thọ hơn tám mươi tuổi, theo đủ hạng người, qua bao nhiêu biến-cổ mà không hề gì. Nhiều khi cần nghỉ để giữ sạch tâm-thuật, ông không nghỉ. Nhiều khi cần đại để giữ thanh-giá cho địa-vị ông, ông vẫn cứ khôn. Nhiều khi cần tìm chỗ nguy để không phụ những người đã yêu trọng, ông vẫn tìm chỗ an. Thế mà ông vẫn tự dối mình mà tự phụ rằng theo đúng thánh-học ở chỗ • nguy-bang bất-nhập, loạn-bang bất cư • (nước nguy không tới, nước loạn không ở) và ở chỗ : • bang vô đạo, miễn ư hình phạt • (lúc nước nhà vô đạo thì phải thoát việc bị giết, bị tội). Nhưng ông chỉ dối được ông chứ không dối nổi người đồng-thời với ông. Người ta tặng ông cái huy-hiệu nó chỉ rõ-rệt cái hành-trạng sớm Sở tối Tần quý-hóa của ông : Trường-lạc-lão.

Trường-lạc-Lão là • Ông già vui dài đến chết •.

Người ta lo-lắng, sầu-khờ, bi-thương, riêng ông vẫn vui. Nước nhà biến-cổ, loạn-ly, ông vẫn an-tĩnh vui vầy. Thiên-hạ cho ông cái hiệu Trường-lạc-Lão là muốn vạch vào mặt ông một vết vô-sĩ như anh chàng Phùng-Đạo hồi Ngũ-đại, thờ bốn họ, mười ba vua. Bốn lần đổi chủ, làm tôi-mọi đến mười ba ông vua, chàng họ Phùng còn tưởng mình là hay, tự ban cho mình cái hiệu Trường-Lạc.

Khi chúa Tĩnh-Đô làm thế-tử, chúa Minh-Đô cho ông làm A-bảo. Kịp khi chúa Tĩnh-Đô lên ngôi chúa, ông được phong làm Quốc-sư. Trung-thành với chúa Tĩnh-Đô, đó là nhậm-vụ của ông, không ai dám hé răng nói gì. Nhưng trung-thành đến nịnh-bót cả các ái-phi của chúa, ông thật đã ra ngoài cái địa-vị sư-phó đại-thần. Kề tuổi, ông có thể đề ra chúa ; kề địa-vị, ông làm Quốc-sư thì cứ ngồi yên ở địa-vị cùng niên-xì ấy, chúa cũng chẳng dám bạc-dối nào. Nhưng muốn • duyệt lòng • hết sức, ông đi lẫn cả vào địa-vị bọn nội-thần là lũ hoạn-quan.

Ở Bội-lan-thất — chỗ ở riêng của nàng Đặng-thị-Huê, — người ta thường thấy ông mang bộ râu bạc luồn-cúi vào ra.

— Thế nào, tiên-sinh ? Tôi uống thuốc của Hải-thượng Lân-ông cũng chưa thấy gì cả !

Cúi đầu, Quốc-sư nói :

— Thần có một người bạn, thuốc cũng khá, ông ta lại chuyên khoa phụ-nữ. Lệnh bà cho phép, tôi xin gọi vào hầu mạch.

— Ai thế, sao tiên-sinh không nói trước.

— Gởi là một viên Huấn-dạo hiện làm ở huyện Nam-Trần. Ông ta có một phương thuốc, gọi là Tuy-tiên-cao, uống vào thì hoài-thai ngay.

— Ừ thế mai ta cho triệu về xem sao. Thôi ! tiên-sinh về nghỉ.

Rập đầu, ông lui gót. Ra cửa, bọn đồng-liêu trông thấy nói bốn :

— Quốc-sư thật trung-trình với chúa-thượng. Dạy dỗ cho biết chữ, lại chăm-mom cả đến việc kín trong phòng-khuê !

Ông cười xòa rồi lên kiệu. Kiệu đi khỏi, họ tìm-tìm bảo nhau :

— Ngũ-kinh tào-dịa rồi (1)

Thế rồi nửa tháng sau, bạn Quốc-sư là Lê-bá-Thực cũng được vào Bội-lan-thất làm cái trò « tào-dịa » ấy. Rồi, một hai tháng sau, vương-phi Đặng-thị-Huệ hoài-thai, Lê-bá-Thực được thăng Tiến-triều, Quốc-sư được thưởng ba chục nén bạc. Người khách Chu-ngĩa-Long, buôn thuốc bắc ngoài phố, chỉ vì cắt thuốc dưỡng-thai, cũng được phong hầu.

(Trích trong « Bà Chúa Chè » của NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT)



TỜ CHIẾU ĐẦU TIÊN VIẾT BẰNG QUỐC-VĂN (?)

TỪ khi Nguyễn-Nhạc lên ngôi hoàng-đế ở Qui-Nhon, đặt niên-hiệu là Thái-Đức (1778) thì Hán-văn đối với các nhà cầm-quyền có thể bị coi là những món xa lạ, không sát thực-tế. Điều đó không lạ, vì trong buổi loạn-lạc, những người có thủ-đoan thường bỏ bút-nghiên tập cung-kiếm, không mấy khi giữ lễ-lối, do khoa-cử mà xuất-thân. Từ anh em Tây-sơn cho đến các tướng bên vua Thái-Đức bây giờ hầu hết là những tay quân-nhân thượng-vô. Vậy nên quốc-văn bấy giờ vì nhu-cầu của thời-đại, vì sở-năng của cá-nhân, đã được đóng một vai-trò lịch-sử khá quan-trọng. Chúng có lẽ bắt đầu từ đây, các chiếu của nhà vua đã bắt đầu viết bằng chữ nôm, một việc có lẽ mới xuất-hiện lần đầu-tiên ở Việt-Nam vậy.

Chúng tôi trích nguyên-văn ở dưới đây tờ chiếu do Bình-vương Nguyễn-Huệ gửi cho La-Sơn phu-tử Nguyễn-Thiệp đề năm Thái-Đức thứ XI (1788). Đó có lẽ là một trong những chiếu đầu tiên viết bằng chữ nôm chẳng ?

(1) Đời Đường, người Khâm-Minh học ngũ-linh thông lâm, lâm quan đến Thượng-thơ. Một hôm, vua cùng quần-thần uống rượu, Khâm-Minh muốn hiến-nghị và mua vui, nói rằng biết mùa bộ « bát-phong-vũ ». Rồi y đứng dậy múa. Vì y béo, nên bụng lè quét đất. Thúc-già cười, nói rằng : « Cái bụng chứa Ngũ-Kinh ấy bấy giờ quét đất ».

« Chiếu truyền La-sơn phu-tử Nguyễn-Thiếp khâm tri (1):

« Ngày trước ủy cho phu-tử về Nghệ-an tướng-địa làm đồ cho kịp kỳ này hội-ngự (2). Sao về tới đó chưa thấy dựng việc nhỉ ? (3). Nên hãy giá-hồi Phú-xuân kinh, hưu-lức sĩ-tối (4).

« Vậy chiếu ban hạ, phu-tử tảo-nghi dữ trấn-thủ Thận cộng-sự, kinh-chí, doanh-chí (5), tướng-địa tu đồ tại Phù-thạch hành-cung sao hậu cận sơn. Kỳ chính-địa phòng tại dân-cư chi gian hay là đầu cát-địa khả đồ, duy phu-tử đạo-nhân giám định, tảo tảo tốc-hành (6).

« Ủy cho trấn-thủ Thận tảo lập cung điện, kỳ tam nguyệt nội hoàn-thành, đếu tiện giá ngự (7). Duy phủ-tử vật dĩ nhân hốt thị (8).

« Khâm tại ! Đặc chiếu (9).

« Thái-Đức thập nhất niên (10), lục nguyệt, sơ nhất nhật » (11).

(Trích trong « Quốc-văn đời Tây-sơn » của Sơn-Tùng Huang-thúc-Trâm)



Nhiều ông già bà cả nhà ta đã hiểu thuyết « Trình-hành hợp nhất » của Vương-dương-Minh mà không ngờ

CÁC ông già bà cả nhà ta, nói chung là những người có con cháu đang tuổi đi học, thường dùng hai tiếng thành-ngữ « học-hành », đề nhắc nhở khuyên-bảo :

— Con phải cố chăm chỉ học hành cho thầy mẹ vui lòng nhé !

Hay là nhiech mắng khi thấy con cháu lười biếng lêu lổng :

— Mày không lo học hành rồi mai sau đi ăn trộm ăn cướp à ?

(1) Chiếu truyền cho thầy La-sơn Nguyễn-Thiếp kính-cần biết rằng...

(2) Ngày trước phó thác thầy về Nghệ-an xem đất làm kinh-dô đề cho ta kịp lúc này về ngự...

(3) Sau khi ta về tới đó, chưa thấy thầy làm xong việc ấy nhỉ ?

(4) Vậy nên ta hãy phải trả về kinh Phú-xuân (Hải) đề ngự và cho quân lính nghỉ ngơi.

(5) Vậy nay thầy chiếu này ban xuống, thầy sớ-nên cùng trấn-thủ Thận cộng-sự : lo liệu công việc kinh-doanh.

(6) Nên xem đất mà sửa dựng kinh-dô, cấm chỉ chính-địa phòng vào khoảng dân gian ở, sau phía hành-cung Phù-thạch, gần về mạn núi, hoặc giả chỗ nào là nơi đất tốt có thể đóng-dô được thì tùy ở con mắt đạo-pháp của thầy định liệu, miễn là sớm sớm làm cho chóng xong.

(7) Giao cho trấn-thủ Thận sớm lập cung-diện, hạn nội ba tháng thì hoàn-thành để ta được tiện về ngự.

(8) Thấy chớ nên coi thường việc ấy.

(9) Kính thay, lời chiếu đặc biệt này !

(10) Tác năm Mậu-thân (1788)

(11) Ngày mồng 1, tháng sáu, năm Thái-Đức thứ 11.

Như thế, tức là học hành chỉ chung một việc, cùng là một lúc. Thì ra, các cụ nhà ta xưa nay phải chăng theo đúng lý-thuyết « Tri hành hợp nhất » của Vương-dương-Minh mà không tự biết.

Họ Vương xướng lên thuyết ấy cốt vì những người cầu học khuyến-khích trọng sự thực-hành. Người ta đi học cốt để cầu biết, nếu biết mà không làm, thì không phải là biết, mà học thế cũng chẳng có ích lợi gì. Học tất phải hành : ngay trong cái học đã có cái hành xen lẫn, đi theo, thế mới là cái học thiết thực.

Dương-Minh cho một người đi học có năm điều cốt yếu :

HỌC : Tìm hiểu những điều gì mình muốn biết, cần biết.

VẤN : Hỏi cho rõ lẽ khi gặp một nghĩa-lý khó-khăn ngờ-vực.

TU : Suy xét, ngẫm nghĩ.

BIỆN : Bàn-bạc, biện bác phải trái.

HÀNH : Đem sự học ra làm việc.

Nhưng có nhiều học-giả lúc bấy giờ đã thấm sâu tư-tưởng Chu-tử, chặt rời việc học ra làm hai đoạn « giảng-minh » và « thực-hành », riêng nhau và có thứ tự sau trước. Nghĩa là phải lo bốn việc học, vấn, tư, biện, xong đã, mới nói đến chuyện hành.

Họ Vương bảo đấy là cái tệ lầm tin thuyết cũ, không chữa không được. Kỳ thật, cả năm việc ấy cũng đều là học mà cũng có hành ; xưa nay chẳng có học mà không hành bao giờ.

Ông lấy ví-dụ như đạo hiếu, tất mình phải chăm lo phụng dưỡng cha mẹ, tự mình thực-hành đạo hiếu, có thế mới gọi là học. Há chỉ tai nghe miệng nói chuyện hiếu một cách bông quơ, mà bảo thế là học hiếu được ư ?

Ví-dụ một người học bắn cũng thế. Ngay lúc học tất phải giương cung đặt tên căng cho thẳng tay, ngăm cho trúng đích mà bắn.

Hay là học viết chữ, tất phải đặt giấy mài mực, cầm bút mà viết. Hết thấy việc học trong thiên-hạ không có một thứ học gì chẳng hành mà nói chuyện học cho được. Thế có phải lúc mới bắt đầu sự học, đã gồm có sự hành ở trong rồi không ?

Cổ-nhân khuyên người ta « bác học, đốc hành », nghĩa là rộng việc học, đốc chỉ làm. Bác học tức là học, vấn, tư, biện, trong ấy đã có sự hành, vì người ta muốn rộng sự học cho nên mới phải hỏi-han, suy-nghĩ, biện-bạc nghĩa-lý, tự nhiên trong việc cầu học cho rộng, chẳng phải xem lần cả hành là gì. Đốc hành, tức là làm việc một cách thành thực, dốc lòng, không lúc nào sao-nhãng, thế thì trong sự thành-thực dốc-lòng cũng là có hành rồi vậy.

Phải biết người ta cầu học, không sao khỏi có chỗ nghi-ngờ, cho nên phải có sự hỏi, hỏi tức là học, tức là hành. Lại không sao khỏi có điều nghi-ngờ, cho nên phải suy-nghĩ ; suy nghĩ tức là học, tức là hành. Lại không sao khỏi có điều nghi-ngờ, cho nên cần phải biện-bác tức là học, tức là hành. Học chỉ bất năng vô nghi tắc hữu vấn :

học tức hành dã. Học bất năng vô nghĩ, tắc hữu tư; tư tức học dã; học hành dã. Học bất năng vô nghĩ, tắc hữu biện: biện tức học dã, học hành dã).

Biện-bách đã sáng-suốt, suy-nghĩ đã kỹ-lưỡng, hỏi-han đã chắc-chắn, việc học đã khá rồi, ta vẫn cố công đeo đuổi không ngớt, ấy thế gọi là đốc hành. Chẳng phải chờ sau học, vẫn, tư, biện rồi mới thi-thố ra làm việc vậy.

Bởi thế, lấy chỗ cầu cho nên công được việc mà nói thì gọi là học; lấy chỗ cầu cho cội được mối ngờ mà nói thì gọi là vấn; lấy chỗ cầu cho thông hiểu lý-thuyết mà nói thì gọi là tư, lấy chỗ cầu cho xem xét tình-tướng mà nói thì gọi là biện; lấy chỗ cầu cho bản-thân thi-thố mà nói thì gọi là hành. Tóm lại, chia công ra tất cả là năm, nhưng hợp việc lại thì chỉ có một.

Học-giả một khi hiểu rõ học tất phải hành, hành tức là học, hai việc như một, không thể rời nhau, tự nhiên lúc nào cũng chăm chú vào công-phu bác học đốc hành, không dám có ý tự-mãn tự-túc; sự học của người ta càng ngày càng thêm sáng-suốt tấn-tới là nhờ ở đó.

Tôn-chỉ họ Vương xướng lên cái thuyết « tâm lý nhập một, tri hành cùng tiến », trái hẳn tư-tướng Tống-nho mà người ta tin theo lầm-lạc đã mấy trăm năm, chính là vì học-giả đương thời và hậu-thế mở ra mục-dịch mới mẻ cho sự học; mục-dịch ấy là khinh rẻ hư-văn, chuyên-cầu thực-dụng vậy.

Đem thuyết « tri hành hợp nhất » của Dương-Minh đối-chiếu với tôn-chỉ và cách-thức xếp đặt việc học đời nay, ta thấy có chỗ phù-hợp lạ-lùng.

Thật thế, đời này chú-trọng lối học thực-hành, thí-nghiệm, để thường không một môn học nào không có sự hành đi theo khẳng-khít một bên.

Ta muốn học về môn nông-phổ ư? Tất ta phải thân-hành ra vườn ruộng, cuốc đất trồng cây, cho được thực-nghiệm xem giống cây này sinh-dục ra làm sao, giống cây kia hợp với thủy-thổ nào và phải chăm-nom bón tưới cách nào thì nó mới được tận-lượng sinh-sôi nảy-nở.

Ta muốn học về y-khoa ư? Ngay lúc bắt đầu đã phải vào phòng thí-nghiệm, chấp từng khớp xương, xét từng mạch máu; lại phải đi theo bên cạnh các giáo-sư để thực-hành những việc băng-bó, tiêm thuốc, xem mạch, chữa bệnh. Nghĩa là giữa lúc đang học đã có hành, không phải chỉ nghiền ngẫm sách-vở mà thôi.

Suy ra đến hằng chục hằng trăm khoa-học khác cũng thế, bao giờ cũng thấy hai chữ học-hành đi song-song với nhau. Rất đối những lớp tiểu-học, ấu-học, mỗi khi học bài cách-trí, người ta cũng sẵn có vật-liệu khí-cụ cần-dùng để cho lũ trẻ có thể thực-nghiệm ngay trước mắt. Đời nay một người muốn học máy-móc chẳng hạn, mà tay không cầm nổi cái búa, cái khoan hay là sợ dầu mỡ lem-luốt da thịt quần áo, thì làm sao trở nên một tay thợ máy cho được?

Lấy việc học ngày nay đem so với tư-tưởng họ Vương, ta càng thấy cái thuyết « học tức hành, hành tức học » là đúng. Mà cái thành-ngữ, « học hành » các cụ nhà ta quen dùng khuyên-răn con cháu không phải là vô nghĩa vậy.

(Trích trong « Vương-dương-Minh » của ĐÀO-TRINH-NHẤT)



Một đoạn trong lá thư khuyến-giới của Thi-Sách gửi cho Tô-Định

NĂM Giáp-ngọ (34) là năm Kiến-vô thứ mười đời Hán-Quang-Vô, Tô-Định được cử sang làm thái-thủ quận Giao-chỉ. Tô-Định là người tàn-ác.

Bấy giờ bọn tù-trường đã âm-mưu lật đổ Tô-Định. Muốn cuộc cách-mệnh khỏi đổ máu, tù-trường Châu-Diên tên là Thi-Sách có đưa cho Tô-Định một lá thư khuyến-giới, trong thư có những lời thống-thiết :

• Tất cả ức vạn sinh-linh ở phương Nam đều là con đỏ của triều-đình.

Nay ngài làm chính trị, kẻ nói thẳng gia-muru cho ngài thì bị tội, kẻ luôn cứ theo chiều thì được thưởng. Kẻ hữu thiếp được lòng chính, kẻ nịnh-nọt được nhiều quyền. Miệng nói thương dân, lòng tàn-ác càng ngày càng tệ-hại, răn mớ dân làm giàu, làm kiệt dân lực, để cung cho lòng sở dục. Cây mình giàu có, thanh gươm sắc bén oai hùng, không biết cái thế khuynh, bại nó chóng vánh như giọt sương buổi sớm. Nếu không mau sửa-đổi lại, mớ lượng khoan-hồng, thì cái nguy-cơ đến nơi đó ».

Đứng trước mối nguy cơ đe dọa, Tô-Định xử trí thế nào ? Đã trót cưỡi đầu voi dữ Tô-Định không còn chính-sách nào hơn là chính-sách thẳng tay. « Sát nhất nhân, vạn nhân cụ », Tô-Định đã giết Thi-Sách để thị uy. Bàn tay cứng rắn của Tô-Định không gỡ lại gặp sức cương-cường của dân tộc Lạc-Việt, do Hai Bà Trưng điều-khiển và đưa đến toàn thắng lẫy-lừng.

(Trích trong « Hà-nội » của NGUYỄN-QUẢNG-LỤC)

■ KỂ SĨ cần phải có chí-khi rộng lớn và cương-ngạnh. Là vì gánh thì nặng mà đường thì xa.

Đức nhân là cái trách-nhiệm mình phải gánh lấy, há không nặng sao ? Đã là nhân thì mình phải làm cho đến chết mới thôi, như vậy con đường chẳng phải là xa sao ?

TẮNG-TỬ

«NÓI CÓ SÁCH, MÀCH CÓ CHỦ'NG»

Bạn Trần-Duy Hân — Da-Kao. —

Cách uống trà của người xưa thế nào ?

CÁCH uống trà của người xưa rất là công-phu và phiền-phức, ngày nay khó có ai còn theo được. Trước hết, xin nói về bộ đồ trà. Ấm để đun nước sôi, họ không dùng cái lớn mà chỉ dùng những siêu đồng nhỏ, đủ pha bốn chén trà con con. Ấm ấy thường gọi là ấm đồng cò bay; ở trong lòng ấm có mấy cái mấu sùi sùi, gọi là kim-hỏa, có kim-hỏa thì nước mau sôi lắm. Ấm nào có đủ năm kim-hỏa là ấm quý. Ấm để chuyên nước làm bằng đất nung màu nâu thẫm như gan, gọi là da-chu. Có hạng độc-ấm để uống một mình; có hạng đối-ấm để uống hai, ba người; có hạng quần-ấm để uống bốn người, đến năm người là cùng; hạng lớn nữa, gọi là ngư-ấm (trâu uống), dùng khi nào người thưởng nước có từ sáu người trở lên, (hạng này rất ít khi dùng). Một người tự gọi mình là « trà mô » trà-nô thì ít khi chịu uống cùng ba người trở lên. Rượu uống ba người, trà uống hai người (tứ tam trà nhĩ). Ấm chuyên trà lại phải là ấm thuộc, nghĩa là ấm chuyên

dã lâu mới ngon. Ấm thuộc, từng trong, cao trà bám vào một lần gõ-ghề ram-ráp. Trà trong ấm thoát tiên rót ra một chén to, gọi là chén tổng; rồi mới đem chuyên ọc hén tổng sang những cái chén con, gọi là chén quân. (Đủ bộ bốn chiếc, nhưng lúc độc-ấm hoặc đối-ấm thì chỉ dùng có hai). Bốn chén quân để trên một cái đĩa giã. Chén đĩa làm bằng sứ và có nhiều kiểu khác nhau, tùy theo men sứ và nét vẽ. Có bộ « đối-tọa », vẽ hai người ngồi nhìn dòng nước chảy; có bộ « vị-thủy », vẽ ông Tề-thái-Công câu ở bến Vĩ; có bộ « Tô-Vũ mục dương » vẽ ông Tô-Vũ chăn dê. Đẹp và quý giá hơn hết là bộ « Thiên-tử », men trắng toát, không vẽ gì cả; khi rót nước vào thì màu biến hồng nhạt.

Nước để pha trà không gì thơm lành bằng thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có một ít thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Có người cầu-kỳ mỗi buổi sớm mai, đi thuyền thúng vớt những giọt thủy-ngân ấy ở lá sen mặt đầm. Nước pha còn phân biệt nước sôi già và nước sôi sủi, gọi là « ngư-nhân, giải-nhân »; cứ nhìn tăm nước lớn bằng cái

mắt của thì là nước sôi vừa và khi tắm nước lớn bằng mắt cá thì là nước sôi già.

Về cách pha nước trà thì thật cò-nhân ít đếm cẩu-thả trong cái thú chơi thanh-dạm. Pha lấy nước uống, đó là một cái thú riêng của người sành uống nước trà, của người thường vẫn tự gọi mình là « trà-nô ». Những người ấy, dù làm to đến đâu, dù có bao nhiêu kẻ hầu người hạ, cũng không khiến ai pha trà và chuyên trà cho mình uống cả.

Về cách thưởng trà thì cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà thường chỉ có đến bốn chén quân, ta đủ biết cái thú uống trà không thể ồn-ào được. Lối giao-du của cò-nhân dạm-bạc chứ không huyền-náo như bây giờ. Chỉ có người tao-nhả cùng một thanh-khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Bơi uống trà công-phu như thế nên uống trà đã trở nên một lễ-nghi đối với người phương Đông ngày trước. Bây giờ ta có thể thấy lễ-nghi ấy, nếu quả có thì-vị, thì cũng có nhiều phiền-phức và lỗi-thôi, làm mất thì giờ. Cái đó tùy theo quan-niệm của từng người, chứ kể mất thì giờ thì bây giờ cũng có nhiều thú chơi làm mất thì giờ mà kém hẳn phần thì-vị.

(Theo tài-liệu của NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT
và NGUYỄN-TUÂN)

★

Bạn Nguyễn-Phước-Thịnh — Gò-Công. — Đài phát-thanh thường truyền giờ, gọi là giờ G. M. T. — Vậy giờ G. M. T. là giờ gì?

TRONG lúc một đài phát-thanh lớn, (như đài San-Francisco chẳng hạn) phát-thanh thì những thính-giả, ở khắp trên mặt đất, người thì nghe lúc dùng cơm

trưa, người thì nghe trước lúc đi ngủ, người thì nghe lúc mới dậy... Những thính-giả có những giờ pháp-dịnh khác nhau. Muốn cho tiện, đài phát-thanh cùng thính-giả phải hẹn nhau cùng theo một giờ chung. Giờ thường là giờ quân-bình thông-thường (temps civil moyen) của kinh tuyến gốc Greenwich (G. M. T. = Greenwich Mean Time). Năm 1928, Liên-hiệp thiên-văn quốc-tế định đặt tên giờ ấy là giờ vạn-quốc T. U. (Temps Universel), vì trước kia giờ quân-bình thiên-văn (temps moyen astronomique) Greenwich đã gọi là giờ G. M. T.

Giờ vạn-quốc là cần-thiết, không những về việc dùng vô-tuyến-diện mà thôi. Về khoa-học nhiều hiện-tượng thiên-văn hay khí-tượng có thể đồng-thời được chiêm-nghiệm bất cứ ở chỗ nào, vậy cũng cần phải ghi bằng một giờ chung. Bây giờ, về thiên-văn, giờ vạn-quốc cũng được dùng làm giờ chính.

Nhắc lại rằng giờ vạn-quốc T. U. (thường vẫn còn gọi là G. M. T.) bằng giờ pháp-dịnh ở Việt-Nam trừ 7 giờ.

Như chúng ta đã thấy trên này, chỉ thiên-văn-dài mới có khí-cụ chính để đo và tính giờ đúng. Radio cho chúng ta biết giờ ấy:

đài phát-thanh Tour Eiffel (Pháp)

lúc 9gi26 và 22gi26 ph. G. M. T.

đài phát-thanh Nauen (Đức)

lúc 0gi00 và 12gi00 G. M. T.

đài phát-thanh Funabashi (Nhật)

lúc 12gi00 G. M. T.

(Theo sách « Thiên-oăn »

của NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÓN)

★

Cô Trần-Thị Thanh-Vân — Mỹ-Tho. — Điều-kiện gia-nhập Liên-hiệp-quốc thế nào?

KHOẢN IV bản Hiến-chương ấn-dịnh các thể-lệ cho một nước gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc.

Khoản IV : « Một nước hòa-bình, nếu thừa-nhận các nghĩa-vụ đã được ấn-dịnh ở Hiến-chương và Liên-Hiệp-Quốc xét ra có đủ năng-lực và thiện-ý để làm tròn các nghĩa-vụ ấy, có thể xin gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc ».

Nước nào có đủ các điều-kiện nói trên sẽ được gia-nhập do Đại-hội-Đồng quyết-nghị, theo đề-nghị tán-thành của Hội-dồng Bảo-an. Nghĩa là khi một quốc-gia đệ đơn xin gia-nhập Liên-hiệp-Quốc, đơn đó phải đưa ra Hội-dồng Bảo-an xét trước.

(Nên nhớ là Hội-dồng Bảo-an có năm hội-viên vĩnh-viễn là : Mỹ, Nga, Anh, Pháp và Trung-Hoa, có quyền phủ-quyết về hết mọi vấn-đề (trừ vấn-đề thủ-tục). Về một vấn-đề nào mà trong năm cường-quốc có một nước bỏ phiếu không thuận, Hội-dồng không quyết-phán được, như năm trước đây Nga đã thi-hành quyền biểu-quyết không chấp-thuận đơn xin gia-nhập của Việt-Nam).

Hội-dồng Bảo-an xét rồi bỏ phiếu : Hội-dồng hoặc bác bỏ, hoặc tán-thành đơn xin gia-nhập. Có đề-nghị tán-thành của Hội-dồng Bảo-an, việc mới được đưa ra trước Đại-hội-Đồng. Đại-hội-Đồng thảo-luận, bỏ phiếu bác bỏ hoặc ưng-chuẩn đơn xin gia-nhập.

(Theo sách « Tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc » của BUI-TƯỜNG-CHIỀU)



Bạn Tường-Vi — Saigon.—

Người ta thường nói mỗi người có một thể-chất. Vậy theo y-học, thể-chất là gì ? Thế nào gọi là thể-chất tốt, thế nào là thể-chất xấu ?

THỀ-CHẤT là kết quả hỗn-hợp chung cả năng-lực của các thứ nước, các số thịt trong thân-thể con người, về phương-diện vật-lý-học và hóa-học. Mỗi người đều có thể-chất riêng của mình do cha mẹ di-truyền sang qua, hoặc tự mình tạo lấy, nhờ thể-dục vệ-sanh, bồi-dưỡng sức khoẻ, lối sinh-hoạt của mình. Với tánh-cách vĩnh-viễn hay tạm thời, nó giúp các cơ-quan được mạnh-mẽ thêm lên, để kháng-cự với vi-trùng, hoặc trái lại, nó làm cơ-quan yếu đuối, để làm mồi cho bệnh lao và các thứ bệnh khác. Bạn thấy thể-chất tốt hay xấu có ảnh-hưởng khác nhau như thế. Đó là nguyên-nhân đề cắt-nghĩa tại sao, trong một gia-dình, cùng chung chịu một trường hợp bị lây, đứa trẻ này bị bệnh lao nhẹ, lành mạnh được ; còn đứa khác, trái lại, bệnh nặng hơn và phải chết.

Thể-chất thay đổi tùy theo dân-tộc. Người da đen không có thể-chất chống chọi mãnh-liệt với bệnh lao bằng người da trắng. Người da vàng không hơn người da đen, trong ấy kể luôn người Việt-Nam mình nữa. Trái lại, nhờ có thể-chất cự-khỏi đối với vi-trùng lao, người Da-Thái được nhìn nhận là dân-tộc khoẻ mạnh nhất, ít bị bệnh lao khủng-bổ.

Những người bị tim-la, những người thiếu sanh-tổ, thứ nhất sanh-tổ C, những người thiếu chất vôi, đau gàu, đau ban đỏ, ho gà, cảm, bị bướu ở cổ, những người uống rượu nhiều đều có thể-chất xấu, để làm mồi cho vi-trùng lao.

(Theo sách « Bệnh Lao Phổi » của Bác-sĩ PHẠM-KIM-TUÔNG)



Bạn Huỳnh văn-Ba — Saigon.—

Nên mỹ-thuật Ai-cập cổ thế nào ? Nên mỹ-thuật ấy có gì đặc-sắc ?

THỜI tiền-sử, cũng như thượng-cổ, có rất nhiều dân-tộc văn-minh. Ở Âu-châu có Ý, Tây-ba-Nha, Pháp, Đức. Ở Á-châu có Tàu, Cao-miên, Ấn-độ. Và ở vùng Trung-dòng thì có Ai-cập...

Hiện thời, còn rất nhiều tác-phẩm mỹ-thuật xuất-sắc của Ai-cập trữ ở viện bảo-tàng Louvre. Những tác-phẩm này có tính-cách bảo-tồn sự sống của con người và chống lại sự chết do tạo-hóa đã đặt ra. Đồng-thời, nó cũng là một kim chỉ-nam giúp linh-hồn kẻ qua đời tìm lên Thiên-đàng tươi sáng. Những bức tranh của người Ai-cập cổ vẽ bằng một màu sắc tươi đẹp, dịu-dàng. Đề-tài đều hướng về một điểm duy-nhất : ca-tụng cuộc sống đẹp đẽ, thần-tiên.

Theo sử-liệu, người thượng-cổ ăn lông ở lỗ. Nhưng có rất nhiều bằng cớ xác-đáng chứng tỏ rằng dân-tộc Ai-cập cổ thời đó đã rất văn-minh. Họ đã biết tạo nên những cái thum đề ở ? Lý-do khiến họ phải làm nhà đề ở trên cao là vì hằng năm cứ đến mùa nước lũ) con sông Nil làm tràn ngập cả một vùng rộng lớn. Những trận lụt hãi-hùng !

Tuy vậy, dân Ai-cập cổ cũng không tha-thiệt với cuộc sống hằng ngày. Họ sống đề mà sống. Họ không đặt trọng-tâm vào sự vinh-hoa phú-quí, không thích trang-diềm làm đẹp nơi ăn, chốn ở của mình. Họ coi cuộc sống tại thế-gian chỉ là một quán trọ dừng chân trong chốc lát. Người Ai-cập cổ cũng gặp chúng ta ở quan-niệm : « sinh ký tử qui », sống gửi thác về ; khi chết, lòng đất mới là nơi sống vĩnh-viễn của con người. Nơi đó mới thật là quê-hương vĩnh-cửu của con người !

Vì thế, nên tuy hãy còn mạnh-khỏe,

còn đang vật lộn với đời, người dân Ai-cập cổ đã lo xa, sửa-soạn cho mình một chốn ở nghìn thu. Hằng ngày, ngoài công việc mưu-sinh, họ còn dành ra một ít thì giờ đề trang-diềm, đề kiến-tạo cho mình một chỗ ở cuối cùng, vĩnh-viễn rất là đẹp. Từ những bậc vua chúa, thượng-lưu cho đến kẻ cùng đinh khổ rách, ai nấy đều lo xây đắp cho mình những cái nhà mồ đẹp-đẽ, những quan-tài (sacrophage) chắc-chắn, lâu-bền.

Quan-tài của người Ai-cập cổ là một kiến-trúc đặc-biệt tương-tợ như hình-thể người ta hoặc bằng đá, hoặc bằng một thứ gỗ quý.

Hơn nữa, ngoài cái quan-niệm « sinh ký, tử qui », người Ai-cập cổ còn tin-tưởng mãnh-liệt rằng con người sau khi chết độ nghìn năm lại sẽ luân-hồi, sống lại cuộc sống hằng ngày. Đời người cứ thế xoay tròn như một cái bánh xe.

Vì thế, họ có cái tục ướp xác (embaum-er le corps), giữ cho xác chết khỏi xinh thúi, hư-hao và còn nguyên-vẹn như thân-thể một người sống vậy.

Công việc ướp xác này là cả một nghệ-thuật, mà đến bây giờ tuy rằng nhân-loại văn-minh tột-bực vẫn chưa thực-hành được. Nguyên-do chỉ vì thiếu nguyên-liệu.

Thời ấy, ở Ai-cập sau khi có một kẻ xấu số qua đời, thân-nhân của kẻ ấy bèn đem xác chết đi tắm rửa sạch-sẽ bằng một thứ rượu sát-trùng. Sau khi đã tắm rượu sát-trùng vào xác chết họ bèn lấy một thứ lụa tốt quấn chặt xác chết lại như ta gói bánh tét, bánh chưng vậy. Công việc này cũng giúp một phần vào việc giữ xác chết khỏi thối vì như ta biết bánh chưng càng gói kỹ bao nhiêu thì càng lâu thiu bấy nhiêu.

Sau khi đã quấn xác chết kỹ càng rồi,

người ta bèn đặt xác ấy vào một quan-tài bằng gỗ Pemou là một loại gỗ rất quý, không bao giờ thối mục, chắc hơn đá, mà chỉ ở những khu rừng cô-sơ (forêt primitive) mới có. Hoặc nếu không có gỗ Pemou thì người Ai-cập cõ đề một quan-tài bằng đá và xung-quanh xác chết họ lót một lượt vỏ cây papyrus để bảo-vệ xác chết khỏi thối. Tục này hiện thời còn nhiều dân-tộc bất-chước. Như Việt-Nam mình chẳng hạn. Trong mỗi quan-tài đều có lót xác bằng một lượt bao giấy bản để thay cho vỏ cây papyrus hiếm có kia. Quan-tài ấy đặt trong một căn-phòng nhỏ hẹp, kín-dầu. Nơi đây người ta đốt thật nhiều trầm và nến để cho hết dưỡng-khí. Khi đốt hết dưỡng-khí trong phòng và quan-tài xác chết, tức là người ta đã giết được một loại vi-trùng nguy-hiêm sống nhờ dưỡng-khí (Microbe aérobie) làm thối cơ-thể xác chết.

Sau đó, họ gán kỹ nắp quan-tài lại và đặt trong nhà. Bấy giờ, chỉ còn có một loại vi-trùng không đáng sợ nữa là loại vi-trùng sống khỏi cần dưỡng-khí (microbe anaérobie). Loại vi-trùng chỉ quẩn lên xác chết một lượt tơ hồng vàng óng-ánh mà thôi.

Lối kiến-trúc nhà mồ của dân-chúng hoàng-đế Pharaon là cả một công-trình mỹ-thuật kiệt-tác. Mỗi tấm vách là một bức họa tuyệt-mỹ. Phương-pháp sáng-tạo như những câu đối Tết của ta vậy. Hai bên đều cân-đối và tương-tợ như nhau. Trên những bức tranh này, họ có đề lời giải-thích bằng lối chữ tượng-hình (hiéroglyphes). Như cần viết chữ « con chó »

thì họ viết cũng như hình 1 con chó, nhìn vào có thể nhận ra được.

Trong tranh của người Ai-cập cõ còn có những đặc-diểm đáng chú-ý nữa, như : vẽ một cảnh vua đang đứng trước một đám đông dân-chúng. Tuy rằng ông vua ấy cũng chỉ bằng mọi người, song người họa-sĩ Ai-cập vẽ ông vua to hơn những người khác độ ba, bốn lần. Dụng ý để cho những kẻ xem tranh biết trong số ấy chỉ có mỗi 1 người đó mới là người xuất-chúng, mới là người đáng đề ý mà thôi.

Ngoài ra, họa-sĩ Ai-cập cõ cũng không biết áp-dụng luật phối-cảnh. Muốn diễn-tả những người ở xa, họ vẽ đứng chổng lên trên những người gần. Và vẽ nhân-thể họa, họ vẽ rất kỳ lạ : Đầu bán - diện trong khi con mắt thì toàn-diện, thân người toàn-diện, và hai chân quay nghiêng. Tóm lại, họ vẽ người vắn tẻo di như một cái « già chạo-quẩy ».

Còn về màu sắc, người Ai-cập cõ chỉ có 4 màu : Xanh lá cây, đỏ, vàng, xám, (trừ trắng và đen). Và tuy ít màu, song chất rất tươi, đến nay mặc dù đã trải qua biết bao biến-thiên, song vẫn hã còn tươi-đẹp, rực-rỡ như ngày mới sáng-tạo.

Ngày nay, nói đến Ai-Cập, người ta nhớ đến hình-ảnh một giai-nhân tuyệt-thể : nàng Cléopâtre, đến một kỳ-quan thế-giới : kim-tự-tháp Chéops, đến những đền-dài cổ-kính Cuossos của hoàng-đế Pharaon và liên-tưởng đến một nền văn-minh rực-rỡ của nhân-loại vào thời tiền-sử.

Tài-liệu của bực ĐẶNG-NHÂM

■ THÀ chết bây giờ còn hơn kéo dài một đời sống vô-ích.

BỒ-ĐỀ HÀNH-KINH,

Màu

Nhạc

Nhịp-điệu

Sắc, đẹp

Ánh sáng

Tất cả những

đường cong

TRÊN TUYẾT

với

ĐOÀN TRƯỢT TUYẾT QUỐC-TẾ

Holiday on Ice

Biểu - diễn thường - trực mỗi tối từ 20 g. 30,
tại vũ - trường **HOLIDAY STADIUM**
góc đường Hiền-Vương và Trương-minh-Giảng - SAIGON

Vé bán tại:

105, đường Tự-Do, SAIGON - 206, đại-lộ Đồng-Khánh, CHOLON
và tại **HOLIDAY STADIUM** từ 16 giờ.

THUẬN-TIẾN CÔNG-TY

Xuất-Cảng — Nhập-Cảng — Bảo-Hiểm

26-28 Đại-lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-Thoại : 23-575



Đại-lý :

Giấy ảnh, phim ảnh **AGFA**



Bột sữa **OVALTINE, OVALMIX**



Tơ hóa-học **S. L. T.**



Hàng ni **DORMEUIL L^{td}**



Vải đen, vải trắng **SINCOTEX**

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung, sứ nên
Vinh-tê Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

RƯỢU CHÔI² VIỆT-NAM

Chế-tạo bằng cách cất rượu mạnh, với nhiều vị thuốc thảo-mộc, như : Long-não (*Cinnamomum Comphora* Nees et Eberm), Đại-hồi (*Illicium Verum* Hook), Tam-nại (*Kaempferia Galanga* Lin), Quế-chi (*Cinnamomum Loureirii* Nees), Khương-hoạt (*Peucedanum Decursivum* Maxim), v.v... có hiệu-lực tiêu độc (antiseptique), chỉ-thống (sédatif), trấn-kinh (anti-névralgique) và làm tan máu (décongestionnant).

RƯỢU CHÔI VIỆT-NAM không những chuyên-trị các chứng phong-thấp, tê-bại (rhumatismes), đau tọa-cốt thần-kinh (sciatique), đau lưng (lumbago), đau mình mẩy (courbature), sai khớp xương (foulure), trật gân (entorse), MÀ CÒN THIẾT-DỤNG CHO CÁC SẢN-PHỤ TRƯỚC VÀ SAU KHI SINH-NỞ, KHI THẤY TRONG MÌNH MỎI VÀ RÒI-RÃ CHÂN TAY.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ HỘ-SINH LỚN

VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯỜNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG-HỒ

VINA

rập tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp:

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiểu để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯỜNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

Công-ty vô-danh vốn 12.000.000 \$ VN

108, Lê-văn-Duyệt - SAIGON

Điện-tin :

Cable address :

VINAWA - SAIGON



Q.C. PHI-YEN

NĂM CÔNG TRÌNH — NĂM MÀU SẮC

1.— BỘ LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

do **PHẠM-HOÀN-MỸ** và một nhóm giáo-sư biên-soạn, cho học sinh ban Trung-học và các bạn tự-học, viết theo phương-pháp mới nhất, mà tiêu ngữ sau đây nêu cao : *« Tụng 1.000 pho sử, Soạn 1.000 quyển sử, Không bằng làm một ngày lịch-sử. »*

Quyển I (lớp Đệ-thất giá 35\$), quyển II (lớp Đệ-lục sẽ phát-hành) quyển III (lớp Đệ-ngũ) và quyển IV (lớp Đệ-tứ đương in). Soạn với mục-dịch : *« Thành và Kinh dân những NGƯỜI đã chết và đang chết, đã khổ và đang khổ đề nước Việt được TRƯỜNG-TỒN, nòi Việt được VINH-QUANG. »*

Mỗi quyển đều có một bài hát lịch-sử làm phụ-bản.

2.— THỜ-NGÔI ĐỒNG-NAI

(ca-dao địa-phương Nam-Việt)

do **BÌNH-NGUYỄN-LỘC** sưu-tầm và chú-thích. Tinh-hoa dân-tộc phát-tiết sau 300 năm định-cư ở miền Nam.

— Những hạt châu địa-phương xâu vào cho đầy thêm vòng chuỗi dân-ca toàn-quốc.

3.— TÌM HIỂU VĂN-ĐỀ LUẬN-LÝ của **HÀO-NGUYỄN, NGUYỄN-HÓA**

— Một văn-đề cực kỳ thiết-thân với mọi người và thường bị nhãng quên.

— Một văn-đề triết-học trình-bày một cách dễ hiểu và hấp-dẫn.

— Một quyển sách mà mọi người, nhất là học-sinh ban Triết-học nên đọc.

4.— HỘI-HỌA PHỔ-THÔNG

của họa-sĩ **TỪ-QUYÊN**, giáo-sư môn Hội-họa các trường Tân-Thịnh, Tân-Thanh, Phan-Quốc-Quân, Chu-Mạnh-Trinh.

Một cuốn sách mà học-sinh cũng như các phụ-huynh, các giáo-sư cần phải có để thấy : vẽ rất dễ, vẽ rất cần, rất thú, rất ích-lợi.

Phần lý-thuyết gọn và đủ, phần thực-hành rất nhiều, rất linh-dộng, soạn đúng theo chương-trình bộ Giáo-dục.

Phương-pháp tân-tiến và giản-dị.

Quyển II : ban Trung-học.

— I : ban Tiểu-học.

5.— « CHIÊU HỒN »

« Tiếc thay duyên Tán phạn Tán » của **NGUYỄN-DU**

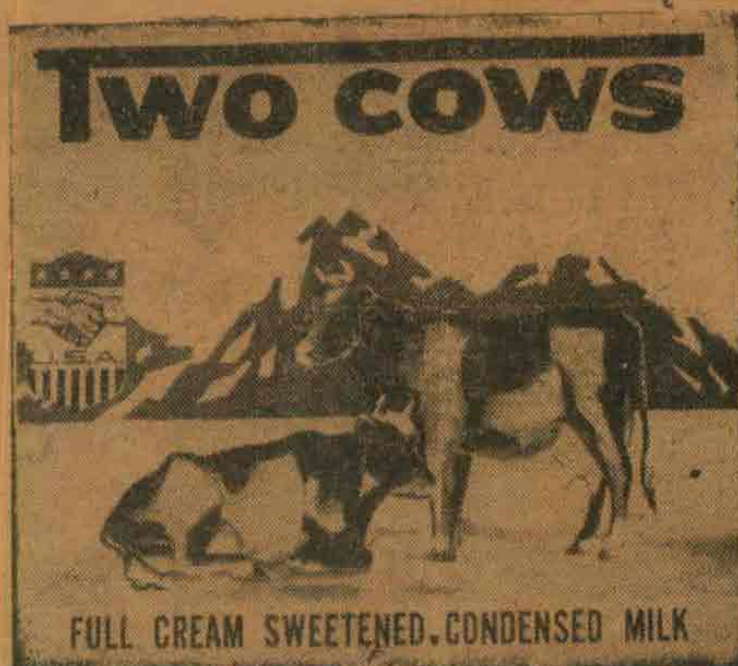
do **BÌNH-NGUYỄN-LỘC** và **NGUYỄN-NGU-Ý** chú-giải, tóm tắt, lược bình, kèm thêm Phụ-lục phong-phú.

— Một công-trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, bác lỗi làm việc cùng các ý-kiến của : Phan-Văn-Hùm, Trần-Thanh-Mại, Hoàng-Xuân-Hân và đưa một đề-nghị mà bộ Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.

Nhà xuất-bản **TÂN-VIỆT**

235, Phan-Thanh-Giản (Legrand de la Liraye cũ) Saigon.

SỮA «HAI CON BÒ»



ĐƯỢC VIỆN PASTEUR SAIGON CHỨNG - NHẬN LÀ
MỘT THỦ SỮA CÓ ĐỦ CHẤT BỔ CHO TRẺ EM DÙNG

Bata

NHÀ MÁY LÀM GIÀY

TO NHẤT TẠI VIỆT - NAM

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export

REPRESENTATION

Téléphone : 21.219

Ad. tél : JASMIN

175—179 Đường Tự-Do — SAIGON

Ets. THÁI-THẠCH

XUẤT-NHẬP-CẢNG

58-70, đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại số : 21.643 — 21.694

Đại-Lý :

Xe hơi : BUICK và PONTIAC

Xe gắn máy : STAMI-CAPRI và MIÈLE

Máy may : ANDARD

Hóa-phẩm của MONSANTO CHEMICAL COMPANY

Nhập-Cảng

Thực-phẩm các thứ.

Dạ-kim phẩm-vật.

Hàng vải

Xuất-Cảng

Cao-su

Sản-phẩm nội-hóa

ROBERT BEAU

JOAILLIER

Agent de PATEK PHILIPPE et LONGINES

153, rue Tự-Do (ex Catinat) — SAIGON

VIỆT-TIẾN CÔNG-THƯƠNG XÃ

(V. I. T. I. C. O.)

XUẤT-NHẬP - CẢNG

S. A. R. L. VN\$ 1.150.000

97, Đại-lộ Hàm-Nghi — 2, đường Nguyễn-văn-Sâm

55, đường De Lattre de Tassigny—SAIGON

Số ghi sổ thương-mại : 107—B—Điện-thoại 23.136—22.201

Địa-chỉ Điện-tín : VITICO SAIGON



ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

- Vỏ ruột « YOKOHAMA » (Nhật-bồn)
- Xe hơi RELIANT REGAL (Anh-Quốc)
- Xe máy dầu FRANCIS BARNETT (Anh-Quốc)
- Sơn SISSONS BROTHERS (Anh-Quốc)
- Bóng đèn OSRAM (Đức-Quốc)

TRANSPORTS AÉRIENS INTERCONTINENTAUX



par **Super DC 6-B**

- ★ Mieux que le luxe LA QUALITÉ
- ★ Les lignes les plus rapides
- ★ Les horaires les plus commodes

SAIGON — NICE — PARIS
SAIGON-PARIS — SAIGON-NOUMEA

CLASSE DE LUXE (avec couchettes
et sleeperettes) et CLASSE TOURISTE

AGENTS GÉNÉRAUX POUR L'INDOCHINE :
MESSAGERIES MARITIMES

46, rue Tu-Do — SAIGON—Tél. : 22.044 et 23.907

VINGT-CINQ ANS D'EXPERIENCE !

CHEZ A. CH. MICHAUX

102 rue Tu-Do (Ex Catinat)

PREMIER OPTICIEN DE SAIGON

diplômé de l'Institut d'Optique de Paris

Dépositaire officiel de **CARL ZEISS**

Correspondant des Frères **LISSAC** à Paris

Dépositaire officiel des Lunettes **AMOR**

doublé or 50/000 et 60/000

Exécution de toutes ordonnances de MM. les Docteurs en 24 heures

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES & CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



MỘT GÓI THUỐC THƯỢNG HẠO HẠNG
Giá 6\$00

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ - nhiệm : HUỖNH - VĂN - LĂNG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ - ĐÌNH - CHÂN
TĂNG - VĂN - CHÍ
ĐỖ - TRỌNG - CHU
LÊ - THÀNH - CƯỜNG
TRẦN - LƯU - DÝ
LÊ - PHÁT - ĐẠT
NGUYỄN - VĂN - ĐẠT
NGUYỄN - LÊ - GIANG
PHẠM - NGỌC - THUẦN - GIAO
NGUYỄN - HỮU - HẠNH
LÊ - VĂN - HOÀNG
NGUYỄN - VĂN - KHẢI
PHẠM - DUY - LÂN
NGUYỄN - QUANG - LỆ
TRẦN - LONG

BÙI - BÁ - LƯU
DƯƠNG - CHÍ - SANH
NGUYỄN - HUY - THANH
BÙI - KIẾN - THÀNH
HOÀNG - KHẮC - THÀNH
PHẠM - NGỌC - THẢO
BÙI - VĂN - THỊNH
NGUYỄN - TẤN - THỊNH
VÕ - NGỌC - TIẾN
VÕ - THU - TỊNH
NGUYỄN - TẤN - TRUNG
PHẠM - KIM - TƯƠNG
HOÀNG - MINH - TUYNH
BÙI - CÔNG - VĂN